

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
01	Hà Nội	800	Học ở nước ngoài
01	Hà Nội	900	Quân nhân, Công an tại ngũ
01	Hà Nội	062	THPT Nguyễn Trãi-Ba Đình
01	Hà Nội	066	THPT Phan Đình Phùng
01	Hà Nội	068	THPT Phạm Hồng Thái
01	Hà Nội	088	THPT Thực nghiệm
01	Hà Nội	211	THPT Đinh Tiên Hoàng-Ba Đình
01	Hà Nội	284	THPT Văn Lang
01	Hà Nội	401	GDNN-GDTX quận Ba Đình
01	Hà Nội	441	GDTX Ba Đình
01	Hà Nội	610	CĐ nghề Hùng Vương
01	Hà Nội	621	CĐ nghề VIGLACERA
01	Hà Nội	098	THPT Trần Phú-Hoàn Kiếm
01	Hà Nội	111	THPT Việt Đức
01	Hà Nội	283	THPT Văn Hiến
01	Hà Nội	406	GDNN-GDTX Nguyễn Văn Tổ quận Hoàn Kiếm
01	Hà Nội	456	GDTX Nguyễn Văn Tổ
01	Hà Nội	501	Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội
01	Hà Nội	636	TC nghề đồng hồ - điện tử - tin học HN
01	Hà Nội	024	THPT Đoàn Kết-Hai Bà Trưng
01	Hà Nội	087	THPT Thăng Long
01	Hà Nội	097	THPT Trần Nhân Tông
01	Hà Nội	214	THPT Đông Kinh
01	Hà Nội	222	THPT Hoàng Diệu
01	Hà Nội	228	THPT Hồng Hà
01	Hà Nội	241	THPT Mai Hắc Đế
01	Hà Nội	271	THCS&THPT Tạ Quang Bửu
01	Hà Nội	295	THCS&THPT Vinschool
01	Hà Nội	297	THPT Hòa Bình-La Trobe-Hà Nội
01	Hà Nội	405	GDNN-GDTX quận Hai Bà Trưng
01	Hà Nội	450	GDTX Hai Bà Trưng
01	Hà Nội	603	CĐ nghề Bách Khoa Hà Nội
01	Hà Nội	612	CĐ nghề KT công nghệ LOD - Phân hiệu HN
01	Hà Nội	631	TC nghề Dân lập Công nghệ Thăng Long
01	Hà Nội	027	THPT Đống Đa
01	Hà Nội	031	THPT Hoàng Cầu
01	Hà Nội	038	THPT Kim Liên
01	Hà Nội	041	THPT Lê Quý Đôn-Đống Đa
01	Hà Nội	067	THPT Phan Huy Chú-Đống Đa

01	Hà Nội	074	THPT Quang Trung-Đống Đa
01	Hà Nội	201	THCS&THPT Alfred Nobel
01	Hà Nội	203	THPT Bắc Hà-Đống Đa
01	Hà Nội	215	THPT Einstein
01	Hà Nội	259	THPT Nguyễn Văn Huyền
01	Hà Nội	275	THPT Tô Hiến Thành
01	Hà Nội	403	GDNN-GDTX quận Đống Đa
01	Hà Nội	449	GDTX Đống Đa
01	Hà Nội	503	Học viện âm nhạc QGVN
01	Hà Nội	507	Đại học Văn Hóa Nghệ thuật Quân đội
01	Hà Nội	601	CĐ Kỹ thuật thiết bị y tế
01	Hà Nội	606	CĐ nghề Công nghiệp Hà Nội
01	Hà Nội	625	TC nghề Công đoàn Việt Nam
01	Hà Nội	647	TC nghề may và thời trang Hà Nội
01	Hà Nội	648	TC nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn HN
01	Hà Nội	659	TC nghề thông tin và truyền thông HN
01	Hà Nội	668	Trường Nghệ thuật Quân đội
01	Hà Nội	008	THPT Chu Văn An
01	Hà Nội	082	THPT Tây Hồ
01	Hà Nội	213	THPT Đông Đô
01	Hà Nội	219	THPT Hà Nội Academy
01	Hà Nội	262	THPT Phan Chu Trinh
01	Hà Nội	270	Song ngữ QT Horizon
01	Hà Nội	410	GDNN-GDTX quận Tây Hồ
01	Hà Nội	463	GDTX Tây Hồ
01	Hà Nội	642	TC nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT
01	Hà Nội	007	THPT Cầu Giấy
01	Hà Nội	009	THPT chuyên Đại học Sư phạm
01	Hà Nội	010	THPT chuyên Hà Nội Amsterdam
01	Hà Nội	013	THPT chuyên ngữ ĐH Ngoại ngữ
01	Hà Nội	060	tHcS&THPT Nguyễn Tất Thành
01	Hà Nội	117	THPT Yên Hòa
01	Hà Nội	221	PTDL Hermann Gmeiner
01	Hà Nội	226	THPT Hồng Bàng
01	Hà Nội	236	THCS&THPT Lương Thế Vinh
01	Hà Nội	239	THPT Lý Thái Tổ
01	Hà Nội	250	THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm-Cầu Giấy
01	Hà Nội	253	THCS&THPT Nguyễn Siêu

01	Hà Nội	293	THCS&THPT Phạm Văn Đồng
01	Hà Nội	296	THPT Global
01	Hà Nội	402	GDNN-GDTX quận Cầu Giấy
01	Hà Nội	443	GDTX&DN Cầu Giấy
01	Hà Nội	505	Trung cấp NT Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam
01	Hà Nội	506	Cao đẳng Sư phạm Trung ương
01	Hà Nội	604	CĐ nghề cơ điện Hà Nội
01	Hà Nội	617	CĐ nghề Phú Châu
01	Hà Nội	619	CĐ nghề Trần Hưng Đạo
01	Hà Nội	669	Trường CĐ Múa Việt Nam
01	Hà Nội	011	THPT chuyên Khoa học tự nhiên
01	Hà Nội	065	THPT Nhân Chính
01	Hà Nội	096	THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân
01	Hà Nội	207	THPT Đào Duy Từ
01	Hà Nội	208	THPT Đại Việt
01	Hà Nội	218	THPT Hà Nội
01	Hà Nội	224	THPT Hồ Tùng Mậu
01	Hà Nội	225	THPT Hồ Xuân Hương
01	Hà Nội	229	THPT Huỳnh Thúc Kháng
01	Hà Nội	238	THPT Lương Văn Can
01	Hà Nội	261	THPT Phan Bội Châu
01	Hà Nội	290	THPT Đông Nam Á
01	Hà Nội	298	THPT Nguyễn Huệ
01	Hà Nội	322	THPT Lương Thế Vinh (trước 9/2015)
01	Hà Nội	335	THPT Nguyễn Trường Tộ
01	Hà Nội	411	GDNN-GDTX quận Thanh Xuân
01	Hà Nội	466	GDTX Thanh Xuân
01	Hà Nội	502	BTVH Công ty Xây dựng Công nghiệp
01	Hà Nội	626	TC nghề Công nghệ ô tô
01	Hà Nội	641	TC nghề Kinh tế Kỹ thuật vinamotor
01	Hà Nội	652	TC nghề số 10
01	Hà Nội	032	THPT Hoàng Văn Thụ
01	Hà Nội	102	THPT Trương Định
01	Hà Nội	112	THPT Việt Nam-Ba Lan
01	Hà Nội	252	THPT Nguyễn Đình Chiểu
01	Hà Nội	268	THPT Phương Nam
01	Hà Nội	279	THPT Trần Quang Khải
01	Hà Nội	294	THCS&THPT Quốc tế Thăng Long
01	Hà Nội	407	GDNN-GDTX quận Hoàng Mai
01	Hà Nội	453	GDTX Hoàng Mai

01	Hà Nội	611	CĐ nghề kinh doanh và công nghệ Hà Nội
01	Hà Nội	637	TC nghề Du lịch Hà Nội
01	Hà Nội	639	TC nghề Giao thông Vận tải
01	Hà Nội	646	TC nghề Kỹ thuật và Nghiệp vụ XD HN
01	Hà Nội	653	TC nghề số 17
01	Hà Nội	045	THPT Lý Thường Kiệt
01	Hà Nội	059	THPT Nguyễn Gia Thiều
01	Hà Nội	085	THPT Thạch Bàn
01	Hà Nội	121	THPT Phúc Lợi
01	Hà Nội	234	THPT Lê Văn Thiêm
01	Hà Nội	273	THPT Tây Sơn
01	Hà Nội	282	THPT Vạn Xuân-Long Biên
01	Hà Nội	287	THPT Wellspring-Mùa Xuân
01	Hà Nội	408	GDNN-GDTX quận Long Biên
01	Hà Nội	471	GDTX Việt Hưng
01	Hà Nội	504	Trung cấp Quang Trung
01	Hà Nội	608	CĐ nghề đường sắt I
01	Hà Nội	616	CĐ nghề Long Biên
01	Hà Nội	061	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
01	Hà Nội	090	THPT Thượng Cát
01	Hà Nội	113	THPT Xuân Đình
01	Hà Nội	212	THPT Đoàn Thị Điểm
01	Hà Nội	220	THCS&THPT Hà Thành
01	Hà Nội	245	THCS&THPT Newton
01	Hà Nội	272	THPT Tây Đô
01	Hà Nội	285	THPT Việt Hoàng
01	Hà Nội	321	THPT Lê Thánh Tông (từ 12/2013 đến 9/2015)
01	Hà Nội	620	CĐ nghề Văn Lang Hà Nội
01	Hà Nội	634	TC nghề Dân lập Quang Trung
01	Hà Nội	638	TC nghề Giao thông Công chính Hà Nội
01	Hà Nội	640	TC nghề Giao thông Vận tải Thăng Long
01	Hà Nội	054	THPT Ngọc Hồi
01	Hà Nội	057	THPT Ngô Thì Nhậm
01	Hà Nội	233	THPT Lê Thánh Tông
01	Hà Nội	323	THPT Lương Thế Vinh (từ 9/2015 đến 4/2017)
01	Hà Nội	426	GdNN-GDTX huyện Thanh Trì
01	Hà Nội	448	GDTX Đông Mỹ
01	Hà Nội	465	GDTX Thanh Trì
01	Hà Nội	654	TC nghề số 18
01	Hà Nội	657	TC nghề T thực Formach
01	Hà Nội	005	THPT Cao Bá Quát-Gia Lâm
01	Hà Nội	019	THPT Dương Xá

01	Hà Nội	064	THPT Nguyễn Văn Cừ
01	Hà Nội	119	THPT Yên Viên
01	Hà Nội	205	THPT Bắc Đuống
01	Hà Nội	232	THPT Lê Ngọc Hân
01	Hà Nội	240	THPT Lý Thánh Tông
01	Hà Nội	276	THPT Tô Hiệu-Gia Lâm
01	Hà Nội	417	GDNN-GDTX huyện Gia Lâm
01	Hà Nội	446	GDTX Đình Xuyên
01	Hà Nội	457	GDTX Phú Thị
01	Hà Nội	615	CĐ nghề Kỹ thuật Mỹ nghệ Việt Nam
01	Hà Nội	624	TC nghề Cơ khí xây dựng
01	Hà Nội	003	THPT Bắc Thăng Long
01	Hà Nội	017	THPT Cổ Loa
01	Hà Nội	025	THPT Đông Anh
01	Hà Nội	043	THPT Liên Hà
01	Hà Nội	109	THPT Vân Nội
01	Hà Nội	202	THPT An Dương Vương
01	Hà Nội	223	THPT Hoàng Long
01	Hà Nội	246	THPT Ngô Quyền-Đông Anh
01	Hà Nội	248	THPT Ngô Tất Tố
01	Hà Nội	264	THPT Phạm Ngũ Lão
01	Hà Nội	291	THPT Lê Hồng Phong
01	Hà Nội	416	GDNN-GDTX huyện Đông Anh
01	Hà Nội	447	GDTX Đông Anh
01	Hà Nội	614	CĐ nghề Kỹ thuật Công nghệ
01	Hà Nội	618	CĐ nghề Thăng Long
01	Hà Nội	623	TC nghề Cơ khí 1 Hà Nội
01	Hà Nội	020	THPT Đa Phúc
01	Hà Nội	037	THPT Kim Anh
01	Hà Nội	049	THPT Minh Phú
01	Hà Nội	078	THPT Sóc Sơn
01	Hà Nội	100	THPT Trung Giã
01	Hà Nội	114	THPT Xuân Giang
01	Hà Nội	209	THPT Đặng Thai Mai
01	Hà Nội	230	THPT Lam Hồng
01	Hà Nội	231	THPT Lạc Long Quân
01	Hà Nội	243	THPT Mạc Đĩnh Chi
01	Hà Nội	244	THPT Minh Trí
01	Hà Nội	255	THPT DL Nguyễn Thượng Hiền
01	Hà Nội	266	THPT DL Phùng Khắc Khoan
01	Hà Nội	424	GDNN-GDTX huyện Sóc Sơn
01	Hà Nội	461	GDTX Sóc Sơn
01	Hà Nội	607	CĐ nghề điện
01	Hà Nội	628	TC nghề Công trình I
01	Hà Nội	630	TC nghề Dân lập Cờ Đỏ

01	Hà Nội	012	THPT chuyên Nguyễn Huệ
01	Hà Nội	040	THPT Lê Lợi
01	Hà Nội	042	THPT Lê Quý Đôn-Hà Đông
01	Hà Nội	075	THPT Quang Trung-Hà Đông
01	Hà Nội	095	THPT Trần Hưng Đạo-Hà Đông
01	Hà Nội	217	THPT Hà Đông
01	Hà Nội	269	PT Quốc Tế Việt Nam
01	Hà Nội	288	THPT Xa La
01	Hà Nội	292	THPT Ngô Gia Tự
01	Hà Nội	324	PT Phùng Hưng (trước 9/2016)
01	Hà Nội	404	GDNN-GDTX quận Hà Đông
01	Hà Nội	451	GDTX Hà Tây
01	Hà Nội	635	TC nghề Đào tạo nhân lực Vinaconex
01	Hà Nội	660	TC nghề Tổng hợp Hà Nội
01	Hà Nội	036	Hữu Nghị 80
01	Hà Nội	079	THPT Sơn Tây
01	Hà Nội	103	THPT Tùng Thiện
01	Hà Nội	115	THPT Xuân Khanh
01	Hà Nội	254	THPT Nguyễn Tất Thành-Sơn Tây
01	Hà Nội	337	PT Võ Thuật Bảo Long
01	Hà Nội	412	GDNN-GDTX thị xã Sơn Tây
01	Hà Nội	462	GDTX Sơn Tây
01	Hà Nội	656	TC nghề Sơn Tây
01	Hà Nội	658	TC nghề Thăng Long
01	Hà Nội	001	THPT Ba Vì
01	Hà Nội	004	THPT Bất Bạt
01	Hà Nội	018	PT Dân tộc nội trú
01	Hà Nội	056	THPT Ngô Quyền-Ba Vì
01	Hà Nội	076	THPT Quảng Oai
01	Hà Nội	120	THPT Minh Quang
01	Hà Nội	149	THPT Ba Vì (trước 4/2017)
01	Hà Nội	150	PT Dân tộc nội trú (trước 4/2017)
01	Hà Nội	151	THPT Minh Quang (trước 4/2017)
01	Hà Nội	237	THPT Lương Thế Vinh-Ba Vì
01	Hà Nội	278	THPT Trần Phú-Ba Vì
01	Hà Nội	413	GDNN-GDTX huyện Ba Vì
01	Hà Nội	442	GDTX Ba Vì
01	Hà Nội	609	CĐ nghề Giao thông vận tải Trung ương I
01	Hà Nội	035	Hữu Nghị T78
01	Hà Nội	055	THPT Ngọc Tảo
01	Hà Nội	072	THPT Phúc Thọ
01	Hà Nội	108	THPT Vân Cốc
01	Hà Nội	227	PT Hồng Đức

01	Hà Nội	422	GDNN-GDTX huyện Phúc Thọ
01	Hà Nội	459	GDTX Phúc Thọ
01	Hà Nội	002	THPT Bắc Lương Sơn
01	Hà Nội	028	THPT Hai Bà Trưng-Thạch Thất
01	Hà Nội	069	THPT Phùng Khắc Khoan-Thạch Thất
01	Hà Nội	086	THPT Thạch Thất
01	Hà Nội	216	THPT FPT
01	Hà Nội	263	THPT Phan Huy Chú-Thạch Thất
01	Hà Nội	427	GDNN-GDTX huyện Thạch Thất
01	Hà Nội	467	GDTX Thạch Thất
01	Hà Nội	650	TC nghề Phùng Khắc Khoan
01	Hà Nội	661	TC nghề Tư thực ASEAN
01	Hà Nội	662	TC nghề tư thực Âu Việt
01	Hà Nội	006	THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai
01	Hà Nội	048	THPT Minh Khai
01	Hà Nội	077	THPT Quốc Oai
01	Hà Nội	258	PT Nguyễn Trục
01	Hà Nội	267	PT Phú Bình
01	Hà Nội	423	GDNN-GDTX huyện Quốc Oai
01	Hà Nội	460	GDTX Quốc Oai
01	Hà Nội	014	THPT Chúc Động
01	Hà Nội	015	THPT Chương Mỹ A
01	Hà Nội	016	THPT Chương Mỹ B
01	Hà Nội	039	THPT Lâm Nghiệp
01	Hà Nội	116	THPT Xuân Mai
01	Hà Nội	141	ĐH Lâm Nghiệp (trước 11/2017)
01	Hà Nội	210	THPT Đặng Tiến Đông
01	Hà Nội	247	THPT Ngô Sỹ Liên
01	Hà Nội	277	THPT Trần Đại Nghĩa
01	Hà Nội	414	GDNN-GDTX huyện Chương Mỹ
01	Hà Nội	444	GDTX Chương Mỹ
01	Hà Nội	023	THPT Đan Phượng
01	Hà Nội	033	THPT Hồng Thái
01	Hà Nội	081	THPT Tân Lập
01	Hà Nội	257	THPT Green City Academy
01	Hà Nội	415	GDNN-GDTX huyện Đan Phượng
01	Hà Nội	445	GDTX Đan Phượng
01	Hà Nội	627	TC nghề Công nghệ Tây An
01	Hà Nội	029	THPT Hoài Đức A
01	Hà Nội	030	THPT Hoài Đức B
01	Hà Nội	107	THPT Vạn Xuân-Hoài Đức
01	Hà Nội	206	THPT Bình Minh

01	Hà Nội	418	GDNN-GDTX huyện Hoài Đức
01	Hà Nội	452	GDTX Hoài Đức
01	Hà Nội	602	CĐ nghề bách Khoa
01	Hà Nội	649	TC nghề Nhân lực Quốc tế
01	Hà Nội	664	TC nghề Văn Canh
01	Hà Nội	058	THPT Nguyễn Du-Thanh Oai
01	Hà Nội	083	THPT Thanh Oai A
01	Hà Nội	084	THPT Thanh Oai B
01	Hà Nội	204	THPT IVS
01	Hà Nội	274	THPT Thanh Xuân
01	Hà Nội	336	THPT Bắc Hà-Thanh Oai
01	Hà Nội	425	GDNN-GDTX huyện Thanh Oai
01	Hà Nội	464	GDTX Thanh Oai
01	Hà Nội	613	CĐ nghề kỹ thuật - công nghệ - kinh tế S
01	Hà Nội	663	TC nghề Tư thực Điện tử -Cơ khí và Xây
01	Hà Nội	034	THPT Hợp Thanh
01	Hà Nội	050	THPT Mỹ Đức A
01	Hà Nội	051	THPT Mỹ Đức B
01	Hà Nội	052	THPT Mỹ Đức C
01	Hà Nội	338	THPT Đinh Tiên Hoàng-Mỹ Đức (trước 9/2016)
01	Hà Nội	420	GDNN-GDTX huyện Mỹ Đức
01	Hà Nội	455	GDTX Mỹ Đức
01	Hà Nội	643	TC nghề kỹ thuật công nghệ vạn xuân
01	Hà Nội	021	THPT Đại Cường
01	Hà Nội	044	THPT Lưu Hoàng
01	Hà Nội	094	THPT Trần Đăng Ninh
01	Hà Nội	105	THPT Ứng Hòa A
01	Hà Nội	106	THPT Ứng Hòa B
01	Hà Nội	256	THPT Nguyễn Thượng Hiền-Ứng Hòa
01	Hà Nội	429	GDNN-GDTX huyện Ứng Hòa
01	Hà Nội	470	GDTX Ứng Hòa
01	Hà Nội	046	THPT Lý Tử Tấn
01	Hà Nội	063	THPT Nguyễn Trãi-Thường Tín
01	Hà Nội	089	THPT Thường Tín
01	Hà Nội	093	THPT Tô Hiệu-Thường Tín
01	Hà Nội	110	THPT Văn Tảo
01	Hà Nội	265	PT Phùng Hưng
01	Hà Nội	428	GDNN-GDTX huyện Thường Tín
01	Hà Nội	468	GDTX Thường Tín
01	Hà Nội	644	TC nghề Kỹ thuật và Công nghệ

01	Hà Nội	665	TC nghề Việt Tiệp
01	Hà Nội	026	THPT Đồng Quan
01	Hà Nội	070	THPT Phú Xuyên A
01	Hà Nội	071	THPT Phú Xuyên B
01	Hà Nội	080	THPT Tân Dân
01	Hà Nội	249	THPT Nguyễn Bình Khiêm
01	Hà Nội	421	GDNN-GDTX huyện Phú Xuyên
01	Hà Nội	458	GDTX Phú Xuyên
01	Hà Nội	622	TC nghề Cơ điện và Chế biến thực phẩm Hà
01	Hà Nội	655	TC nghề số I Hà Nội
01	Hà Nội	047	THPT Mê Linh
01	Hà Nội	073	THPT Quang Minh
01	Hà Nội	091	THPT Tiên Phong
01	Hà Nội	092	THPT Tiên Thịnh
01	Hà Nội	104	THPT Tự Lập
01	Hà Nội	118	THPT Yên Lãng
01	Hà Nội	251	THPT Nguyễn Du-Mê Linh
01	Hà Nội	419	GDNN-GDTX huyện Mê Linh
01	Hà Nội	454	GDTX Mê Linh
01	Hà Nội	645	TC nghề Kỹ thuật và Nghiệp vụ Du lịch
01	Hà Nội	022	THPT Đại Mỗ
01	Hà Nội	053	PT Năng khiếu TDTT Hà Nội
01	Hà Nội	099	THCS-THPT Trần Quốc Tuấn
01	Hà Nội	101	THPT Trung Văn
01	Hà Nội	235	THCS&THPT M.V.Lô-mô-nô-xốp
01	Hà Nội	242	THCS&THPT Marie Curie
01	Hà Nội	260	THPT Olympia
01	Hà Nội	280	THPT Trần Thánh Tông
01	Hà Nội	281	THPT Trí Đức
01	Hà Nội	286	THCS&THPT Việt Úc Hà Nội
01	Hà Nội	289	THPT Xuân Thủy
01	Hà Nội	409	GDNN-GDTX quận Nam Từ Liêm
01	Hà Nội	469	GDTX Từ Liêm
01	Hà Nội	605	CĐ nghề công nghệ cao Hà Nội
01	Hà Nội	629	TC nghề Dân lập CN và NV tổng hợp HN
01	Hà Nội	632	TC nghề Dân lập Kỹ nghệ thực hành Tây Mỗ
01	Hà Nội	633	TC nghề Dân lập Kỹ thuật tổng hợp Hà Nội
01	Hà Nội	651	TC nghề Q. tế Đông dương - Phân hiệu HN
01	Hà Nội	666	TC nghề Việt Úc

01	Hà Nội	142	THPT Đại Mỗ (trước 12/2013)
01	Hà Nội	143	PT Năng khiếu TDTT Hà Nội (trước 12/2013)
01	Hà Nội	144	THPT Nguyễn Thị Minh Khai (trước 12/2013)
01	Hà Nội	145	THPT Thượng Cát (trước 12/2013)
01	Hà Nội	146	THCS-THPT Trần Quốc Tuấn (trước 12/2013)
01	Hà Nội	147	THPT Trung Văn (trước 12/2013)
01	Hà Nội	148	THPT Xuân Đình (trước 12/2013)
01	Hà Nội	320	THPT Lê Thánh Tông (trước 12/2013)
01	Hà Nội	325	THPT DL Đoàn Thị Điểm (trước 12/2013)
01	Hà Nội	326	THCS-THPT Hà Thành (trước 12/2013)
01	Hà Nội	327	THPT Huỳnh Thúc Kháng (trước 12/2013)
01	Hà Nội	328	THCS&THPT M.V.Lô-mô-nô-xốp (trước 12/2013)
01	Hà Nội	329	THCS-THPT Newton (trước 12/2013)
01	Hà Nội	330	THPT Olympia (trước 12/2013)
01	Hà Nội	331	THPT Tây Đô (trước 12/2013)
01	Hà Nội	332	THPT Trí Đức (trước 12/2013)
01	Hà Nội	333	THCS&THPT Việt Úc Hà Nội (trước 12/2013)
01	Hà Nội	334	THPT Xuân Thủy (trước 12/2013)
01	Hà Nội	472	GDTX Từ Liêm (trước 12/2013)

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
02	TP. Hồ Chí Minh	800	Học ở nước ngoài 02
02	TP. Hồ Chí Minh	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 02
02	TP. Hồ Chí Minh	001	THPT Trưng Vương
02	TP. Hồ Chí Minh	002	THPT Bùi Thị Xuân
02	TP. Hồ Chí Minh	003	THPT Tenloman
02	TP. Hồ Chí Minh	004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa
02	TP. Hồ Chí Minh	005	THPT Lương Thế Vinh

02	TP. Hồ Chí Minh	006	THPT Năng Khiếu Thể dục thể thao
02	TP. Hồ Chí Minh	201	THCS, THPT Đặng Khoa
02	TP. Hồ Chí Minh	202	TH THCS và THPT Quốc tế á Châu
02	TP. Hồ Chí Minh	203	Song ngữ Quốc tế Horizon
02	TP. Hồ Chí Minh	204	THCS, THPT Châu á Thái Bình Dương
02	TP. Hồ Chí Minh	205	TH, THCS và THPT úc Châu
02	TP. Hồ Chí Minh	501	TT GDNN VÀ GDTX Quận 1
02	TP. Hồ Chí Minh	525	TT GDNN VÀ GDTX Lê Quý Đôn
02	TP. Hồ Chí Minh	526	Nhạc Viện Thành phố Hồ Chí Minh
02	TP. Hồ Chí Minh	537	BTVH CĐKT Cao Thắng
02	TP. Hồ Chí Minh	601	TC KT Nông Nghiệp
02	TP. Hồ Chí Minh	701	CĐ nghề Thành phố Hồ Chí Minh
02	TP. Hồ Chí Minh	801	ĐH Sân Khấu Điện ảnh
02	TP. Hồ Chí Minh	007	THPT Giồng Ông Tố
02	TP. Hồ Chí Minh	008	THPT Thủ Thiêm
02	TP. Hồ Chí Minh	804	ĐH Văn Hóa Thành phố Hồ Chí Minh
02	TP. Hồ Chí Minh	009	THPT Lê Quý Đôn
02	TP. Hồ Chí Minh	010	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
02	TP. Hồ Chí Minh	011	THPT Marie Curie
02	TP. Hồ Chí Minh	012	Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm
02	TP. Hồ Chí Minh	013	THPT Nguyễn Thị Diệu
02	TP. Hồ Chí Minh	206	THCS, THPT Nguyễn Bình Khiêm
02	TP. Hồ Chí Minh	284	TH Múa
02	TP. Hồ Chí Minh	296	TH, THCS và THPT Tây Úc
02	TP. Hồ Chí Minh	502	TT GDNN VÀ GDTX Quận 2
02	TP. Hồ Chí Minh	527	TT BTDN&TVL cho người tàn tật
02	TP. Hồ Chí Minh	538	Phân hiệu BTVH Lê Thị Hồng Gấm
02	TP. Hồ Chí Minh	602	TC nghề Nhân Đạo
02	TP. Hồ Chí Minh	603	TC nghề TT Kinh tế kỹ thuật Sài Gòn 3
02	TP. Hồ Chí Minh	702	CĐ Giao thông Vận tải
02	TP. Hồ Chí Minh	703	CĐ nghề Việt Mỹ
02	TP. Hồ Chí Minh	014	THPT Nguyễn Trãi
02	TP. Hồ Chí Minh	015	THPT Nguyễn Hữu Thọ
02	TP. Hồ Chí Minh	504	TT GDNN VÀ GDTX Quận 4
02	TP. Hồ Chí Minh	016	THPT chuyên Lê Hồng Phong
02	TP. Hồ Chí Minh	017	THPT Hùng Vương
02	TP. Hồ Chí Minh	018	THPT Trần Khai Nguyên

02	TP. Hồ Chí Minh	019	Phổ Thông Năng Khiếu ĐHQG TP. HCM
02	TP. Hồ Chí Minh	020	Trung học Thực hành Đại học Sư phạm
02	TP. Hồ Chí Minh	021	THPT Trần Hữu Trang
02	TP. Hồ Chí Minh	022	THTH Đại học Sài Gòn
02	TP. Hồ Chí Minh	207	THCS THPT An Đông
02	TP. Hồ Chí Minh	208	THPT Thăng Long
02	TP. Hồ Chí Minh	209	THPT Văn Lang
02	TP. Hồ Chí Minh	210	THCS, THPT Quang Trung Nguyễn Huệ
02	TP. Hồ Chí Minh	285	THCS THPT Khai Trí
02	TP. Hồ Chí Minh	286	THPT Tân Nam Mỹ
02	TP. Hồ Chí Minh	505	TT GDNN VÀ GDTX Quận 5
02	TP. Hồ Chí Minh	528	Tt GDNN Và GDTX Chu Văn An
02	TP. Hồ Chí Minh	604	TC Kinh tế Du lịch TP. Hồ Chí Minh
02	TP. Hồ Chí Minh	023	THPT Mạc Đĩnh Chi
02	TP. Hồ Chí Minh	024	THPT Bình Phú
02	TP. Hồ Chí Minh	025	THPT Nguyễn Tất Thành
02	TP. Hồ Chí Minh	105	THPT Phạm Phú Thứ
02	TP. Hồ Chí Minh	211	THCS THPT Phan Bội Châu
02	TP. Hồ Chí Minh	212	THPT Quốc Trí
02	TP. Hồ Chí Minh	213	THCS và THPT Đào Duy Anh
02	TP. Hồ Chí Minh	214	THPT Phú Lâm
02	TP. Hồ Chí Minh	506	TT GDNN VÀ GDTX Quận 6
02	TP. Hồ Chí Minh	704	CĐ GTVT 3
02	TP. Hồ Chí Minh	705	CĐ Kỹ thuật Phú Lâm
02	TP. Hồ Chí Minh	026	THPT Lê Thánh Tôn
02	TP. Hồ Chí Minh	027	THPT Ngô Quyền
02	TP. Hồ Chí Minh	028	THPT Tân Phong
02	TP. Hồ Chí Minh	029	THPT Nam Sài gòn
02	TP. Hồ Chí Minh	215	THCS và THPT Đinh Thiện Lý
02	TP. Hồ Chí Minh	216	THCS và THPT Sao Việt
02	TP. Hồ Chí Minh	217	THCS và THPT Đức Trí
02	TP. Hồ Chí Minh	218	TH THCS và THPT quốc tế Canada
02	TP. Hồ Chí Minh	287	THPT quốc tế Khai Sáng
02	TP. Hồ Chí Minh	507	TT GDNN VÀ GDTX Quận 7
02	TP. Hồ Chí Minh	605	TCKTNV Nguyễn Hữu Cánh
02	TP. Hồ Chí Minh	706	CĐ BC CN&QTDN
02	TP. Hồ Chí Minh	030	THPT Lương Văn Can
02	TP. Hồ Chí Minh	031	THPT Ngô Gia Tự
02	TP. Hồ Chí Minh	032	THPT Tạ Quang Bửu
02	TP. Hồ Chí Minh	033	THPT Chuyên NKDĐT Nguyễn Thị Định
02	TP. Hồ Chí Minh	034	THPT Nguyễn Văn Linh
02	TP. Hồ Chí Minh	035	THPT Vo Văn Kiệt
02	TP. Hồ Chí Minh	219	TH THCS và THPT Nam Mỹ

02	TP. Hồ Chí Minh	508	TT GDNN VÀ GDTX Quận 8
02	TP. Hồ Chí Minh	606	THCN L.Thực T.Phẩm
02	TP. Hồ Chí Minh	607	TCKT&NV Nam Sài Gòn
02	TP. Hồ Chí Minh	036	THPT Nguyễn Huệ
02	TP. Hồ Chí Minh	037	THPT Phước Long
02	TP. Hồ Chí Minh	038	THPT Long Trường
02	TP. Hồ Chí Minh	039	THPT Nguyễn Văn Tăng
02	TP. Hồ Chí Minh	220	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm
02	TP. Hồ Chí Minh	221	THCS và THPT Hoa Sen
02	TP. Hồ Chí Minh	509	TT GDNN VÀ GDTX Quận 9
02	TP. Hồ Chí Minh	608	TC nghề xây lắp điện
02	TP. Hồ Chí Minh	609	TC nghề Lê Thị Riêng
02	TP. Hồ Chí Minh	707	CĐ KT KT Công Nghiệp 2
02	TP. Hồ Chí Minh	708	CĐ nghề Kỹ thuật Công nghệ
02	TP. Hồ Chí Minh	040	THPT Nguyễn Khuyến
02	TP. Hồ Chí Minh	041	THPT Nguyễn Du
02	TP. Hồ Chí Minh	042	THPT Nguyễn An Ninh
02	TP. Hồ Chí Minh	043	THPT Sương Nguyệt Anh
02	TP. Hồ Chí Minh	044	THCS VÀ THPT Diên Hồng
02	TP. Hồ Chí Minh	222	TH THCS và THPT Vạn Hạnh
02	TP. Hồ Chí Minh	223	THCS, THPT Duy Tân
02	TP. Hồ Chí Minh	224	TH THCS và THPT Việt úc
02	TP. Hồ Chí Minh	510	TT GDNN VÀ GDTX Quận 10
02	TP. Hồ Chí Minh	530	Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu
02	TP. Hồ Chí Minh	610	TC Hồng Hà
02	TP. Hồ Chí Minh	611	TC Vạn Tường
02	TP. Hồ Chí Minh	612	TC nghề KTNV Tôn Đức Thắng
02	TP. Hồ Chí Minh	613	TC nghề số 7
02	TP. Hồ Chí Minh	709	CĐ Kinh Tế
02	TP. Hồ Chí Minh	045	THPT Nguyễn Hiền
02	TP. Hồ Chí Minh	046	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa
02	TP. Hồ Chí Minh	047	THPT Trần Quang Khải
02	TP. Hồ Chí Minh	225	TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký
02	TP. Hồ Chí Minh	226	THPT Trần Nhân Tông
02	TP. Hồ Chí Minh	227	THPT Trần Quốc Tuấn
02	TP. Hồ Chí Minh	228	THPT Việt Mỹ Anh
02	TP. Hồ Chí Minh	288	THPT Quốc tế APU
02	TP. Hồ Chí Minh	511	TT GDNN VÀ GDTX Quận 11
02	TP. Hồ Chí Minh	529	PH Văn Hóa ĐH Tài Chính - Marketing
02	TP. Hồ Chí Minh	531	TT Huấn luyện và Thi đấu TDTT
02	TP. Hồ Chí Minh	048	THPT Võ Trường Toản
02	TP. Hồ Chí Minh	049	THPT Thanh Lộc

02	TP. Hồ Chí Minh	050	THPT Trường Chinh
02	TP. Hồ Chí Minh	229	THCS THPT Bắc Sơn
02	TP. Hồ Chí Minh	230	THCS và THPT Lạc Hồng
02	TP. Hồ Chí Minh	231	THCS và THPT Hoa Lư
02	TP. Hồ Chí Minh	232	TH THCS và THPT Mỹ Việt
02	TP. Hồ Chí Minh	512	TT GDNN VÀ GDTX Quận 12
02	TP. Hồ Chí Minh	614	TC Phương Đông
02	TP. Hồ Chí Minh	615	TC nghề Ngọc Phước
02	TP. Hồ Chí Minh	616	TC Thông tin Truyền thông
02	TP. Hồ Chí Minh	617	TC KTKT Quận 12
02	TP. Hồ Chí Minh	618	TC ánh Sáng
02	TP. Hồ Chí Minh	051	THPT Gò Vấp
02	TP. Hồ Chí Minh	052	THPT Nguyễn Trung Trực
02	TP. Hồ Chí Minh	053	THPT Nguyễn Công Trứ
02	TP. Hồ Chí Minh	054	THPT Trần Hưng Đạo
02	TP. Hồ Chí Minh	234	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão
02	TP. Hồ Chí Minh	235	Phổ thông DL Hermann Gmeiner
02	TP. Hồ Chí Minh	236	THCS THPT Bạch Đằng
02	TP. Hồ Chí Minh	237	THCS THPT Hồng Hà
02	TP. Hồ Chí Minh	238	THPT Việt Âu
02	TP. Hồ Chí Minh	239	THPT Đông Dương
02	TP. Hồ Chí Minh	240	TH THCS và THPT Đại Việt
02	TP. Hồ Chí Minh	241	THPT Lý Thái Tổ
02	TP. Hồ Chí Minh	242	THCS và THPT Âu Lạc
02	TP. Hồ Chí Minh	243	THPT Đào Duy Từ
02	TP. Hồ Chí Minh	244	TH THCS và THPT Nguyễn Tri Phương
02	TP. Hồ Chí Minh	289	THCS và THPT Phùng Hưng
02	TP. Hồ Chí Minh	503	TT GDNN VÀ GDTX Quận 3
02	TP. Hồ Chí Minh	513	TT GDNN VÀ GDTX Quận Gò Vấp
02	TP. Hồ Chí Minh	532	ĐH Công nghiệp
02	TP. Hồ Chí Minh	539	TT GDNN VÀ GDTX Trần Hưng Đạo
02	TP. Hồ Chí Minh	619	TC nghề Quang Trung
02	TP. Hồ Chí Minh	620	TC Âu Việt
02	TP. Hồ Chí Minh	621	TC Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh
02	TP. Hồ Chí Minh	622	TC KTKT Sài Gòn
02	TP. Hồ Chí Minh	055	THPT Nguyễn Thượng Hiền
02	TP. Hồ Chí Minh	056	THPT Nguyễn Thái Bình
02	TP. Hồ Chí Minh	057	THPT Nguyễn Chí Thanh
02	TP. Hồ Chí Minh	058	THPT Lý Tự Trọng
02	TP. Hồ Chí Minh	245	THCS và THPT Nguyễn Khuyến
02	TP. Hồ Chí Minh	246	THCS THPT Thái Bình
02	TP. Hồ Chí Minh	247	TH, THCS và THPT Thanh Bình
02	TP. Hồ Chí Minh	248	THCS THPT Việt Thanh

02	TP. Hồ Chí Minh	249	TH THCS và THPT Thái Bình Dương
02	TP. Hồ Chí Minh	250	THCS và THPT Hoàng Diệu
02	TP. Hồ Chí Minh	251	THCS và THPT Bắc ái
02	TP. Hồ Chí Minh	252	THPT Hai Bà Trưng
02	TP. Hồ Chí Minh	253	THPT Thủ Khoa Huân
02	TP. Hồ Chí Minh	290	THCS và THPT Hiền Vương
02	TP. Hồ Chí Minh	291	THPT Tân Trào
02	TP. Hồ Chí Minh	514	TT GDNN VÀ GDTX Quận Tân Bình
02	TP. Hồ Chí Minh	536	TT GDNN VÀ GDTX Thanh niên xung phong
02	TP. Hồ Chí Minh	623	TC TC KT TH Sai Gòn
02	TP. Hồ Chí Minh	710	CĐKT Lý Tự Trọng TP. HCM
02	TP. Hồ Chí Minh	802	ĐH DL Hồng Bàng
02	TP. Hồ Chí Minh	059	THPT Tân Bình
02	TP. Hồ Chí Minh	060	THPT Trần Phú
02	TP. Hồ Chí Minh	061	THPT Tây Thạnh
02	TP. Hồ Chí Minh	106	THPT Lê Trọng Tấn
02	TP. Hồ Chí Minh	233	THCS THPT Đông Du
02	TP. Hồ Chí Minh	254	TH, THCS VÀ THPT TUỆ ĐỨC
02	TP. Hồ Chí Minh	255	THCS THPT Hồng Đức
02	TP. Hồ Chí Minh	256	THCS và THPT Nhân Văn
02	TP. Hồ Chí Minh	257	THCS và THPT Trí Đức
02	TP. Hồ Chí Minh	258	TH THCS và THPT Hòa Bình
02	TP. Hồ Chí Minh	259	THPT Vĩnh Viễn
02	TP. Hồ Chí Minh	260	TH THCS và THPT Quốc Văn Sài Gòn
02	TP. Hồ Chí Minh	261	THPT Minh Đức
02	TP. Hồ Chí Minh	262	THCS THPT Tân Phú
02	TP. Hồ Chí Minh	263	THPT Trần Quốc Toản
02	TP. Hồ Chí Minh	264	THCS và THPT Khai Minh
02	TP. Hồ Chí Minh	265	THCS và THPT Đình Tiên Hoàng
02	TP. Hồ Chí Minh	266	THPT An Dương Vương
02	TP. Hồ Chí Minh	267	THPT Nhân Việt
02	TP. Hồ Chí Minh	268	THPT Đông á
02	TP. Hồ Chí Minh	269	THPT Thành Nhân
02	TP. Hồ Chí Minh	270	THCS, THPT Nam Việt
02	TP. Hồ Chí Minh	271	THPT Trần Cao Vân
02	TP. Hồ Chí Minh	515	TT GDNN VÀ GDTX Quận Tân Phú
02	TP. Hồ Chí Minh	533	ĐH Công Nghiệp Thực Phẩm tP.HCM
02	TP. Hồ Chí Minh	624	TCKTKT Tây Nam á
02	TP. Hồ Chí Minh	625	TC Y dược Kỹ thương
02	TP. Hồ Chí Minh	711	CĐ nghề Giao thông vận tải TW3
02	TP. Hồ Chí Minh	062	THPT Thanh Đa

02	TP. Hồ Chí Minh	063	THPT Võ Thị Sáu
02	TP. Hồ Chí Minh	064	THPT Phan Đăng Lưu
02	TP. Hồ Chí Minh	065	THPT Hoàng Hoa Thám
02	TP. Hồ Chí Minh	066	THPT Gia Định
02	TP. Hồ Chí Minh	067	THPT Trần Văn Giàu
02	TP. Hồ Chí Minh	272	THPT Hưng Đạo
02	TP. Hồ Chí Minh	273	THPT Đông Đô
02	TP. Hồ Chí Minh	274	THPT Lam Sơn
02	TP. Hồ Chí Minh	294	THCS THPT Mùa Xuân
02	TP. Hồ Chí Minh	516	TT GDNN VÀ GDTX Quận Bình Thạnh
02	TP. Hồ Chí Minh	534	TT GDNN VÀ GDTX Gia Định
02	TP. Hồ Chí Minh	535	TT GDNN VÀ GDTX Tôn Đức Thắng
02	TP. Hồ Chí Minh	540	BTVH Thanh Đa
02	TP. Hồ Chí Minh	626	TC nghề Du lịch và Tiếp thị Quốc tế
02	TP. Hồ Chí Minh	627	TC nghề Công nghiệp & Xây dựng FICO
02	TP. Hồ Chí Minh	803	ĐH DL Văn Hiến
02	TP. Hồ Chí Minh	068	THPT Phú Nhuận
02	TP. Hồ Chí Minh	069	THPT Hàn Thuyên
02	TP. Hồ Chí Minh	275	TH, THCS và THPT Quốc tế
02	TP. Hồ Chí Minh	276	TH, THCS, THPT Việt Mỹ
02	TP. Hồ Chí Minh	277	THCS và THPT Việt Anh
02	TP. Hồ Chí Minh	292	THPT quốc tế Việt úc
02	TP. Hồ Chí Minh	517	TT GdNn Và GDTX Quận Phú Nhuận
02	TP. Hồ Chí Minh	541	BTVH ĐH Ngoại Thương
02	TP. Hồ Chí Minh	628	TC nghề Công nghệ Bách khoa
02	TP. Hồ Chí Minh	629	TC Mai Linh
02	TP. Hồ Chí Minh	070	THPT Nguyễn Hữu Huân
02	TP. Hồ Chí Minh	071	THPT Hiệp Bình
02	TP. Hồ Chí Minh	072	THPT Thủ Đức
02	TP. Hồ Chí Minh	073	THPT Tam Phú
02	TP. Hồ Chí Minh	074	THPT Đào Sơn Tây
02	TP. Hồ Chí Minh	107	Phổ thông Năng khiếu Thể thao Olympic
02	TP. Hồ Chí Minh	278	THPT Bách Việt
02	TP. Hồ Chí Minh	293	THPT Phương Nam
02	TP. Hồ Chí Minh	518	TT GDNN VÀ GDTX Quận Thủ Đức
02	TP. Hồ Chí Minh	630	TC nghề Thủ Đức
02	TP. Hồ Chí Minh	631	TC nghề Công nghiệp tàu thủy II
02	TP. Hồ Chí Minh	632	TC Đại Việt
02	TP. Hồ Chí Minh	633	TC Đông Dương
02	TP. Hồ Chí Minh	712	CĐ Công nghệ Thủ Đức
02	TP. Hồ Chí Minh	075	THPT An Lạc
02	TP. Hồ Chí Minh	076	THPT Vĩnh Lộc

02	TP. Hồ Chí Minh	077	THPT Bình Hưng Hòa
02	TP. Hồ Chí Minh	078	THPT Nguyễn Hữu Cánh
02	TP. Hồ Chí Minh	079	THPT Bình Tân
02	TP. Hồ Chí Minh	279	THCS, THPT Ngôi Sao
02	TP. Hồ Chí Minh	280	THCS và THPT Phan Châu Trinh
02	TP. Hồ Chí Minh	281	TH, THCS và THPT Chu Văn An
02	TP. Hồ Chí Minh	282	THPT Hàm Nghi
02	TP. Hồ Chí Minh	519	TT GDNN VÀ GDTX Quận Bình Tân
02	TP. Hồ Chí Minh	634	TC Quang Trung
02	TP. Hồ Chí Minh	080	THPT Đa Phước
02	TP. Hồ Chí Minh	081	THPT Lê Minh Xuân
02	TP. Hồ Chí Minh	082	THPT Bình Chánh
02	TP. Hồ Chí Minh	083	THPT Tân Túc
02	TP. Hồ Chí Minh	084	THPT Vĩnh Lộc B
02	TP. Hồ Chí Minh	108	THPT Năng khiếu TDTT Bình Chánh
02	TP. Hồ Chí Minh	283	TH, THCS và THPT Quốc Tế Bắc Mỹ
02	TP. Hồ Chí Minh	295	TH THCS và THPT Albert Einstein
02	TP. Hồ Chí Minh	520	TT GDNN VÀ GDTX Huyện Bình Chánh
02	TP. Hồ Chí Minh	085	THPT Củ Chi
02	TP. Hồ Chí Minh	086	THPT Trung Phú
02	TP. Hồ Chí Minh	087	THPT Quang Trung
02	TP. Hồ Chí Minh	088	THPT Trung Lập
02	TP. Hồ Chí Minh	089	THPT An Nhơn Tây
02	TP. Hồ Chí Minh	090	THPT Tân Thông Hội
02	TP. Hồ Chí Minh	091	THPT Phú Hòa
02	TP. Hồ Chí Minh	092	Thiếu Sinh Quân
02	TP. Hồ Chí Minh	521	TT GDNN VÀ GDTX Huyện Củ Chi
02	TP. Hồ Chí Minh	635	TC Bách Khoa Sài Gòn
02	TP. Hồ Chí Minh	636	TC Tây sài Gòn
02	TP. Hồ Chí Minh	637	TC nghề Củ Chi
02	TP. Hồ Chí Minh	093	THPT Lý Thường Kiệt
02	TP. Hồ Chí Minh	094	THPT Nguyễn Hữu Cầu
02	TP. Hồ Chí Minh	095	THPT Bà Điểm
02	TP. Hồ Chí Minh	096	THPT Nguyễn Văn Cừ
02	TP. Hồ Chí Minh	097	THPT Nguyễn Hữu Tiến
02	TP. Hồ Chí Minh	098	THPT Phạm Văn Sáng
02	TP. Hồ Chí Minh	522	TT GDNN VÀ GDTX Huyện Hóc Môn
02	TP. Hồ Chí Minh	638	TC KTKT Huyện Hóc Môn
02	TP. Hồ Chí Minh	099	THPT Long Thới
02	TP. Hồ Chí Minh	100	THPT Phước Kiển
02	TP. Hồ Chí Minh	101	THPT Dương Văn Dương
02	TP. Hồ Chí Minh	523	TT GDNN VÀ GDTX Huyện Nhà Bè

02	TP. Hồ Chí Minh	102	THPT Cần Thạnh
02	TP. Hồ Chí Minh	103	THPT Bình Khánh
02	TP. Hồ Chí Minh	104	THPT An Nghĩa
02	TP. Hồ Chí Minh	524	TT GDNN VÀ GDTX Huyện Cần Giờ

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
03	Hải Phòng	800	Học ở nước ngoài 03
03	Hải Phòng	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 03
03	Hải Phòng	001	THPT Lê Hồng Phong
03	Hải Phòng	002	THPT Hồng Bàng
03	Hải Phòng	003	THPT Lương Thế Vinh
03	Hải Phòng	005	TT DN&GDTX Hồng Bàng
03	Hải Phòng	090	TT GDNN-GDTX Hồng Bàng
03	Hải Phòng	007	THPT Ngô Quyền
03	Hải Phòng	008	THPT Trần Nguyên Hân
03	Hải Phòng	009	THPT Lê Chân
03	Hải Phòng	010	THPT Lý Thái Tổ
03	Hải Phòng	011	TT GDTX Hải Phòng
03	Hải Phòng	016	PT NCH Nguyễn Tất Thành
03	Hải Phòng	086	TT DN&GDTX Lê Chân
03	Hải Phòng	091	TT GDNN-GDTX Lê Chân
03	Hải Phòng	014	THPT Thái Phiên
03	Hải Phòng	015	THPT Hàng Hải
03	Hải Phòng	017	THPT Thăng Long
03	Hải Phòng	018	THPT Marie Curie
03	Hải Phòng	019	THPT Hermann Gmeiner
03	Hải Phòng	020	THPT Anhtan
03	Hải Phòng	021	TT DN&GDTX Ngô Quyền
03	Hải Phòng	081	THPT Lương Khánh Thiện
03	Hải Phòng	092	TT GDNN-GDTX Ngô Quyền
03	Hải Phòng	023	THPT Kiến An
03	Hải Phòng	024	THPT Phan Đăng Lưu
03	Hải Phòng	026	TT DN&GDTX Kiến An
03	Hải Phòng	079	THPT Đồng Hòa
03	Hải Phòng	093	TT GDNN-GDTX Kiến An
03	Hải Phòng	013	THPT Chuyên Trần Phú
03	Hải Phòng	025	THPT Hải An
03	Hải Phòng	028	THPT Lê Quý Đôn
03	Hải Phòng	029	THPT Phan Chu Trinh
03	Hải Phòng	030	TT DN&GDTX Hải An
03	Hải Phòng	094	TT GDNN-GDTX Hải An
03	Hải Phòng	032	THPT Đồ Sơn
03	Hải Phòng	033	Trường PT Nội Trú Đồ Sơn
03	Hải Phòng	034	TT DN&GDTX Đồ Sơn
03	Hải Phòng	095	TT GDNN-GDTX Đồ Sơn

03	Hải Phòng	036	THPT An Lão
03	Hải Phòng	037	THPT Trần Hưng Đạo
03	Hải Phòng	038	THPT Tân Trào
03	Hải Phòng	039	THPT Trần Tất Văn
03	Hải Phòng	040	TT DN&GDTX An Lão
03	Hải Phòng	084	THPT Quốc Tuấn
03	Hải Phòng	096	TT GDNN-GDTX An Lão
03	Hải Phòng	042	THPT Kiến Thụy
03	Hải Phòng	043	THPT Nguyễn Đức Cảnh
03	Hải Phòng	045	THPT Nguyễn Huệ
03	Hải Phòng	046	TT DN&GDTX Kiến Thụy
03	Hải Phòng	082	THPT Thụy Hương
03	Hải Phòng	097	TT GDNN-GDTX Kiến Thụy
03	Hải Phòng	048	THPT Phạm Ngũ Lão
03	Hải Phòng	049	THPT Bạch Đằng
03	Hải Phòng	050	THPT Quang Trung
03	Hải Phòng	051	THPT Lý Thường Kiệt
03	Hải Phòng	052	THPT Lê ích Mộc
03	Hải Phòng	053	THPT Thủy Sơn
03	Hải Phòng	054	THPT 25/10
03	Hải Phòng	055	THPT Nam Triệu
03	Hải Phòng	056	TT DN&GDTX Thủy Nguyên
03	Hải Phòng	098	TT GdNN-GDTX Thủy Nguyên
03	Hải Phòng	058	THPT Nguyễn Trãi
03	Hải Phòng	059	THPT An Dương
03	Hải Phòng	060	THPT Tân An
03	Hải Phòng	061	THPT An Hải
03	Hải Phòng	062	TTDN&GDTX An Dương
03	Hải Phòng	099	TT gDnN-GDTX An Dương
03	Hải Phòng	064	THPT Tiên Lãng
03	Hải Phòng	065	THPT Toàn Thắng
03	Hải Phòng	066	THPT Hùng Thắng
03	Hải Phòng	067	THPT Nhữ Văn Lan
03	Hải Phòng	068	TT DN&GDTX Tiên Lãng
03	Hải Phòng	100	TT GDNN-GDTX Tiên Lãng
03	Hải Phòng	070	THPT Nguyễn Bình Khiêm
03	Hải Phòng	071	THPT Tô Hiệu
03	Hải Phòng	072	THPT Vĩnh Bảo
03	Hải Phòng	073	THPT Cộng Hiền
03	Hải Phòng	074	THPT Nguyễn Khuyến
03	Hải Phòng	075	TT DN&GDTX Vĩnh Bảo
03	Hải Phòng	101	TT GDNN-GDTX Vĩnh Bảo
03	Hải Phòng	077	THPT Cát Bà
03	Hải Phòng	078	THPT Cát Hải
03	Hải Phòng	080	THPT Cát Hải
03	Hải Phòng	083	TT DN&GDTX Cát Hải
03	Hải Phòng	102	TT GDNN-GDTX Cát Hải
03	Hải Phòng	044	THPT Mạc Đĩnh Chi
03	Hải Phòng	089	TT DN&GDTX Q.Đương Kính

03	Hải Phòng	103	TT GDNN-GDTX Q.Đương Kinh
----	-----------	-----	---------------------------

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
04	Đà Nẵng	800	Học ở nước ngoài 04
04	Đà Nẵng	900	Quân nhân, Công an_04
04	Đà Nẵng	001	THPT Nguyễn Hiền
04	Đà Nẵng	002	THPT Phan Châu Trinh
04	Đà Nẵng	003	THPT Trần Phú
04	Đà Nẵng	004	THPT Diên Hồng
04	Đà Nẵng	006	TT GDTX, KTTH-HN&DN quận Hải Châu
04	Đà Nẵng	033	THPT Sky-Line Đà Nẵng
04	Đà Nẵng	007	THPT Thái Phiên
04	Đà Nẵng	008	TT TT GDTX, KTTH-HN&DN Thanh Khê
04	Đà Nẵng	009	THPT Quang Trung
04	Đà Nẵng	028	THPT Thanh Khê
04	Đà Nẵng	035	Trung tâm GDTX số 2
04	Đà Nẵng	005	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
04	Đà Nẵng	010	THPT Hoàng Hoa Thám
04	Đà Nẵng	011	THPT Ngô Quyền
04	Đà Nẵng	012	TT GDTX Thành Phố
04	Đà Nẵng	013	TT GDTX, KTTH-HN&DN Sơn Trà
04	Đà Nẵng	027	THPT Tôn Thất Tùng
04	Đà Nẵng	034	Trung tâm GDTX số 1
04	Đà Nẵng	014	THPT Ngũ Hành Sơn
04	Đà Nẵng	015	TT GDTX, KTTH-HN&DN Ngũ Hành Sơn
04	Đà Nẵng	016	PT Hermann Gmeiner
04	Đà Nẵng	017	THPT Nguyễn Trãi
04	Đà Nẵng	018	TH-THCS-THPT Khai Trí
04	Đà Nẵng	019	TT GDTX, KTTH-HN&DN Liên Chiểu
04	Đà Nẵng	026	THPT Nguyễn Thượng Hiền
04	Đà Nẵng	030	THPT Liên Chiểu
04	Đà Nẵng	021	THPT Phan Thành Tài
04	Đà Nẵng	022	THPT Ông Ích Khiêm
04	Đà Nẵng	023	THPT Phạm Phú Thứ
04	Đà Nẵng	025	TT GDTX, KTTH-HN&DN Hòa Vang
04	Đà Nẵng	020	THPT Hòa Vang
04	Đà Nẵng	024	TT GDTX, KTTH-HN&DN Cẩm Lệ
04	Đà Nẵng	029	THPT Cẩm Lệ
04	Đà Nẵng	031	THCS và THPT Hiền Nhân
04	Đà Nẵng	036	Trung tâm GDTX số 3

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
05	Hà Giang	800	Học ở nước ngoài 05
05	Hà Giang	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 05
05	Hà Giang	012	THPT Chuyên
05	Hà Giang	013	THPT Lê Hồng Phong
05	Hà Giang	014	THPT Ngọc Ha
05	Hà Giang	015	PTDT Nội trú tỉnh
05	Hà Giang	031	GDTX Tỉnh
05	Hà Giang	050	CĐ Nghề Hà Giang
05	Hà Giang	054	CĐSP Hà Giang
05	Hà Giang	058	PTDT Nội trú THPT tỉnh Hà Giang
05	Hà Giang	063	GDTX - HN tỉnh Hà Giang
05	Hà Giang	026	THPT Đồng Văn
05	Hà Giang	032	GDTX Đồng Văn
05	Hà Giang	064	GDNN - GDTX Đồng Văn
05	Hà Giang	017	THPT Mèo Vạc
05	Hà Giang	033	GDTX Mèo Vạc
05	Hà Giang	065	GDNN - GDTX Mèo Vạc
05	Hà Giang	018	THPT Yên Minh
05	Hà Giang	034	GDTX Yên Minh
05	Hà Giang	045	PT DTNT cấp 2-3 Yên Minh
05	Hà Giang	051	THPT Mậu Duệ
05	Hà Giang	059	PTDT Nội trú THCS&THPT Yên Minh
05	Hà Giang	066	GDNN - GDTX Yên Minh
05	Hà Giang	019	THPT Quán Bạ
05	Hà Giang	035	GDTX Quán Bạ
05	Hà Giang	053	THPT Quyết Tiến
05	Hà Giang	067	GDNN - GDTX Quán Bạ
05	Hà Giang	020	THPT Vị Xuyên
05	Hà Giang	021	THPT Việt Lâm
05	Hà Giang	036	GDTX Vị Xuyên
05	Hà Giang	043	PT Cấp 2-3 Phương Tiến
05	Hà Giang	048	THCS và THPT Linh Hồ
05	Hà Giang	056	THCS&THPT Tùng Bá
05	Hà Giang	062	THCS&THPT Phương Tiến
05	Hà Giang	068	GDNN - GDTX Vị Xuyên
05	Hà Giang	022	THPT Bắc Mê
05	Hà Giang	037	GDTX Bắc Mê
05	Hà Giang	047	THCS và THPT Minh Ngọc
05	Hà Giang	069	gDnN - GDTX Bắc Mê
05	Hà Giang	023	THPT Hoàng Su Phì
05	Hà Giang	038	GDTX Hoàng Su Phì
05	Hà Giang	041	THPT Thông Nguyên
05	Hà Giang	061	THCS&THPT Thông Nguyên
05	Hà Giang	070	gDnN - GDTX Hoàng Su Phì

05	Hà Giang	024	THPT Xín Mần
05	Hà Giang	039	GDTX Xín Mần
05	Hà Giang	049	THCS và THPT Nà Chì
05	Hà Giang	057	THCS&THPT Xín Mần
05	Hà Giang	071	GDNN - GDTX Xín Mần
05	Hà Giang	016	THPT Đồng Yên
05	Hà Giang	025	THPT Việt Vinh
05	Hà Giang	028	THPT Hùng An
05	Hà Giang	029	THPT Liên Hiệp
05	Hà Giang	030	THPT Tân Quang
05	Hà Giang	040	GDTX Bắc Quang
05	Hà Giang	046	PT DTNT cấp 2-3 Bắc Quang
05	Hà Giang	052	THPT Kim Ngọc
05	Hà Giang	055	Trung cấp Nghề Bắc Quang
05	Hà Giang	060	PTDT Nội trú THCS&THPT Bắc Quang
05	Hà Giang	072	GDNN - GDTX Bắc Quang
05	Hà Giang	074	THCS&THPT Liên Hiệp
05	Hà Giang	027	THPT Xuân Giang
05	Hà Giang	042	GDTX Quang Bình
05	Hà Giang	044	THPT Quang Bình
05	Hà Giang	073	GDNN - GDTX Quang Bình

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
06	Cao Bằng	800	Học ở nước ngoài 06
06	Cao Bằng	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 06
06	Cao Bằng	000	Sở GD&ĐT Cao Bằng
06	Cao Bằng	002	THPT DTNT tỉnh Cao Bằng
06	Cao Bằng	003	THPT Thành phố Cao Bằng
06	Cao Bằng	004	THPT Chuyên Cao Bằng
06	Cao Bằng	005	TT GDNN-GDTX Thành phố Cao Bằng
06	Cao Bằng	006	TT KTTH-HN tỉnh Cao Bằng
06	Cao Bằng	028	THPT Cao Bình
06	Cao Bằng	044	THPT Bế Văn Đàn
06	Cao Bằng	058	TTGDTX Tỉnh
06	Cao Bằng	059	TC nghề Cao Bằng
06	Cao Bằng	060	Trường Trung cấp Sư phạm Cao Bằng
06	Cao Bằng	008	ThPT Bảo Lạc
06	Cao Bằng	055	THPT Bản Ngà
06	Cao Bằng	056	TT GDNN-gDtx Bảo Lạc
06	Cao Bằng	010	THPT Thông Nông
06	Cao Bằng	053	TT GDNN-GdTX Thông Nông
06	Cao Bằng	012	THPT Hà Quảng
06	Cao Bằng	013	THPT Nà Giàng

06	Cao Bằng	047	TT GDNN-GDTX Hà Quảng
06	Cao Bằng	054	THPT Lục Khu
06	Cao Bằng	015	THPT Trà Lĩnh
06	Cao Bằng	016	THPT Quang Trung
06	Cao Bằng	046	TT GdNn-GdTX Trà Lĩnh
06	Cao Bằng	018	THPT Trùng Khánh
06	Cao Bằng	019	THPT Pò Tầu
06	Cao Bằng	020	THPT Thông Huề
06	Cao Bằng	021	TT GDNN-GdTX Trùng Khánh
06	Cao Bằng	023	THPT Nguyên Bình
06	Cao Bằng	024	THPT Tinh Túc
06	Cao Bằng	025	THPT Nà Bao
06	Cao Bằng	052	TT GDNN-GDTX Nguyên Bình
06	Cao Bằng	027	THPT Hoà An
06	Cao Bằng	029	TT GDNN-GDTX Hoà An
06	Cao Bằng	031	THPT Quảng Uyên
06	Cao Bằng	032	THPT Đồng Đa
06	Cao Bằng	033	TT GDNN-GDTX Quảng Uyên
06	Cao Bằng	035	THPT Thạch An
06	Cao Bằng	036	THPT Canh Tân
06	Cao Bằng	048	TT GDNN-GDTX Thạch An
06	Cao Bằng	038	THPT Hạ Lang
06	Cao Bằng	039	THPT Bằng Ca
06	Cao Bằng	051	TT GDNN-GDTX Hạ Lang
06	Cao Bằng	041	THPT Bảo Lâm
06	Cao Bằng	050	TT GDNN-GDTX Bảo Lâm
06	Cao Bằng	057	THPT Lý Bôn
06	Cao Bằng	043	THPT Phục Hoà
06	Cao Bằng	045	THPT Cách Linh
06	Cao Bằng	049	TT GDNN-GDTX Phục Hoà

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
07	Lai Châu	800	Học ở nước ngoài 07
07	Lai Châu	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 07
07	Lai Châu	001	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
07	Lai Châu	002	THPT Thành Phố Lai Châu
07	Lai Châu	003	THPT Quyết Thắng
07	Lai Châu	017	PTDTNT Tỉnh Lai Châu
07	Lai Châu	028	Trung tâm GDTX tỉnh Lai Châu
07	Lai Châu	035	Trung tâm GDTX -Hướng nghiệp Tỉnh
07	Lai Châu	043	CĐ Cộng đồng Lai Châu

07	Lai Châu	044	Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Lai Châu
07	Lai Châu	004	THPT Bình Lư
07	Lai Châu	023	PTDTNT huyện Tam Đường
07	Lai Châu	029	Trung tâm GDTX huyện Tam Đường
07	Lai Châu	036	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Tam Đường
07	Lai Châu	005	THPT Phong Thổ
07	Lai Châu	006	THPT Mường So
07	Lai Châu	007	THPT Đào San
07	Lai Châu	025	PTDTNT huyện Phong Thổ
07	Lai Châu	030	Trung tâm GDTX huyện Phong Thổ
07	Lai Châu	037	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Phong Thổ
07	Lai Châu	008	THPT Sìn Hồ
07	Lai Châu	009	THPT Nậm Tăm
07	Lai Châu	019	Dân tộc Nội trú THPT huyện Sìn Hồ
07	Lai Châu	031	Trung tâm GDTX huyện Sìn Hồ
07	Lai Châu	038	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Sìn Hồ
07	Lai Châu	010	THPT Mường Tè
07	Lai Châu	018	THPT Dân tộc Nội trú Ka Lăng
07	Lai Châu	027	PTDTNT huyện Mường Tè
07	Lai Châu	032	Trung tâm GDTX huyện Mường Tè
07	Lai Châu	039	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Mường Tè
07	Lai Châu	011	THPT Than Uyên
07	Lai Châu	012	THPT Mường Than
07	Lai Châu	013	THPT Mường Kim
07	Lai Châu	020	PTDTNT huyện Than Uyên
07	Lai Châu	022	DTNT THPT huyện Than Uyên
07	Lai Châu	033	Trung tâm GDTX huyện Than Uyên
07	Lai Châu	040	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Than Uyên
07	Lai Châu	014	THPT Tân Uyên
07	Lai Châu	015	THPT Trung Đồng
07	Lai Châu	026	PTDTNT huyện Tân Uyên

07	Lai Châu	034	Trung tâm GDTX huyện Tân Uyên
07	Lai Châu	041	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Tân Uyên
07	Lai Châu	016	THPT Nậm Nhùn
07	Lai Châu	024	DTNT THPT huyện Nậm Nhùn
08	Lào Cai	800	Học ở nước ngoài 08
08	Lào Cai	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 08
08	Lào Cai	001	THPT số 1 huyện Bảo Thắng
08	Lào Cai	002	THPT số 2 huyện Bảo Thắng
08	Lào Cai	003	THPT số 3 huyện Bảo Thắng
08	Lào Cai	033	TT dN&GDTX huyện Bảo Thắng
08	Lào Cai	043	TT GDTX huyện Bảo Thắng
08	Lào Cai	055	PTDTnt THCS&THPT huyện Bảo Thắng
08	Lào Cai	062	TT GDNN-GDTX huyện Bảo Thắng
08	Lào Cai	004	THPT số 1 huyện Bảo Yên
08	Lào Cai	005	THPT số 2 huyện Bảo Yên
08	Lào Cai	006	THPT số 3 huyện Bảo Yên
08	Lào Cai	034	TT DN&GDTX huyện Bảo Yên
08	Lào Cai	044	TT GDTX huyện Bảo Yên
08	Lào Cai	056	PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên
08	Lào Cai	063	TT GDNN-GDTX huyện Bảo Yên
08	Lào Cai	007	THPT số 1 huyện Bát Xát
08	Lào Cai	008	THPT số 2 huyện Bát Xát
08	Lào Cai	009	THCS và THPT huyện Bát Xát
08	Lào Cai	035	TT DN&GDTX huyện Bát Xát
08	Lào Cai	045	TT GDTX huyện Bát Xát
08	Lào Cai	057	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát
08	Lào Cai	064	TT GDNN-GDTX huyện Bát Xát
08	Lào Cai	010	THPT số 1 huyện Bắc Hà
08	Lào Cai	011	THPT số 2 huyện Bắc Hà
08	Lào Cai	012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Hà
08	Lào Cai	036	TT DN&GDTX huyện Bắc Hà
08	Lào Cai	046	TT GDTX huyện Bắc Hà

08	Lào Cai	065	TT GDNN-GDTX huyện Bắc Hà
08	Lào Cai	013	THPT số 1 Tp Lào Cai
08	Lào Cai	014	THPT số 2 Tp Lào Cai
08	Lào Cai	015	THPT số 3 Tp Lào Cai
08	Lào Cai	016	THPT số 4 Tp Lào Cai
08	Lào Cai	017	THPT DTNT tỉnh
08	Lào Cai	018	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai
08	Lào Cai	037	TT DN&GDTX TP Lào Cai
08	Lào Cai	038	TT KTTH-HNDN&GDTX tỉnh
08	Lào Cai	047	TT GDTX số 1 TP Lào Cai
08	Lào Cai	048	TT GDTX số 2 TP Lào Cai
08	Lào Cai	053	CĐ nghề tỉnh Lào Cai
08	Lào Cai	054	Trung cấp Y tế Lào Cai
08	Lào Cai	059	CĐ Cộng đồng Lào Cai
08	Lào Cai	060	Cao Đẳng Sư Phạm Lào Cai
08	Lào Cai	061	Trường TC Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Lào Cai
08	Lào Cai	066	TT GDNN-GDTX thành phố Lào Cai
08	Lào Cai	019	THPT số 1 huyện Mường Khương
08	Lào Cai	020	THPT số 2 huyện Mường Khương
08	Lào Cai	021	THPT số 3 huyện Mường Khương
08	Lào Cai	022	PTDTNT THCS&THPT huyện Mường Khương
08	Lào Cai	039	TT DN&GDTx huyện Mường Khương
08	Lào Cai	049	TT GDTX huyện Mường Khương
08	Lào Cai	067	TT GdNn-GDTX huyện Mường Khương
08	Lào Cai	023	THPT số 1 huyện Sa Pa
08	Lào Cai	024	THPT số 2 huyện Sa Pa
08	Lào Cai	025	PTDTNT THCS&THPT huyện Sa Pa
08	Lào Cai	040	TT DN&GDTX huyện Sa Pa
08	Lào Cai	050	TT GDTX huyện Sa Pa
08	Lào Cai	068	TT GDNN-gDTx huyện Sa Pa
08	Lào Cai	026	THPT số 1 huyện Si Ma Cai
08	Lào Cai	027	THPT số 2 huyện Si ma cai
08	Lào Cai	028	PTDTNT THCS&THPT huyện Si Ma Cai
08	Lào Cai	041	TT DN&GDTX huyện Si Ma Cai
08	Lào Cai	051	TT GDTX huyện Si Ma Cai
08	Lào Cai	069	TT GDNN-GDTX huyện Si Ma Cai

08	Lào Cai	029	THPT số 1 huyện Văn Bàn
08	Lào Cai	030	THPT số 2 huyện Văn Bàn
08	Lào Cai	031	THPT số 3 huyện Văn Bàn
08	Lào Cai	032	THPT số 4 huyện Văn Bàn
08	Lào Cai	042	TT DN&GDTX huyện Văn Bàn
08	Lào Cai	052	TT GDTX huyện Văn Bàn
08	Lào Cai	058	PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Bàn
08	Lào Cai	070	TT GDNN-GDTX huyện Văn Bàn

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
09	Tuyên Quang	800	Học ở nước ngoài_09
09	Tuyên Quang	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 09
09	Tuyên Quang	008	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT tỉnh Tuyên Quang
09	Tuyên Quang	009	THPT Chuyên tỉnh
09	Tuyên Quang	010	THPT Tân Trào
09	Tuyên Quang	011	THPTỶ La
09	Tuyên Quang	012	THPT Nguyễn Văn Huyền
09	Tuyên Quang	013	THPT Sông Lô
09	Tuyên Quang	014	Trung tâm GDTX-HN tỉnh
09	Tuyên Quang	015	THPT Thượng Lâm
09	Tuyên Quang	037	THPT Lâm' Bình
09	Tuyên Quang	016	THPT Na Hang
09	Tuyên Quang	017	THPT Yên Hoa
09	Tuyên Quang	018	THPT Chiêm Hóa
09	Tuyên Quang	021	THPT Hà Lang
09	Tuyên Quang	022	THPT Đàm Hồng
09	Tuyên Quang	023	THPT Hòa Phú
09	Tuyên Quang	039	Trung tâm dạy nghề huyện Chiêm Hóa
09	Tuyên Quang	040	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Chiêm Hóa
09	Tuyên Quang	024	tHpT Hàm Yên
09	Tuyên Quang	025	THPT Phù Lư
09	Tuyên Quang	026	THPT Thái Hòa
09	Tuyên Quang	027	THPT Xuân Huy
09	Tuyên Quang	028	THPT Trung Sơn
09	Tuyên Quang	029	THPT Xuân Vân
09	Tuyên Quang	030	THPT Tháng 10
09	Tuyên Quang	031	THPT Sơn Dương
09	Tuyên Quang	032	THPT Kim Xuyên
09	Tuyên Quang	033	THPT ATK Tân Trào
09	Tuyên Quang	034	THPT Đông Thọ

09	Tuyên Quang	035	THPT Kháng Nhật
09	Tuyên Quang	036	THPT Sơn' Nam
09	Tuyên Quang	038	Phổ thông Dân tộc nội trú ATK Sơn Dương

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
10	Lạng Sơn	800	Học ở nước ngoài 10
10	Lạng Sơn	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 10
10	Lạng Sơn	001	THPT Việt Bắc
10	Lạng Sơn	002	THPT Chuyên Chu Văn An
10	Lạng Sơn	003	THPT DT Nội trú tỉnh
10	Lạng Sơn	004	Cao đẳng nghề Lạng Sơn
10	Lạng Sơn	005	TT GDTX 1 tỉnh
10	Lạng Sơn	006	THPT Ngô Thì Sĩ
10	Lạng Sơn	040	THPT Hoàng Văn Thụ
10	Lạng Sơn	007	THPT Tráng Định
10	Lạng Sơn	008	TT GDNN-GDTX Tráng Định
10	Lạng Sơn	009	THPT Bình Độ
10	Lạng Sơn	041	TT GDTX Tráng Định
10	Lạng Sơn	010	THPT Bình Gia
10	Lạng Sơn	011	TT GDNN-GDTX Bình Gia
10	Lạng Sơn	012	THPT Pác Khuông
10	Lạng Sơn	042	TT GDTX Bình Gia
10	Lạng Sơn	013	THPT Văn Lãng
10	Lạng Sơn	014	TT GDNN-GdTx Văn Lãng
10	Lạng Sơn	043	TT GDTX Văn Lãng
10	Lạng Sơn	015	THPT Bắc Sơn
10	Lạng Sơn	016	THPT Vũ Lễ
10	Lạng Sơn	017	TT GDNN-GDTX Bắc Sơn
10	Lạng Sơn	044	TT GDTX Bắc Sơn
10	Lạng Sơn	018	THPT Lương Văn Tri
10	Lạng Sơn	019	THPT Văn Quan
10	Lạng Sơn	020	TT GDNN-GdTX Văn Quan
10	Lạng Sơn	045	TT GDTX Văn Quan
10	Lạng Sơn	021	THPT Đồng Đăng
10	Lạng Sơn	022	THPT Cao Lộc
10	Lạng Sơn	023	TT GDNN-GDTX Cao Lộc
10	Lạng Sơn	039	THPT Ba Sơn
10	Lạng Sơn	046	TT GDTX Cao Lộc
10	Lạng Sơn	024	THPT Lộc Bình
10	Lạng Sơn	025	THPT Na Dương
10	Lạng Sơn	026	TT GDNN-GDTX Lộc Bình
10	Lạng Sơn	035	THPT Tú Đoàn
10	Lạng Sơn	047	TT GDTX Lộc Bình
10	Lạng Sơn	027	THPT Chi Lăng
10	Lạng Sơn	028	THPT Hòa Bình

10	Lạng Sơn	029	TT GDNN-GDTX Chi Lăng
10	Lạng Sơn	036	THPT Đồng Bành
10	Lạng Sơn	048	TT GDTX Chi Lăng
10	Lạng Sơn	030	THPT Đình Lập
10	Lạng Sơn	031	TT GDNN-GDTX Đình Lập
10	Lạng Sơn	049	TT GDTX Đình Lập
10	Lạng Sơn	032	THPT Hữu Lũng
10	Lạng Sơn	033	THPT Vân Nham
10	Lạng Sơn	034	TT GDTX 2 tỉnh
10	Lạng Sơn	037	CĐ Nghề Công nghệ và Nông Lâm Đông Bắc
10	Lạng Sơn	038	THPT Tân Thành

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
11	Bắc Kạn	800	Học ở nước ngoài 11
11	Bắc Kạn	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 11
11	Bắc Kạn	009	THPT Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	014	Trường PT DTNT tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	019	THPT Chuyên
11	Bắc Kạn	021	TT GDTX tỉnh (trước 2018)
11	Bắc Kạn	022	THPT Dân lập Hùng Vương
11	Bắc Kạn	025	TT Kỹ thuật TH-HN Bắc Kạn (trước 2018)
11	Bắc Kạn	027	TC nghề Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	034	CĐ Nghề Dân tộc Nội trú Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	042	TT GDTX-GDHN Bắc Kạn (từ 2018)
11	Bắc Kạn	010	THPT Chợ Đồn
11	Bắc Kạn	024	THPT Bình Trung
11	Bắc Kạn	030	TT GDTX-DN H. Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	035	TT GDNN-GDTX H. Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	017	THPT Phú Thông
11	Bắc Kạn	033	TT GDTX H. Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	036	TT GDNN-GDTX H. Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	012	THPT Na Rì
11	Bắc Kạn	031	TT GDTX H. Na Rì, tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	037	TT GDNN-GDTX H. Na Rì, tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	013	THPT Ngân Sơn
11	Bắc Kạn	015	THCS&ThPT Nà Phặc

11	Bắc Kạn	028	TT GDTX H. Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	038	TT GDNN-GDTX H. Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	018	tHPT Ba Bể
11	Bắc Kạn	023	THPT Quảng Khê
11	Bắc Kạn	026	TT GDTX H. Ba Bể tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	039	TT GDNN-GDTX H. Ba Bể tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	011	THPT Chợ Mới
11	Bắc Kạn	020	THPT Yên Hân
11	Bắc Kạn	032	TT GDTX H. Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	040	TT GDNN-GDTX H. Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	016	THPT Bộc Bó
11	Bắc Kạn	029	TT GDTX H. Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn
11	Bắc Kạn	041	TT GDNN-GDTX H. Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
12	Thái Nguyên	800	Học ở nước ngoài 12
12	Thái Nguyên	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 12
12	Thái Nguyên	001	TTGDTX TP. Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	010	THPT Chuyên Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	011	THPT Lương Ngọc Quyến
12	Thái Nguyên	012	THPT Ngô Quyền
12	Thái Nguyên	013	THPT Gang Thép
12	Thái Nguyên	014	THPT Chu Văn An
12	Thái Nguyên	015	THPT Dương Tự Minh
12	Thái Nguyên	017	PT Dân tộc nội trú Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	018	THPT Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	019	THPT Lê Quý Đôn
12	Thái Nguyên	031	Thiếu Sinh Quân QK1
12	Thái Nguyên	033	Phổ thông Vùng Cao Việt Bắc
12	Thái Nguyên	038	CĐ SP Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	039	CĐ Kinh tế Tài chính Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	042	CĐ Y tế Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	043	CĐ Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc
12	Thái Nguyên	044	CĐ Thương mại và Du lịch

12	Thái Nguyên	050	TH Bưu chính Viễn thông và CNTT Miền Núi
12	Thái Nguyên	051	CĐ Kinh tế kỹ thuật - ĐH TN
12	Thái Nguyên	052	CĐ Nghề Cơ điện LK
12	Thái Nguyên	056	TC nghề Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	059	TT GDTX tỉnh
12	Thái Nguyên	060	THPT Đào Duy Từ
12	Thái Nguyên	062	CĐ nghề số 1- Bộ Quốc phòng
12	Thái Nguyên	064	Trung cấp Y tế Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	065	Trung cấp Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	066	Trung cấp Y khoa Pasteur
12	Thái Nguyên	081	TT GDNN-GDTX TP. Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	084	Trường trung học Giao thông Vận tải khu vực 1
12	Thái Nguyên	085	THPT Khánh Hoà
12	Thái Nguyên	086	CĐ Công nghiệp Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	087	CĐ Nghề than khoáng sản Việt Nam
12	Thái Nguyên	088	THPT Đồng Hỷ
12	Thái Nguyên	002	TTGDTX Thành phố Sông Công
12	Thái Nguyên	020	THPT Sông Công
12	Thái Nguyên	032	THPT Lương Thê Vinh
12	Thái Nguyên	040	CĐ Cơ khí luyện kim
12	Thái Nguyên	047	CĐ Công nghiệp Việt Đức
12	Thái Nguyên	048	Văn hoá I - Bộ Công An
12	Thái Nguyên	080	TT GDNN-GDTX TP. Sông Công
12	Thái Nguyên	003	TTGDTX Huyện Định Hoá
12	Thái Nguyên	021	THPT Định Hoá
12	Thái Nguyên	022	THPT Bình Yên
12	Thái Nguyên	079	TT GDNN-GDTX Huyện Định Hoá
12	Thái Nguyên	004	TTGDTX Huyện Phú Lương
12	Thái Nguyên	016	THPT Khánh Hoà
12	Thái Nguyên	023	THPT Phú Lương
12	Thái Nguyên	034	THPT Yên Ninh
12	Thái Nguyên	045	CĐ Công nghiệp Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	049	CĐ Nghề than khoáng sản Việt Nam
12	Thái Nguyên	078	TT GDNN-GDTX Huyện Phú Lương
12	Thái Nguyên	082	CĐ than khoáng sản Việt Nam

12	Thái Nguyên	083	Trung cấp nghề dân tộc nội trú Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	005	TTGDTX Huyện Võ Nhai
12	Thái Nguyên	024	THPT Võ Nhai
12	Thái Nguyên	053	THPT Trần Phú
12	Thái Nguyên	055	THPT Hoàng Quốc Việt
12	Thái Nguyên	077	TT GDNN-GdTX Huyện Võ Nhai
12	Thái Nguyên	006	TTGDTX Huyện Đại Từ
12	Thái Nguyên	025	THPT Đại Từ
12	Thái Nguyên	035	THPT Nguyễn Huệ
12	Thái Nguyên	054	THPT Lưu Nhân Chú
12	Thái Nguyên	075	TT GDNN-GDTX Huyện Đại Từ
12	Thái Nguyên	007	TTGDTX Huyện Đồng Hỷ
12	Thái Nguyên	026	THPT Đồng Hỷ
12	Thái Nguyên	027	THPT Trại Cau
12	Thái Nguyên	057	THPT Trần Quốc Tuấn
12	Thái Nguyên	076	TT GDNN-GDTX Huyện Đồng Hỷ
12	Thái Nguyên	008	TtGdtX Huyện Phú Bình
12	Thái Nguyên	028	THPT Phú Bình
12	Thái Nguyên	036	THPT Lương Phú
12	Thái Nguyên	058	THPT Diềm Thuy
12	Thái Nguyên	074	TT GDNN-GDtX Huyện Phú Bình
12	Thái Nguyên	009	TTGDTX Thị xã Phổ Yên
12	Thái Nguyên	029	THPT Lê Hồng Phong
12	Thái Nguyên	030	THPT Bắc Sơn
12	Thái Nguyên	037	THPT Phổ Yên
12	Thái Nguyên	046	CĐ Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp
12	Thái Nguyên	061	TC Nghề Nam Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	063	Trường TC nghề KT 3D
12	Thái Nguyên	067	TT GDTX Thị xã Phổ Yên
12	Thái Nguyên	068	THPT Lê Hồng Phong
12	Thái Nguyên	069	THPT Bắc Sơn
12	Thái Nguyên	070	THPT Phổ Yên
12	Thái Nguyên	071	CĐ Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp
12	Thái Nguyên	072	TC Nghề Nam Thái Nguyên
12	Thái Nguyên	073	THPT Lý Nam Đế

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
13	Yên Bái	800	Học ở nước ngoài 13

13	Yên Bái	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 13
13	Yên Bái	001	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành
13	Yên Bái	002	THPT Nguyễn Huệ
13	Yên Bái	003	THPT Lý Thường Kiệt
13	Yên Bái	004	PT Dân tộc nội trú THPT Tỉnh Yên Bái
13	Yên Bái	005	THPT Hoàng Quốc Việt
13	Yên Bái	006	THPT Đồng Tâm
13	Yên Bái	007	TTGDTX tỉnh
13	Yên Bái	008	TT DN-GDTX TP Yên Bái
13	Yên Bái	009	Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Yên Bái
13	Yên Bái	039	Cao đẳng nghề Yên Bái
13	Yên Bái	040	Cao đẳng Y tế Yên Bái
13	Yên Bái	041	TT GDNN-GDTX TP Yên Bái
13	Yên Bái	050	Bán công Phan Bội Châu
13	Yên Bái	051	THPT BC Phan Chu Trinh
13	Yên Bái	010	THPT Nghĩa Lộ
13	Yên Bái	011	THPT Nguyễn Trãi
13	Yên Bái	012	PT DTNT THPT Miền Tây
13	Yên Bái	013	TT GDTX-HNDN Tx Nghĩa Lộ
13	Yên Bái	037	Trung cấp Nghề DTNT Nghĩa Lộ
13	Yên Bái	048	Trung cấp DTNT Nghĩa Lộ
13	Yên Bái	014	THPT Chu Văn An
13	Yên Bái	015	THPT Nguyễn Lương Bằng
13	Yên Bái	016	THPT Trần Phú
13	Yên Bái	017	TT DN-GDTX Huyện Văn Yên
13	Yên Bái	045	TT GDNN-GDTX Huyện Văn Yên
13	Yên Bái	053	THPT BC Nguyễn Khuyến
13	Yên Bái	018	THPT Cẩm An
13	Yên Bái	019	THPT Trần Nhật Duật
13	Yên Bái	020	THPT Thác Bà
13	Yên Bái	021	THPT Cẩm Nhân
13	Yên Bái	022	TT DN-GDTX Huyện Yên Bình
13	Yên Bái	042	TT GDNN-GDTX Huyện Yên Bình
13	Yên Bái	023	THPT Mù Cang Chải
13	Yên Bái	024	TT DN-GDTX H. Mù Cang Chải
13	Yên Bái	047	TT GdNN-GDTX Huyện Mù Cang Chải
13	Yên Bái	025	THPT Văn Chấn
13	Yên Bái	026	THPT Sơn Thịnh
13	Yên Bái	027	TT DN-GDTX Huyện Văn Chấn

13	Yên Bái	044	TT GDNN-GDTX Huyện Văn Chấn
13	Yên Bái	028	THPT Lê Quý Đôn
13	Yên Bái	029	PT Liên cấp 2+3 Trấn Yên II
13	Yên Bái	030	TT DN-GDTX Huyện Trấn Yên
13	Yên Bái	043	TT GDNN-GDTX Huyện Trấn Yên
13	Yên Bái	052	THPT BC Nguyễn Du
13	Yên Bái	031	THPT Trạm Tấu
13	Yên Bái	032	TT DN-GDTX Huyện Trạm Tấu
13	Yên Bái	046	TT GDNN-GDTX Huyện Trạm Tấu
13	Yên Bái	033	THPT Mai Sơn
13	Yên Bái	034	THPT Hoàng Văn Thụ
13	Yên Bái	035	THPT Hồng Quang
13	Yên Bái	036	TT GDTX-HNDN Hồ Tùng Mậu
13	Yên Bái	038	Trung cấp Nghề Lục Yên
13	Yên Bái	049	Trung cấp Lục Yên

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
14	Sơn La	800	Học ở nước ngoài 14
14	Sơn La	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 14
14	Sơn La	001	Trung tâm GDNN -GDTX Thành phố Sơn La
14	Sơn La	002	Trường THPT Tô Hiệu
14	Sơn La	003	Trường THPT Chiềng Sinh
14	Sơn La	004	Trường THPT Chuyên
14	Sơn La	005	Trường PTDT Nội trú tỉnh
14	Sơn La	006	Trường THPT Nguyễn Du
14	Sơn La	043	Phòng GD -ĐT Thành phố Sơn La
14	Sơn La	056	Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An
14	Sơn La	057	Trung tâm GDTX Thành phố Sơn La
14	Sơn La	072	Trường Đại học Tây Bắc
14	Sơn La	007	Trường THPT Quỳnh Nhai
14	Sơn La	008	Trường THPT Mường Giôn
14	Sơn La	009	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Quỳnh Nhai
14	Sơn La	044	Phòng GD -ĐT huyện Quỳnh Nhai
14	Sơn La	058	Trung tâm GDTX huyện Quỳnh Nhai

14	Sơn La	010	Trường THPT Mường La
14	Sơn La	011	Trường THPT Mường Bú
14	Sơn La	012	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mường La
14	Sơn La	045	Phòng GD -ĐT huyện Mường La
14	Sơn La	059	Trung tâm GDTX huyện Mường La
14	Sơn La	013	Trường THPT Thuận Châu
14	Sơn La	014	Trường THPT Tông Lệnh
14	Sơn La	015	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thuận Châu
14	Sơn La	016	Trường THPT Bình Thuận
14	Sơn La	017	Trường THPT Co Mạ
14	Sơn La	046	Phòng GD -ĐT huyện Thuận Châu
14	Sơn La	060	Trung tâm GDTX-HD&DN huyện Thuận Châu
14	Sơn La	068	Trung tâm GDTX huyện Thuận Châu
14	Sơn La	018	Trường THPT Bắc Yên
14	Sơn La	019	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bắc Yên
14	Sơn La	047	Phòng GD -ĐT huyện Bắc Yên
14	Sơn La	061	Trung tâm GDTX huyện Bắc Yên
14	Sơn La	020	Trường THPT Phù Yên
14	Sơn La	021	Trường THPT Gia Phù
14	Sơn La	022	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phù Yên
14	Sơn La	023	Trường THPT Tân Lang
14	Sơn La	048	Phòng GD -ĐT huyện Phù Yên
14	Sơn La	062	Trung tâm GDTX-HD&DN huyện Phù Yên
14	Sơn La	069	Trung tâm GDTX huyện Phù Yên
14	Sơn La	024	Trường THPT Mai Sơn
14	Sơn La	025	Trường THPT Cò Nòi
14	Sơn La	026	Trường THPT Chu Văn Thịnh
14	Sơn La	027	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mai Sơn
14	Sơn La	049	Phòng GD -ĐT huyện Mai Sơn
14	Sơn La	063	Trung tâm GDTX huyện Mai Sơn
14	Sơn La	028	Trường THPT Yên Châu
14	Sơn La	029	Trường THPT Phiêng Khoài
14	Sơn La	030	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Châu

14	Son La	050	Phòng GD -ĐT huyện Yên Châu
14	Son La	064	Trung tâm GDTX huyện Yên Châu
14	Son La	031	Trường THPT Sông Mã
14	Son La	032	Trường THPT Chiềng Khương
14	Son La	033	Trường THPT Mường Lầm
14	Son La	034	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sông Mã
14	Son La	051	Phòng GD -ĐT huyện Sông Mã
14	Son La	065	Trung tâm GDTX huyện Sông Mã
14	Son La	035	Trường THPT Chiềng Sơn
14	Son La	036	Trường THPT Tân Lập
14	Son La	037	Trường THPT Mộc Lỵ
14	Son La	038	Trường THPT Thảo Nguyên
14	Son La	039	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mộc Châu
14	Son La	052	Phòng GD - ĐT huyện Mộc Châu
14	Son La	066	Trung tâm GDTX-HN&DN Mộc Châu
14	Son La	070	Trung tâm GDTX Mộc Châu
14	Son La	040	Trường THPT Sốp Cộp
14	Son La	041	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sốp Cộp
14	Son La	053	Phòng GD -ĐT huyện Sốp Cộp
14	Son La	067	Trung tâm GDTX- HN &DN huyện Sốp Cộp
14	Son La	071	Trung tâm GDTX huyện Sốp Cộp
14	Son La	042	Trường THPT Mộc Hạ
14	Son La	054	Phòng GD - ĐT huyện Vân Hồ
14	Son La	055	Trường THPT Vân Hồ
14	Son La	073	Trung tâm GDNN -GDTX huyện Vân Hồ

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
15	Phú Thọ	800	Học ở nước ngoài 15
15	Phú Thọ	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 15
15	Phú Thọ	001	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
15	Phú Thọ	002	Trường THPT Việt Trì

15	Phú Thọ	003	Trường THPT Công nghiệp Việt Trì
15	Phú Thọ	004	Trường THPT Kỹ thuật Việt Trì
15	Phú Thọ	005	Trường THPT Nguyễn Tất Thành
15	Phú Thọ	006	Trường THPT Vũ Thê Lang
15	Phú Thọ	007	Trường PT Hermann Gmeiner Việt Trì
15	Phú Thọ	008	Trường THPT Trần Phú
15	Phú Thọ	009	Trung tâm GDNN-GDTX Việt Trì
15	Phú Thọ	060	Trung tâm KTTH-HN tỉnh Phú Thọ
15	Phú Thọ	063	Trường Cao đẳng Nghề Phú Thọ
15	Phú Thọ	066	Trường Trung cấp Nghề Công nghệ và Vận tải Phú Thọ
15	Phú Thọ	068	Trường Trung cấp Nghề Herman Gmeiner Việt Trì
15	Phú Thọ	069	Trường Trung cấp nghề Bách khoa Phú Thọ
15	Phú Thọ	070	Trường Trung cấp nghề Công nghệ, Du lịch và dịch vụ Phú Nam
15	Phú Thọ	071	Trường THPT Lê Quý Đôn
15	Phú Thọ	073	Trường Cao đẳng Công nghiệp thực phẩm
15	Phú Thọ	075	Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ
15	Phú Thọ	076	Trường THPT Dân lập Âu cơ
15	Phú Thọ	077	Trường THPT Dân lập Văn Phú
15	Phú Thọ	087	Trường THPT Bán công Công nghiệp Việt Trì
15	Phú Thọ	088	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ
15	Phú Thọ	010	Trường THPT Hùng Vương
15	Phú Thọ	011	Trường PT Dân tộc nội trú tỉnh Phú Thọ
15	Phú Thọ	012	Trường THPT Thị xã Phú Thọ
15	Phú Thọ	013	Trường THPT Trường Thịnh
15	Phú Thọ	014	Trung tâm GDNN-GDTX Thị xã Phú Thọ
15	Phú Thọ	061	Trung tâm KTTH-HN thị xã Phú Thọ
15	Phú Thọ	065	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông lâm Phú Thọ

15	Phú Thọ	074	Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ
15	Phú Thọ	078	Trường THPT Bán Công Hùng Vương
15	Phú Thọ	015	Trường THPT Đoan Hùng
15	Phú Thọ	016	Trường THPT Chân Mộng
15	Phú Thọ	017	Trường THPT Quế Lâm
15	Phú Thọ	018	Trung tâm GdNn-GDTX Đoan Hùng
15	Phú Thọ	079	Trường THPT Bán Công Đoan Hùng
15	Phú Thọ	019	Trường THPT Thanh Ba
15	Phú Thọ	020	Trường THPT Yên Khê
15	Phú Thọ	021	Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Ba
15	Phú Thọ	062	Trường Cao đẳng nghề cơ điện Phú Thọ
15	Phú Thọ	080	Trường THPT Bán Công Thanh Ba
15	Phú Thọ	022	Trường THPT Hạ Hoà
15	Phú Thọ	023	Trường THPT Vĩnh Chân
15	Phú Thọ	024	Trường THPT Xuân Ấng
15	Phú Thọ	025	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm
15	Phú Thọ	026	Trung tâm GDNN-GDTX Hạ Hoà
15	Phú Thọ	027	Trường THPT Cẩm Khê
15	Phú Thọ	028	Trường THPT Hiền Đa
15	Phú Thọ	029	Trường THPT Phương Xá
15	Phú Thọ	030	Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Khê
15	Phú Thọ	081	Trường THPT Bán Công Cẩm Khê
15	Phú Thọ	031	Trường THPT Yên Lập
15	Phú Thọ	032	Trường THPT Lương Sơn
15	Phú Thọ	033	Trường THPT Minh Hoà
15	Phú Thọ	034	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Lập
15	Phú Thọ	035	Trường THPT Thanh Sơn
15	Phú Thọ	036	Trường THPT Văn Miếu
15	Phú Thọ	037	Trường THPT Hương Càn
15	Phú Thọ	038	Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Sơn
15	Phú Thọ	067	Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ
15	Phú Thọ	082	Trường THPT Bán Công Thanh Sơn
15	Phú Thọ	039	Trường THPT Phù Ninh
15	Phú Thọ	040	Trường THPT Từ Đà
15	Phú Thọ	041	Trường THPT Trung Giáp
15	Phú Thọ	042	Trường THPT Nguyễn Huệ

15	Phú Thọ	043	Trung tâm GDNN-GDTX Phù Ninh
15	Phú Thọ	064	Trường Cao đẳng nghề Giấy và Cơ điện
15	Phú Thọ	083	Trường THPT Bán Công Phù Ninh
15	Phú Thọ	084	Trường THPT Phan Đăng Lưu
15	Phú Thọ	044	Trường THPT Long Châu Sa
15	Phú Thọ	045	Trường THPT Phong Châu
15	Phú Thọ	046	Trường THPT Lâm Thao
15	Phú Thọ	047	Trung tâm GDNN-GDTX Lâm Thao
15	Phú Thọ	048	Trường Cao đẳng Công nghiệp Hóa chất
15	Phú Thọ	072	Trường ĐH Công nghiệp Việt Trì
15	Phú Thọ	085	Trường THPT Bán Công Phong Châu
15	Phú Thọ	049	Trường THPT Tam Nông
15	Phú Thọ	050	Trường THPT Mỹ Văn
15	Phú Thọ	051	Trường THPT Hưng Hoá
15	Phú Thọ	052	Trung tâm GDNN-GdTX Tam Nông
15	Phú Thọ	086	Trường THPT Bán Công Tam Nông
15	Phú Thọ	053	Trường THPT Thanh Thủy
15	Phú Thọ	054	Trường THPT Trung Nghĩa
15	Phú Thọ	055	Trường THPT Tân Đà
15	Phú Thọ	056	Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Thủy
15	Phú Thọ	057	Trường THPT Minh Đài
15	Phú Thọ	058	Trường THPT Thạch Kiệt
15	Phú Thọ	059	Trung tâm GDNN-GDTX Tân Sơn

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
16	Vĩnh Phúc	800	Học ở nước ngoài 16
16	Vĩnh Phúc	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 16
16	Vĩnh Phúc	010	CĐ nghề Việt Đức
16	Vĩnh Phúc	011	THPT Trần Phú
16	Vĩnh Phúc	012	THPT Chuyên Vĩnh Phúc
16	Vĩnh Phúc	013	THPT Dân lập Vĩnh Yên
16	Vĩnh Phúc	014	THPT Vĩnh Yên
16	Vĩnh Phúc	015	THPT DTNT Cấp 2,3 Tỉnh Vĩnh Phúc
16	Vĩnh Phúc	016	THPT Nguyễn Thái Học

16	Vĩnh Phúc	017	TTGDTX Tỉnh
16	Vĩnh Phúc	018	CĐ Kinh tế Kỹ thuật Vĩnh Phúc
16	Vĩnh Phúc	019	TC Kỹ thuật Vĩnh Phúc
16	Vĩnh Phúc	020	Trường Quân sự Quân khu 2
16	Vĩnh Phúc	025	CĐ nghề Vĩnh Phúc
16	Vĩnh Phúc	026	THPT Liên Bảo
16	Vĩnh Phúc	021	THPT Tam Dương
16	Vĩnh Phúc	022	TTGDTX Tam Dương (Trước năm 2015)
16	Vĩnh Phúc	023	THPT Trần Hưng Đạo
16	Vĩnh Phúc	024	THPT Tam Dương 2
16	Vĩnh Phúc	027	TT GDNN-GDtx Tam Dương
16	Vĩnh Phúc	031	THPT Ngô Gia Tự
16	Vĩnh Phúc	032	THPT Lien Sơn
16	Vĩnh Phúc	034	THPT Trần Nguyên Hãn
16	Vĩnh Phúc	035	THPT Triệu Thái
16	Vĩnh Phúc	036	TTGDTX Lập Thạch (trước năm 2015)
16	Vĩnh Phúc	037	THPT Thái Hoà (Trước năm 2018)
16	Vĩnh Phúc	038	TT GDNN-GDTX Lập Thạch
16	Vĩnh Phúc	039	THPT Văn Quán (trước năm 2018)
16	Vĩnh Phúc	041	THPT Lê Xoay
16	Vĩnh Phúc	042	THPT Nguyễn Viết Xuân
16	Vĩnh Phúc	043	THPT Đội Cấn
16	Vĩnh Phúc	044	TTGDTX Vĩnh Tường (Trước năm 2015)
16	Vĩnh Phúc	045	THPT Vĩnh Tường
16	Vĩnh Phúc	046	THPT Nguyễn Thị Giang
16	Vĩnh Phúc	047	THPT Hồ Xuân Hương (Trước năm 2018)
16	Vĩnh Phúc	048	TT GDNN-GDTX Vĩnh Tường
16	Vĩnh Phúc	051	THPT Yên Lạc
16	Vĩnh Phúc	052	THPT Yên Lạc 2
16	Vĩnh Phúc	053	THPT Phạm Công Bình
16	Vĩnh Phúc	054	TTGDTX Yên Lạc (Trước năm 2015)
16	Vĩnh Phúc	055	THPT Đồng Đậu
16	Vĩnh Phúc	056	TT GDNN-GDTX Yên Lạc
16	Vĩnh Phúc	061	THPT Bình Xuyên
16	Vĩnh Phúc	062	THPT Quang Hà
16	Vĩnh Phúc	063	THPT Võ Thị Sáu
16	Vĩnh Phúc	064	TTGDTX Bình Xuyên (Trước năm 2015)
16	Vĩnh Phúc	065	CĐ nghề cơ khí nông nghiệp
16	Vĩnh Phúc	066	THPT Nguyễn Duy Thi
16	Vĩnh Phúc	067	TT GdNN-GDTX Bình Xuyên
16	Vĩnh Phúc	071	THPT Sáng Sơn

16	Vĩnh Phúc	072	THPT Bình Sơn
16	Vĩnh Phúc	073	THPT Sông Lô
16	Vĩnh Phúc	080	TT GDNN-GDTX Phúc Yên
16	Vĩnh Phúc	081	THPT Bến Tre
16	Vĩnh Phúc	082	THCS&THPT Hai Bà Trưng (trước năm 2018)
16	Vĩnh Phúc	083	THPT Xuân Hòa
16	Vĩnh Phúc	084	TC nghề kỹ thuật xây dựng và nghiep vu
16	Vĩnh Phúc	085	THPT Phúc Yên (trước năm 2018)
16	Vĩnh Phúc	086	TTGDTX Phúc Yên (Trước năm 2015)
16	Vĩnh Phúc	087	CĐ Công nghiệp Phúc Yên
16	Vĩnh Phúc	088	Trung cấp xây dựng số 4
16	Vĩnh Phúc	089	CĐ nghề Việt Xô số 1
16	Vĩnh Phúc	090	DTNT cấp 2,3 Phúc Yên
16	Vĩnh Phúc	095	THPT Hai Bà Trưng
16	Vĩnh Phúc	091	THPT Tam Đảo
16	Vĩnh Phúc	092	TTGDTX Tam Đảo (trước năm 2015)
16	Vĩnh Phúc	093	THPT Tam Đảo 2
16	Vĩnh Phúc	094	TT GDNN-GDTX Tam Đảo

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
17	Quảng Ninh	800	Học ở nước ngoài 17
17	Quảng Ninh	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 17
17	Quảng Ninh	001	THPT Chuyên Hạ Long
17	Quảng Ninh	002	TT HN&GDTX tỉnh
17	Quảng Ninh	003	PT DTNT tỉnh
17	Quảng Ninh	004	THPT Hòn Gai
17	Quảng Ninh	005	THPT Ngô Quyền
17	Quảng Ninh	006	THPT Vũ Văn Hiếu
17	Quảng Ninh	007	THPT Bãi Cháy
17	Quảng Ninh	008	THCS&THPT Lê Thánh Tông
17	Quảng Ninh	009	THPT Hạ Long
17	Quảng Ninh	012	TH-THCS-THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long
17	Quảng Ninh	013	THPT Cẩm Phả
17	Quảng Ninh	014	THPT Lê Hồng Phong
17	Quảng Ninh	015	THPT Cửa Ông
17	Quảng Ninh	016	THPT Lê Quý Đôn
17	Quảng Ninh	017	THPT Mông Dương
17	Quảng Ninh	018	THPT Lương Thế Vinh
17	Quảng Ninh	019	THPT Hùng Vương

17	Quảng Ninh	020	Trung Tâm GDNN&GDTX Cẩm Phả
17	Quảng Ninh	021	CĐ Công nghiệp Cẩm Phả
17	Quảng Ninh	022	THPT Uông Bí
17	Quảng Ninh	023	THPT Hoàng Văn Thụ
17	Quảng Ninh	024	Trung Tâm GDNN&GDTX Uông Bí
17	Quảng Ninh	025	THPT Hồng Đức
17	Quảng Ninh	026	THPT Nguyễn Tất Thành
17	Quảng Ninh	027	CĐ Công nghiệp và Xây dựng
17	Quảng Ninh	028	THPT Trần Phú
17	Quảng Ninh	029	THPT Lý Thường Kiệt
17	Quảng Ninh	030	THCS&THPT Chu Văn An
17	Quảng Ninh	031	Trung Tâm GdNN&GDTX Móng Cái
17	Quảng Ninh	032	THPT Bình Liêu
17	Quảng Ninh	033	THCS&THPT Hoành Mô
17	Quảng Ninh	034	Trung tâm GDNN&GDTX Bình Liêu
17	Quảng Ninh	035	THPT Đàm Hà
17	Quảng Ninh	036	THCS&THPT Lê Lợi
17	Quảng Ninh	037	Trung Tâm GDNN&GDTX Đàm Hà
17	Quảng Ninh	038	THPT Quảng Hà
17	Quảng Ninh	039	THPT Nguyễn Du
17	Quảng Ninh	040	Trung Tâm GdNN&GDTX Hải Hà
17	Quảng Ninh	041	THCS&THPT Đường Hoa Cương
17	Quảng Ninh	042	THPT Tiên Yên
17	Quảng Ninh	043	THPT Hải Đông
17	Quảng Ninh	044	THPT Nguyễn Trãi
17	Quảng Ninh	045	Trung Tâm GdNN&GDTX Tiên Yên
17	Quảng Ninh	046	PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên
17	Quảng Ninh	047	THPT Ba Chẽ
17	Quảng Ninh	048	Trung Tâm GDNN -GDTX Ba Chẽ
17	Quảng Ninh	049	THPT Đông Triều
17	Quảng Ninh	050	THPT Hoàng Quốc Việt
17	Quảng Ninh	051	THPT Hoàng Hoa Thám
17	Quảng Ninh	052	THPT Lê Chân
17	Quảng Ninh	053	THPT Trần Nhân Tông
17	Quảng Ninh	054	THPT Nguyễn Bình
17	Quảng Ninh	055	Trung Tâm GdNN&GDTX Đông Triều
17	Quảng Ninh	056	ĐH Công nghiệp Quảng Ninh
17	Quảng Ninh	057	TH-THCS&THPT Trần Hưng Đạo

17	Quảng Ninh	076	THPT Đông Triều (Năm 2015 về trước)
17	Quảng Ninh	058	THPT Bạch Đằng
17	Quảng Ninh	059	THPT Minh Hà
17	Quảng Ninh	060	THPT Đông Thành
17	Quảng Ninh	061	THPT Yên Hưng
17	Quảng Ninh	062	THPT Trần Quốc Tuấn
17	Quảng Ninh	063	THPT Ngô Gia Tự
17	Quảng Ninh	064	Trung Tâm GdNN&GDTX Quảng Yên
17	Quảng Ninh	077	THPT Bạch Đằng (Năm 2012 về trước)
17	Quảng Ninh	078	THPT Minh Hà (Năm 2012 về trước)
17	Quảng Ninh	079	THPT Yên Hưng (Năm 2012 về trước)
17	Quảng Ninh	080	THPT Ngô Gia Tự (Năm 2012 về trước)
17	Quảng Ninh	081	Trung tâm GDHN-GDTX Quảng Yên (Năm 2012 về trước)
17	Quảng Ninh	082	Trường CD Nông lâm Đông bắc
17	Quảng Ninh	065	THPT Hoành Bồ
17	Quảng Ninh	066	THPT Quảng La
17	Quảng Ninh	067	THPT Thống Nhất
17	Quảng Ninh	068	Trung Tâm GDNN&GDTX Hoành Bồ
17	Quảng Ninh	069	THPT Hải Đảo
17	Quảng Ninh	070	THPT Quan Lạn
17	Quảng Ninh	071	THPT Trần Khánh Dư
17	Quảng Ninh	071	THPT Trần Khánh Dư
17	Quảng Ninh	072	Trung Tâm GDNN&GDTX Vân Đồn
17	Quảng Ninh	073	THPT Cô Tô
17	Quảng Ninh	074	Trung Tâm GDNN&GDTX Cô Tô

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
18	Bắc Giang	800	Học ở nước ngoài 18
18	Bắc Giang	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 18
18	Bắc Giang	011	THPT Ngô Sĩ Liên
18	Bắc Giang	012	THPT Chuyên Bắc Giang
18	Bắc Giang	013	THPT Thái Thuận
18	Bắc Giang	038	PTTH Dân lập Nguyên Hồng
18	Bắc Giang	039	PTTH Dân lập Hồ Tùng Mậu
18	Bắc Giang	040	PT DTNT tỉnh Bắc Giang
18	Bắc Giang	041	TT GDTX tỉnh Bắc Giang

18	Bắc Giang	042	TT Ngoại ngữ -Tin học Bắc Giang
18	Bắc Giang	043	TT GD KTTH Hướng nghiệp
18	Bắc Giang	061	CĐ Nghề Bắc Giang
18	Bắc Giang	067	CĐ Kỹ thuật Công nghiệp
18	Bắc Giang	077	TC Nghề Thủ công Mỹ nghệ 19.5
18	Bắc Giang	079	TC Nghề GTVT
18	Bắc Giang	080	TC Nghề Lái xe số 1
18	Bắc Giang	082	THPT Giáp Hải
18	Bắc Giang	083	TC Văn hóa-Thể thao và Du lịch
18	Bắc Giang	084	CĐ Công nghệ Việt Hàn Bắc Giang
18	Bắc Giang	085	Tiểu học, THCS, THPT Thu Hương
18	Bắc Giang	086	TT GDTX - HN tỉnh Bắc Giang
18	Bắc Giang	014	THPT Yên Thế
18	Bắc Giang	015	THPT Bó Hạ
18	Bắc Giang	044	THPT Mỏ Trạng
18	Bắc Giang	045	TT GDTX DN H.Yên Thế
18	Bắc Giang	075	TC Nghề MN Yên Thế
18	Bắc Giang	016	THPT Lục Ngạn số 1
18	Bắc Giang	017	THPT Lục Ngạn số 2
18	Bắc Giang	018	THPT Lục Ngạn số 3
18	Bắc Giang	046	THPT Lục Ngạn số 4
18	Bắc Giang	047	TT GDTX-DN H.Lục Ngạn
18	Bắc Giang	068	PT DTNT H.Lục Ngạn
18	Bắc Giang	070	THPT Bán công H.Lục Ngạn
18	Bắc Giang	087	TT GDNN-GDTX H.Lục Ngạn
18	Bắc Giang	048	THPT Sơn Động số 1
18	Bắc Giang	049	PT DTNT H.Sơn Động
18	Bắc Giang	050	THPT Sơn Động số 2
18	Bắc Giang	051	TT GDTX-DN H.Sơn Động
18	Bắc Giang	069	THPT Sơn Động số 3
18	Bắc Giang	088	TT GDNN-GdTx H.Sơn Động
18	Bắc Giang	019	THPT Lục Nam
18	Bắc Giang	020	THPT Cẩm Lý
18	Bắc Giang	021	THPT Phương Sơn
18	Bắc Giang	022	THPT Tứ Sơn
18	Bắc Giang	052	PTTH dân lập Đồi Ngô
18	Bắc Giang	053	TT GDTX-DN H.Lục Nam
18	Bắc Giang	071	THPT tư thực Thanh Hồ
18	Bắc Giang	089	THPT Đồi Ngô
18	Bắc Giang	090	TT GDNN-gDtx H.Lục Nam
18	Bắc Giang	091	THPT Thanh Lâm
18	Bắc Giang	023	THPT Tân Yên số 1
18	Bắc Giang	024	THPT Tân Yên số 2
18	Bắc Giang	025	THPT Nhã Nam
18	Bắc Giang	054	PTTH dân lập Tân Yên
18	Bắc Giang	055	TT GDTX-DN H.Tân Yên

18	Bắc Giang	092	THPT Hoàng Hoa Thám
18	Bắc Giang	093	TT GDNN-GdTX H.Tân Yên
18	Bắc Giang	026	THPT Hiệp Hòa số 1
18	Bắc Giang	027	THPT Hiệp Hòa số 2
18	Bắc Giang	028	THPT Hiệp Hòa số 3
18	Bắc Giang	056	THPT dân lập Hiệp Hòa 1
18	Bắc Giang	057	THPT Dân lập số 2 Hiệp Hòa
18	Bắc Giang	058	TT GDTX-DN H. Hiệp Hòa
18	Bắc Giang	074	THPT Hiệp Hòa số 4
18	Bắc Giang	081	THCS và THPT Hiệp Hòa
18	Bắc Giang	094	THPT Hiệp Hòa số 5
18	Bắc Giang	095	tt gdn-gdtx h. Hiệp Hòa
18	Bắc Giang	029	THPT Lạng Giang số 1
18	Bắc Giang	030	THPT Lạng Giang số 2
18	Bắc Giang	031	THPT Lạng Giang số 3
18	Bắc Giang	059	THPT Dân lập Thái Đào
18	Bắc Giang	060	THPT Dân Lập Phi Mô
18	Bắc Giang	062	TT GDTX-dN H.Lạng Giang
18	Bắc Giang	076	TC Nghề số 12 Bộ Quốc phòng
18	Bắc Giang	096	TT GDNN-GDTX H.Lạng Giang
18	Bắc Giang	032	THPT Việt Yên số 1
18	Bắc Giang	033	THPT Việt Yên số 2
18	Bắc Giang	034	THPT Lý Thường Kiệt
18	Bắc Giang	063	TH, THCS, THPT Nguyễn Bình Khiêm
18	Bắc Giang	064	tt GdTX-DN H.Việt Yên
18	Bắc Giang	097	TT GDNN-GDTX H.Việt Yên
18	Bắc Giang	035	THPT Yên Dũng số 1
18	Bắc Giang	036	THPT Yên Dũng số 2
18	Bắc Giang	037	THPT Yên Dũng số 3
18	Bắc Giang	065	THPT Dân lập Yên Dũng
18	Bắc Giang	066	TT GDTX-dN H.Yên Dũng
18	Bắc Giang	072	THPT dân lập Quang Trung
18	Bắc Giang	073	THPT tư thực Thái Sơn
18	Bắc Giang	098	TT GDNN-GDTX H.Yên Dũng
18	Bắc Giang	099	THPT Quang Trung

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
19	Bắc Ninh	800	Học ở nước ngoài 19
19	Bắc Ninh	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 19
19	Bắc Ninh	000	Sở GD&ĐT Bắc Ninh
19	Bắc Ninh	001	Phòng GD&ĐT Tp Bắc Ninh
19	Bắc Ninh	009	THPT Chuyên Bắc Ninh
19	Bắc Ninh	012	THPT Hoàng Quốc Việt
19	Bắc Ninh	013	THPT Hàn Thuyên

19	Bắc Ninh	025	THPT Lý Thường Kiệt
19	Bắc Ninh	027	THPT Lý Nhân Tông
19	Bắc Ninh	028	PT có nhiều cấp học Quốc tế Kinh Bắc
19	Bắc Ninh	031	THPT Nguyễn Du
19	Bắc Ninh	037	TT GDTX Bắc Ninh
19	Bắc Ninh	045	CĐ Nghề Kinh tế Kỹ thuật Bắc Ninh
19	Bắc Ninh	046	CĐ Nghề Cơ điện Xây dựng Bắc Ninh
19	Bắc Ninh	050	THPT Hàm Long
19	Bắc Ninh	058	TC nghề Kinh tế, Kỹ thuật Bắc Ninh
19	Bắc Ninh	059	THPT Bắc Ninh
19	Bắc Ninh	062	Cao đẳng thống kê
19	Bắc Ninh	063	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật thương mại số 1
19	Bắc Ninh	071	Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh
19	Bắc Ninh	002	Phòng GD&ĐT Yên Phong
19	Bắc Ninh	026	THPT Yên Phong số 1
19	Bắc Ninh	032	THPT Nguyễn Trãi
19	Bắc Ninh	038	TT GDTX Yên Phong
19	Bắc Ninh	049	THPT Yên Phong số 2
19	Bắc Ninh	065	TT GDNN-GDTX Yên Phong
19	Bắc Ninh	003	Phòng GD&ĐT Quế Võ
19	Bắc Ninh	018	THPT Quế Võ số 1
19	Bắc Ninh	019	THPT Quế Võ số 2
19	Bắc Ninh	020	THPT Quế Võ số 3
19	Bắc Ninh	033	THPT Phố Mới
19	Bắc Ninh	039	TT GDTX số 2 tỉnh Bắc Ninh
19	Bắc Ninh	047	THPT Trần Hưng Đạo
19	Bắc Ninh	066	TT GDNN-GDTX Bắc Ninh
19	Bắc Ninh	004	Phòng GD&ĐT Tiên Du
19	Bắc Ninh	024	THPT Tiên Du số 1
19	Bắc Ninh	035	THPT Trần Nhân Tông
19	Bắc Ninh	040	TT GDTX Tiên Du
19	Bắc Ninh	048	THPT Nguyễn Đăng Đạo
19	Bắc Ninh	051	THPT Lê Quý Đôn
19	Bắc Ninh	069	TT GDNN-GDTX Tiên Du
19	Bắc Ninh	005	Phòng GD&ĐT Từ Sơn
19	Bắc Ninh	016	THPT Lý Thái Tổ
19	Bắc Ninh	017	THPT Ngô Gia Tự
19	Bắc Ninh	036	THPT Từ Sơn
19	Bắc Ninh	041	TT GDTX Từ Sơn
19	Bắc Ninh	053	THPT Nguyễn Văn Cừ
19	Bắc Ninh	055	PT năng khiếu TDTT Olympic
19	Bắc Ninh	056	CĐ Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản

19	Bắc Ninh	057	CĐ Công nghiệp Hưng Yên (cơ sở 2)
19	Bắc Ninh	060	Trường Phổ thông IVS
19	Bắc Ninh	064	TT GDNN-GDTX Từ Sơn
19	Bắc Ninh	070	Phổ thông liên cấp Lý Công Uẩn
19	Bắc Ninh	006	Phòng GD&ĐT Thuận Thành
19	Bắc Ninh	021	THPT Thuận Thành số 1
19	Bắc Ninh	022	THPT Thuận Thành số 2
19	Bắc Ninh	023	THPT Thuận Thành số 3
19	Bắc Ninh	034	THPT Thiên Đức
19	Bắc Ninh	042	TT GDTX Thuận Thành
19	Bắc Ninh	054	THPT Kinh Bắc
19	Bắc Ninh	007	Phòng GD&ĐT Gia Bình
19	Bắc Ninh	010	THPT Gia Bình số 1
19	Bắc Ninh	011	THPT Lê Văn Thịnh
19	Bắc Ninh	029	THPT Gia Bình số 3
19	Bắc Ninh	043	TT GDTX Gia Bình
19	Bắc Ninh	067	TT GDNN-GDTX Gia Bình
19	Bắc Ninh	008	Phòng GD&ĐT Lương Tài
19	Bắc Ninh	014	THPT Lương Tài
19	Bắc Ninh	015	THPT Lương Tài số 2
19	Bắc Ninh	030	THPT Lương Tài số 3
19	Bắc Ninh	044	TT GDTX Lương Tài
19	Bắc Ninh	052	THPT Hải Á
19	Bắc Ninh	068	TT GDNN-GDTX Lương Tài

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
21	Hải Dương	800	Học ở nước ngoài 21
21	Hải Dương	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 21
21	Hải Dương	013	THPT Chuyên Nguyễn Trãi
21	Hải Dương	014	THPT Hồng Quang
21	Hải Dương	015	THPT Nguyễn Du
21	Hải Dương	016	THPT Hoàng Văn Thụ
21	Hải Dương	017	THPT Nguyễn Bình Khiêm
21	Hải Dương	041	THPT Thành Đông
21	Hải Dương	055	TT GDTX TP. Hải Dương
21	Hải Dương	067	TC Văn hóa - Nghệ thuật -Du lịch
21	Hải Dương	076	THPT Ái Quốc
21	Hải Dương	080	THPT Lương Thế Vinh
21	Hải Dương	081	THPT Marie Curie
21	Hải Dương	018	THPT Chí Linh
21	Hải Dương	019	THPT Phả Lại

21	Hải Dương	043	THPT Trần Phú
21	Hải Dương	056	TT GDTX - HN - DN Chí Linh
21	Hải Dương	074	THPT Bến Tắm
21	Hải Dương	046	THPT Nam Sách II
21	Hải Dương	057	TT GDTX Nam Sách
21	Hải Dương	075	THPT Phan Bội Châu
21	Hải Dương	086	THPT Kinh Môn
21	Hải Dương	087	THPT Nhị Chiểu
21	Hải Dương	088	THPT Phúc Thành
21	Hải Dương	089	THPT Kinh Môn II
21	Hải Dương	090	THPT Trần Quang Khải
21	Hải Dương	091	THPT Quang Thành
21	Hải Dương	092	TT GdTx Kinh Môn
21	Hải Dương	032	THPT Gia Lộc
21	Hải Dương	033	THPT Đoàn Thượng
21	Hải Dương	047	THPT Gia Lộc II
21	Hải Dương	059	TT GDTX - HN Gia Lộc
21	Hải Dương	030	THPT Tứ Kỳ
21	Hải Dương	031	THPT Cầu Xe
21	Hải Dương	044	THPT Hưng Đạo
21	Hải Dương	060	TT GDTX Tứ Kỳ
21	Hải Dương	072	THPT Tứ Kỳ II
21	Hải Dương	036	THPT Thanh Miện
21	Hải Dương	037	THPT Thanh Miện II
21	Hải Dương	052	THPT Thanh Miện III
21	Hải Dương	061	TT GDTX Thanh Miện
21	Hải Dương	085	THPT Lê Quý Đôn
21	Hải Dương	034	THPT Ninh Giang
21	Hải Dương	035	THPT Quang Trung
21	Hải Dương	045	THPT Khúc Thừa Dụ
21	Hải Dương	050	THPT Ninh Giang II
21	Hải Dương	062	TT GDTX Ninh Giang
21	Hải Dương	079	THPT Hồng Đức
21	Hải Dương	038	THPT Cẩm Giàng
21	Hải Dương	042	THPT Tuệ Tĩnh
21	Hải Dương	053	THPT Cẩm Giàng II
21	Hải Dương	063	TT GDTX Cẩm Giàng
21	Hải Dương	022	THPT Thanh Hà
21	Hải Dương	023	THPT Hà Đông
21	Hải Dương	024	THPT Hà Bắc
21	Hải Dương	048	THPT Thanh Bình
21	Hải Dương	064	TT GDTX Thanh Hà
21	Hải Dương	025	THPT Kim Thành
21	Hải Dương	026	THPT Đồng Gia
21	Hải Dương	049	THPT Kim Thành II
21	Hải Dương	065	TT GDTX Kim Thành
21	Hải Dương	073	THPT Phú Thái
21	Hải Dương	039	THPT Bình Giang
21	Hải Dương	040	THPT Kê Sắt
21	Hải Dương	054	THPT Đường An
21	Hải Dương	066	TT GDTX Bình Giang

21	Hải Dương	082	THPT Vũ Ngọc Phan
----	-----------	-----	-------------------

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
22	Hưng Yên	800	Học ở nước ngoài 22
22	Hưng Yên	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 22
22	Hưng Yên	000	Sở GDĐT Hưng Yên
22	Hưng Yên	011	THPT Chuyên Hưng Yên
22	Hưng Yên	012	THPT Hưng Yên
22	Hưng Yên	013	Trung tâm GDTX TP Hưng Yên
22	Hưng Yên	014	Phòng GDĐT TP Hưng Yên
22	Hưng Yên	015	THPT Tô Hiệu
22	Hưng Yên	070	TC Văn hóa Ng.Thuật và D. Lịch HY
22	Hưng Yên	072	Trung cấp Nghề Hưng Yên
22	Hưng Yên	078	THPT Quang Trung
22	Hưng Yên	088	Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải HY
22	Hưng Yên	101	Trung tâm GDNN -GDTX TP Hưng Yên
22	Hưng Yên	016	THPT Kim Động
22	Hưng Yên	017	THPT Đức Hợp
22	Hưng Yên	018	Trung tâm GDTX Kim Động
22	Hưng Yên	019	Phòng GDĐT Kim Động
22	Hưng Yên	073	THPT Nghĩa Dân
22	Hưng Yên	074	THPT Nguyễn Trãi
22	Hưng Yên	105	Trung tâm GDNN -GDtX Kim Động
22	Hưng Yên	020	THPT Ân Thi
22	Hưng Yên	021	THPT Nguyễn Trung Ngạn
22	Hưng Yên	022	Trung tâm GDTX Ân Thi
22	Hưng Yên	023	Trung tâm KTTH-HN Ân Thi
22	Hưng Yên	024	Phòng GDĐT Ân Thi
22	Hưng Yên	025	THPT Lê Quý Đôn
22	Hưng Yên	026	THPT Phạm Ngũ Lão
22	Hưng Yên	104	Trung tâm GDNN -GDTX Ân Thi
22	Hưng Yên	027	THPT Khoái Châu
22	Hưng Yên	028	THPT Nam Khoái Châu
22	Hưng Yên	029	Trung tâm GDTX Khoái Châu
22	Hưng Yên	030	Trung tâm KTTH-HN Khoái Châu
22	Hưng Yên	031	Phòng GDĐT Khoái Châu
22	Hưng Yên	032	THPT Trần Quang Khải
22	Hưng Yên	033	THPT Phùng Hưng

22	Hưng Yên	066	Cao đẳng Nghề Cơ điện và Thủy lợi
22	Hưng Yên	079	THPT Nguyễn Siêu
22	Hưng Yên	092	Cao đẳng Cơ điện và Thủy Lợi
22	Hưng Yên	106	Trung tâm GDNN -GDTX Khoái Châu
22	Hưng Yên	034	THPT Yên Mỹ
22	Hưng Yên	035	THPT Triệu Quang Phục
22	Hưng Yên	036	Trung tâm GDTX Phố Nối
22	Hưng Yên	037	Phòng GDĐT Yên Mỹ
22	Hưng Yên	038	THPT Hồng Bàng
22	Hưng Yên	064	Cao đẳng Công Nghiệp Hưng Yên
22	Hưng Yên	076	THPT Minh Châu
22	Hưng Yên	039	THPT Tiên Lữ
22	Hưng Yên	040	THPT Trần Hưng Đạo
22	Hưng Yên	041	THPT Hoàng Hoa Thám
22	Hưng Yên	042	Trung tâm GDTX Tiên Lữ
22	Hưng Yên	043	Trung tâm KTTH-HN Tiên Lữ
22	Hưng Yên	044	Phòng GDĐT Tiên Lữ
22	Hưng Yên	080	THPT Ngô Quyền
22	Hưng Yên	102	Trung tâm GDNN -GDTX Tiên Lữ
22	Hưng Yên	045	THPT Phù Cừ
22	Hưng Yên	046	THPT Nam Phù Cừ
22	Hưng Yên	047	Trung tâm GDTX Phù Cừ
22	Hưng Yên	048	Phòng GDĐT Phù Cừ
22	Hưng Yên	075	THPT Nguyễn Du
22	Hưng Yên	103	Trung tâm GDNN - GDTX Phù Cừ
22	Hưng Yên	049	THPT Mỹ Hào
22	Hưng Yên	050	THPT Nguyễn Thiện Thuật
22	Hưng Yên	051	Trung tâm GDTX Mỹ Hào
22	Hưng Yên	052	Phòng GDĐT Mỹ Hào
22	Hưng Yên	077	THPT Hồng Đức
22	Hưng Yên	087	Cao đẳng Hàng Không
22	Hưng Yên	090	TH, THCS, THPT Hồng Đức
22	Hưng Yên	107	Trung tâm GDNN -GDTX Mỹ Hào
22	Hưng Yên	053	THPT Văn Lâm
22	Hưng Yên	054	THPT Trưng Vương
22	Hưng Yên	055	Trung tâm GDTX Văn Lâm
22	Hưng Yên	056	Phòng GDĐT Văn Lâm
22	Hưng Yên	081	THPT Hùng Vương
22	Hưng Yên	085	THPT Lương Tài
22	Hưng Yên	086	Cao đẳng ASEAN
22	Hưng Yên	108	Trung tâm GDNN -GDTX Văn Lâm
22	Hưng Yên	057	THPT Văn Giang
22	Hưng Yên	058	Trung tâm GDTX Văn Giang

22	Hưng Yên	059	Phòng GDĐT Văn Giang
22	Hưng Yên	060	THPT Dương Quảng Hàm
22	Hưng Yên	082	THPT Nguyễn Công Hoan
22	Hưng Yên	083	Trung cấp Công nghệ, Kinh tế Việt Hàn
22	Hưng Yên	084	Trường TH, THCS, THPT Đoàn thị Điểm -Ecopark
22	Hưng Yên	089	Trung cấp Cảnh sát C66
22	Hưng Yên	091	TH, THCS, THPT Đoàn Thị Điểm - Greenfield
22	Hưng Yên	109	Trung tâm GDNN -GDTX Văn Giang

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
23	Hoà Bình	800	Học ở nước ngoài 23
23	Hoà Bình	000	Sở Giáo dục - Đào tạo Hòa Bình
23	Hoà Bình	001	TT GDTX thành phố HB
23	Hoà Bình	012	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
23	Hoà Bình	013	THPT Lạc Long Quân
23	Hoà Bình	014	THPT Nguyễn Du
23	Hoà Bình	015	THPT Công Nghiệp
23	Hoà Bình	016	PT Dân tộc nội trú THPT tỉnh Hòa Bình
23	Hoà Bình	017	THPT Ngô Quyền
23	Hoà Bình	044	TT GDTX tỉnh Hoà Bình
23	Hoà Bình	045	Cao Đẳng Kinh tế -Kỹ Thuật HB
23	Hoà Bình	053	CĐ nghề Hòa Bình
23	Hoà Bình	054	CĐ nghề Sông Đà
23	Hoà Bình	058	Cao đẳng Nghệ thuật Tây Bắc
23	Hoà Bình	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 23
23	Hoà Bình	002	TT GDNN-GDTX Đà Bắc
23	Hoà Bình	018	THPT Đà Bắc
23	Hoà Bình	019	THPT Mường Chiềng
23	Hoà Bình	050	THPT Yên Hoà
23	Hoà Bình	003	TT GDNN- GDTX Mai Châu
23	Hoà Bình	020	THPT Mai Châu
23	Hoà Bình	021	THPT Mai Châu B
23	Hoà Bình	004	TT GDNN Tân Lạc
23	Hoà Bình	022	THPT Tân Lạc
23	Hoà Bình	023	THPT Mường Bi
23	Hoà Bình	024	THPT Đoàn Kết
23	Hoà Bình	046	THPT Lũng Vân
23	Hoà Bình	005	TT GDNN Lạc Sơn

23	Hoà Bình	025	THPT Lạc Sơn
23	Hoà Bình	026	THPT Cộng Hoà
23	Hoà Bình	027	THPT Đại Đồng
23	Hoà Bình	048	THPT Quyết Thắng
23	Hoà Bình	056	PT dtNt THCS&thpt Ngọc Sơn
23	Hoà Bình	006	TT GDNN Kỳ Sơn
23	Hoà Bình	028	THPT Kỳ Sơn
23	Hoà Bình	029	THPT Phú Cường
23	Hoà Bình	007	TT GDNN-GDTX Lương Sơn
23	Hoà Bình	030	THPT Lương Sơn
23	Hoà Bình	031	THPT Nguyễn Trãi
23	Hoà Bình	033	THPT Nam Lương Sơn
23	Hoà Bình	036	THPT Cù Chính Lan
23	Hoà Bình	008	TT GDNN-GDTX Kim Bôi
23	Hoà Bình	034	THPT Kim Bôi
23	Hoà Bình	035	THPT 19/5
23	Hoà Bình	051	THPT Bắc Sơn
23	Hoà Bình	052	THPT Sào Báy
23	Hoà Bình	009	TT GDNN-GDTX Lạc Thủy
23	Hoà Bình	037	ThPt Thanh Hà
23	Hoà Bình	038	THPT Lạc Thủy
23	Hoà Bình	039	THPT Lạc Thủy B
23	Hoà Bình	040	THPT Lạc Thủy C
23	Hoà Bình	055	CĐ nghề Cơ điện Tây Bắc
23	Hoà Bình	010	TT GDNN-GDTX Yên Thủy
23	Hoà Bình	041	THPT Yên Thủy A
23	Hoà Bình	042	THPT Yên Thủy B
23	Hoà Bình	047	THPT Yên Thủy C
23	Hoà Bình	011	TT GDNN-GdTx Cao Phong
23	Hoà Bình	043	THPT Cao Phong
23	Hoà Bình	049	THPT Thạch Yên

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
24	Hà Nam	800	Học ở nước ngoài 24
24	Hà Nam	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 24
24	Hà Nam	011	THPT Chuyên Biên Hòa
24	Hà Nam	012	THPT A Phủ Lý
24	Hà Nam	013	THPT B Phủ Lý
24	Hà Nam	014	THPT Dân lập Lương Thế Vinh
24	Hà Nam	015	Trung tâm GDTX - HN Hà Nam
24	Hà Nam	016	Cao đẳng nghề Hà Nam
24	Hà Nam	017	THPT C Phủ Lý
24	Hà Nam	021	THPT A Duy Tiên
24	Hà Nam	022	THPT B Duy Tiên

24	Hà Nam	023	THPT C Duy Tiên
24	Hà Nam	024	THPT Nguyễn Hữu Tiến
24	Hà Nam	025	Trung tâm GDNN -GDTX Duy Tiên
24	Hà Nam	031	THPT A Kim Bảng
24	Hà Nam	032	THPT B Kim Bảng
24	Hà Nam	033	THPT C Kim Bảng
24	Hà Nam	034	Trung tâm GDNN -GDTX Kim Bảng
24	Hà Nam	035	THPT Lý Thường Kiệt
24	Hà Nam	041	THPT Lý Nhân
24	Hà Nam	042	THPT Bắc Lý
24	Hà Nam	043	THPT Nam Lý
24	Hà Nam	044	THPT Dân lập Trần Hưng Đạo
24	Hà Nam	045	THPT Nam Cao
24	Hà Nam	046	Trung tâm GDNN -GDtX Lý Nhân
24	Hà Nam	051	THPT A Thanh Liêm
24	Hà Nam	052	THPT B Thanh Liêm
24	Hà Nam	053	THPT Dân lập Thanh Liêm
24	Hà Nam	054	Trung tâm GDNN -GDTX Thanh Liêm
24	Hà Nam	055	THPT C Thanh Liêm
24	Hà Nam	056	THPT Lê Hoàn
24	Hà Nam	061	THPT A Bình Lục
24	Hà Nam	062	THPT B Bình Lục
24	Hà Nam	063	THPT C Bình Lục
24	Hà Nam	064	THPT Dân lập Bình Lục
24	Hà Nam	065	Trung tâm GDNN -GDTX Bình Lục
24	Hà Nam	066	THPT Nguyễn Khuyến

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
25	Nam Định	800	Học ở nước ngoài 25
25	Nam Định	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 25
25	Nam Định	002	THPT chuyên Lê Hồng Phong
25	Nam Định	003	THPT Trần Hưng Đạo
25	Nam Định	004	THPT Nguyễn Khuyến
25	Nam Định	005	THPT Ngô Quyền
25	Nam Định	006	THPT Nguyễn Huệ
25	Nam Định	007	Trường Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Công Trứ
25	Nam Định	008	THPT Trần Quang Khải
25	Nam Định	009	THPT DL Trần Nhật Duật

25	Nam Định	011	THPT Hoàng Diệu
25	Nam Định	012	TT GDTX Trần Phú
25	Nam Định	013	TT GDTX Tỉnh Nam Định
25	Nam Định	014	TT KTTH-HN Nam Định
25	Nam Định	087	ĐH Sư phạm Kỹ thuật Nam Định
25	Nam Định	089	CĐ Xây dựng Nam Định
25	Nam Định	090	CĐ nghề Nam Định
25	Nam Định	091	Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Nam Định
25	Nam Định	092	TC Cơ Điện Nam Định
25	Nam Định	095	TC nghề Đại Lâm
25	Nam Định	096	TC nghề Giao thông Vận tải
25	Nam Định	097	TC nghề Số 8
25	Nam Định	098	TC nghề Số 20
25	Nam Định	099	Trường BT VH Dệt Nam Định
25	Nam Định	016	THPT Mỹ Lộc
25	Nam Định	017	THPT Trần Văn Lan
25	Nam Định	018	TT GDTX H. Mỹ Lộc
25	Nam Định	019	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mỹ Lộc
25	Nam Định	020	THPT Xuân Trường
25	Nam Định	021	THPT Xuân Trường B
25	Nam Định	022	THPT Xuân Trường C
25	Nam Định	023	THPT Cao Phong
25	Nam Định	024	THPT Nguyễn Trường Thuý
25	Nam Định	025	TT GDTX H.Xuân Trường
25	Nam Định	026	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường
25	Nam Định	027	THPT Giao Thủy
25	Nam Định	028	THPT Giao Thủy B
25	Nam Định	029	THPT Giao Thủy C
25	Nam Định	030	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Giao Thủy
25	Nam Định	031	THPT Quất Lâm
25	Nam Định	032	TT GDTX H.Giao Thủy
25	Nam Định	034	THPT Tống Văn Trân
25	Nam Định	035	THPT Phạm Văn Nghị
25	Nam Định	036	THPT Mỹ Tho
25	Nam Định	037	THPT Ý Yên
25	Nam Định	038	THPT Đại An
25	Nam Định	039	TT GDTX A H. Ý Yên
25	Nam Định	040	THPT Đỗ Huy Liêu
25	Nam Định	041	THPT Lý Nhân Tông
25	Nam Định	042	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ý Yên
25	Nam Định	094	TC nghề Thủ công Mỹ nghệ Nam Định
25	Nam Định	015	THPT Hùng Vương
25	Nam Định	043	THPT Hoàng Văn Thụ

25	Nam Định	044	THPT Lương Thế Vinh
25	Nam Định	045	THPT Nguyễn Bính
25	Nam Định	046	THPT Nguyễn Đức Thuận
25	Nam Định	047	TT GDTX Liên Minh
25	Nam Định	048	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Vụ Bản
25	Nam Định	088	CĐ Công nghiệp Nam Định
25	Nam Định	050	THPT Nam Trực
25	Nam Định	051	THPT Lý Tự Trọng
25	Nam Định	052	THPT Nguyễn Du
25	Nam Định	053	THPT Phan Bội Châu
25	Nam Định	054	THPT Quang Trung
25	Nam Định	055	THPT Trần Văn Bảo
25	Nam Định	056	TT GDTX H. Nam Trực
25	Nam Định	057	TTGDTX Vũ Tuấn Chiêu
25	Nam Định	058	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nam Trực
25	Nam Định	059	THPT Trục Ninh
25	Nam Định	060	THPT Nguyễn Trãi
25	Nam Định	061	THPT Trục Ninh B
25	Nam Định	062	THPT Lê Quý Đôn
25	Nam Định	063	THPT Đoàn Kết
25	Nam Định	064	TT GDTX A H. Trục Ninh
25	Nam Định	065	TT GDTX B H. Trục Ninh
25	Nam Định	066	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Trục Ninh
25	Nam Định	093	TC nghề Kinh tế - Kỹ thuật CN
25	Nam Định	067	THPT A Nghĩa Hưng
25	Nam Định	068	THPT B Nghĩa Hưng
25	Nam Định	069	THPT C Nghĩa Hưng
25	Nam Định	070	THPT Nghĩa Hưng
25	Nam Định	071	THPT Trần Nhân Tông
25	Nam Định	072	TT GDTX H. Nghĩa Hưng
25	Nam Định	073	TT GDTX Nghĩa Tân
25	Nam Định	074	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nghĩa Hưng
25	Nam Định	085	THPT Nghĩa Minh
25	Nam Định	075	THPT A Hải Hậu
25	Nam Định	076	THPT B Hải Hậu
25	Nam Định	077	THPT C Hải Hậu
25	Nam Định	078	THPT Tô Hiến Thành
25	Nam Định	079	THPT Thịnh Long
25	Nam Định	080	THPT Trần Quốc Tuấn
25	Nam Định	081	THPT An Phúc
25	Nam Định	082	TT GDTX H. Hải Hậu
25	Nam Định	083	TT GDTX Hải Cường
25	Nam Định	084	THPT Vũ Văn Hiếu
25	Nam Định	086	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hải Hậu

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
26	Thái Bình	800	Học ở nước ngoài 26
26	Thái Bình	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 26
26	Thái Bình	002	THPT Chuyên Thái Bình
26	Thái Bình	003	THPT Lê Quý Đôn
26	Thái Bình	004	THPT Nguyễn Đức Cảnh
26	Thái Bình	005	THPT Nguyễn Công Trứ
26	Thái Bình	006	THPT Nguyễn Thái Bình
26	Thái Bình	007	TT GDNN-GDTX Thành phố Thái Bình
26	Thái Bình	059	Trung cấp nghề cho người khuyết tật Thái Bình
26	Thái Bình	060	Cao đẳng nghề Thái Bình
26	Thái Bình	061	Cao đẳng nghề số 19 - Bộ Quốc phòng
26	Thái Bình	062	Đại học Thái Bình
26	Thái Bình	009	THPT Quỳnh Côi
26	Thái Bình	010	THPT Quỳnh Thọ
26	Thái Bình	011	THPT Phụ Dực
26	Thái Bình	012	THPT Nguyễn Huệ
26	Thái Bình	013	THPT Trần Hưng Đạo
26	Thái Bình	014	TT GDNN-GDTX Quỳnh Phụ
26	Thái Bình	017	THPT Hưng Nhân
26	Thái Bình	018	THPT Bắc Duyên Hà
26	Thái Bình	019	THPT Nam Duyên Hà
26	Thái Bình	020	THPT Đông Hưng Hà
26	Thái Bình	021	THPT Trần Thị Dung
26	Thái Bình	022	TT GDNN-GDTX Hưng Hà
26	Thái Bình	024	THPT Tiên Hưng
26	Thái Bình	025	THPT Bắc Đông Quan
26	Thái Bình	026	THPT Nam Đông Quan
26	Thái Bình	027	THPT Mê Linh
26	Thái Bình	028	THPT Đông Quan
26	Thái Bình	030	TT GDNN-GDTX Đông Hưng
26	Thái Bình	032	THPT Nguyễn Trãi
26	Thái Bình	033	THPT vũ Tiên
26	Thái Bình	034	THPT Lý Bôn
26	Thái Bình	035	THPT Hùng Vương
26	Thái Bình	036	THPT Phạm Quang Thắm
26	Thái Bình	037	TT GDNN-GDTX Vũ Thư
26	Thái Bình	039	THPT Nguyễn Du
26	Thái Bình	040	THPT Bắc Kiến Xương
26	Thái Bình	041	THPT Chu Văn An
26	Thái Bình	042	THPT Bình Thanh
26	Thái Bình	043	THPT Hồng Đức

26	Thái Bình	044	TT GDNN-GDTX Kiến Xương
26	Thái Bình	046	THPT Tây Tiền Hải
26	Thái Bình	047	THPT Nam Tiền Hải
26	Thái Bình	048	THPT Đông Tiền Hải
26	Thái Bình	049	THPT Hoàng Văn Thái
26	Thái Bình	050	TT GDNN-GDTX Tiền Hải
26	Thái Bình	052	THPT Đông Thụy Anh
26	Thái Bình	053	THPT Tây Thụy Anh
26	Thái Bình	054	THPT Thái Ninh
26	Thái Bình	055	THPT Thái Phúc
26	Thái Bình	056	THPT Diêm Điền
26	Thái Bình	057	TT GDNN-GDTX Thái Thụy

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
27	Ninh Bình	800	Học ở nước ngoài 27
27	Ninh Bình	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 27
27	Ninh Bình	CNY	CĐ Y tế Ninh Bình
27	Ninh Bình	002	TC Kinh tế kỹ thuật và Tại chức
27	Ninh Bình	003	TC Y Dược Tôn Thất Tùng
27	Ninh Bình	011	THPT Chuyên Lương Văn Tụy
27	Ninh Bình	012	THPT Đinh Tiên Hoàng
27	Ninh Bình	013	THPT Trần Hưng Đạo
27	Ninh Bình	014	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu
27	Ninh Bình	015	THPT Nguyễn Công Trứ
27	Ninh Bình	016	GDTX Ninh Bình
27	Ninh Bình	017	CĐ nghề LiLaMa 1
27	Ninh Bình	018	TC nghề Thành Nam
27	Ninh Bình	019	TC nghề Mỹ thuật Thanh Bình
27	Ninh Bình	020	TC nghề kinh tế - KT Công Đoàn Ninh Bình
27	Ninh Bình	091	THPT Bán công Ninh Bình
27	Ninh Bình	092	THPT dân lập Nguyễn Công Trứ
27	Ninh Bình	021	THPT Nguyễn Huệ
27	Ninh Bình	022	THPT Ngô Thị Nhậm
27	Ninh Bình	023	TTGDTX Tam Điệp
27	Ninh Bình	024	CĐ nghề Cơ điện - Xây dựng Tam Điệp
27	Ninh Bình	025	CĐ nghề Cơ giới Ninh Bình
27	Ninh Bình	026	TC Nghề số 13
27	Ninh Bình	027	TC Nghề số 14
27	Ninh Bình	028	TC Nghề Việt Can
27	Ninh Bình	029	GDNN - GDTX Tam Điệp

27	Ninh Bình	031	THPT Nho Quan A
27	Ninh Bình	032	THPT Nho Quan B
27	Ninh Bình	033	THPT Dân tộc nội trú
27	Ninh Bình	034	TTGDTX Nho Quan
27	Ninh Bình	035	THPT Nho Quan C
27	Ninh Bình	036	TC Nghề Nho Quan
27	Ninh Bình	037	GDNN - GDTX Nho Quan
27	Ninh Bình	041	THPT Gia Viễn A
27	Ninh Bình	042	THPT Gia Viễn B
27	Ninh Bình	043	THPT Gia Viễn C
27	Ninh Bình	044	TTGDTX Gia Viễn
27	Ninh Bình	045	GDNN - GDTX Gia Viễn
27	Ninh Bình	001	TC Công nghệ và Y tế Pasteur
27	Ninh Bình	051	THPT Hoa Lư A
27	Ninh Bình	052	THPT Trương Hán Siêu
27	Ninh Bình	053	TTGDTX Hoa Lư
27	Ninh Bình	054	GDNN - GDTX Hoa Lư
27	Ninh Bình	093	THPT dân lập Hoa Lư
27	Ninh Bình	061	THPT Yên Mô A
27	Ninh Bình	062	THPT Yên Mô B
27	Ninh Bình	063	TTGDTX Yên Mô
27	Ninh Bình	064	THPT Tạ Uyên
27	Ninh Bình	065	GDNN - GDTX Yên Mô
27	Ninh Bình	071	THPT Kim Sơn A
27	Ninh Bình	072	THPT Kim Sơn B
27	Ninh Bình	073	THPT Bình Minh
27	Ninh Bình	074	TTGDTX Kim Sơn
27	Ninh Bình	075	THPT Kim Sơn C
27	Ninh Bình	076	GDNN - GDTX Kim Sơn
27	Ninh Bình	081	THPT Yên Khánh A
27	Ninh Bình	082	THPT Yên Khánh B
27	Ninh Bình	083	THPT Vũ Duy Thanh
27	Ninh Bình	084	TTGDTX Yên Khánh
27	Ninh Bình	085	THPT Yên Khánh C
27	Ninh Bình	086	GDNN - GDTX Yên Khánh
27	Ninh Bình	094	THPT dân lập Yên Khánh

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
28	Thanh Hoá	800	Học ở nước ngoài 28
28	Thanh Hoá	900	Quân nhân, CA tại ngũ 28
28	Thanh Hoá	001	THPT Đào Duy Từ
28	Thanh Hoá	002	THPT Hàm Rồng
28	Thanh Hoá	003	THPT Nguyễn Trãi
28	Thanh Hoá	004	THPT Tô Hiến Thành
28	Thanh Hoá	005	THPT Trường Thi
28	Thanh Hoá	006	THPT Lý Thường Kiệt
28	Thanh Hoá	007	THPT Đào Duy Anh

28	Thanh Hoá	008	TTGDTX TP Thanh Hoá
28	Thanh Hoá	009	THPT DTNT Tỉnh Thanh Hóa
28	Thanh Hoá	010	THPT Chuyên Lam Sơn
28	Thanh Hoá	011	TTGDTX tỉnh T.Hoá
28	Thanh Hoá	012	THPT Đông Sơn
28	Thanh Hoá	013	THPT Nguyễn Huệ
28	Thanh Hoá	014	Trường CD TDTT T.Hóa
28	Thanh Hoá	015	ĐH VHTT và DL TH
28	Thanh Hoá	016	CĐN NN - PTNT T.Hóa
28	Thanh Hoá	017	Trường CD KT- KTCT
28	Thanh Hoá	018	CĐ nghề CN T.Hóa
28	Thanh Hoá	022	THPT Lê Hồng Phong
28	Thanh Hoá	023	TTGDTX TX Bim Sơn
28	Thanh Hoá	024	TC nghề Bim Sơn
28	Thanh Hoá	025	THPT Sầm Sơn
28	Thanh Hoá	026	THPT Nguyễn Thị Lợi
28	Thanh Hoá	027	TTGDNN-GDTX Sầm Sơn
28	Thanh Hoá	028	THPT Chu Văn An
28	Thanh Hoá	029	THPT Quan Hoá
28	Thanh Hoá	030	TTGdNn-GDTX Quan Hoá
28	Thanh Hoá	031	THCS-THPT Quan Hóa
28	Thanh Hoá	032	THPT Quan Sơn
28	Thanh Hoá	033	TTGdNn-GDTX Quan Sơn
28	Thanh Hoá	034	THPT Quan Sơn 2
28	Thanh Hoá	035	THPT Mường Lát
28	Thanh Hoá	036	TTGDNN-gDtX Mường Lát
28	Thanh Hoá	037	THPT Bá Thước
28	Thanh Hoá	038	THPT Hà Văn Mao
28	Thanh Hoá	039	TTGDNN-GDTX Bá Thước
28	Thanh Hoá	040	THPT Bá Thước 3
28	Thanh Hoá	041	THPT Cẩm Bá Thước
28	Thanh Hoá	042	THPT Thường Xuân 2
28	Thanh Hoá	043	TTGDNN-GDTX Thường Xuân
28	Thanh Hoá	044	THPT Thường Xuân 3
28	Thanh Hoá	045	THPT Như Xuân
28	Thanh Hoá	046	TTGDNN-GDTX Như Xuân
28	Thanh Hoá	047	THPT Như Xuân 2
28	Thanh Hoá	150	THCS-THPT Như Xuân
28	Thanh Hoá	048	THPT Như Thanh
28	Thanh Hoá	049	THPT Như Thanh 2
28	Thanh Hoá	050	TTGDNN-GDTX Như Thanh
28	Thanh Hoá	051	THCS-THPT Như Thanh
28	Thanh Hoá	052	THPT Lang Chánh
28	Thanh Hoá	053	TTGDNN-GdTX Lang Chánh
28	Thanh Hoá	054	THPT Ngọc Lặc
28	Thanh Hoá	055	THPT Lê Lai
28	Thanh Hoá	056	TTGDNN-GDTX Ngọc Lặc
28	Thanh Hoá	057	THPT Bắc Sơn
28	Thanh Hoá	058	TC nghề MN T.Hoá
28	Thanh Hoá	059	THPT Thạch Thành 1

28	Thanh Hoá	060	THPT Thạch Thành 2
28	Thanh Hoá	061	THPT Thạch Thành 3
28	Thanh Hoá	062	TTGDTX Thạch Thành
28	Thanh Hoá	063	THPT Thạch Thành 4
28	Thanh Hoá	064	THPT Cẩm Thủy 1
28	Thanh Hoá	065	THPT Cẩm Thủy 2
28	Thanh Hoá	066	THPT Cẩm Thủy 3
28	Thanh Hoá	067	TTGDNN-GDTX Cẩm Thủy
28	Thanh Hoá	068	THPT Lê Lợi
28	Thanh Hoá	069	THPT Lê Hoàn
28	Thanh Hoá	070	THPT Lam Kinh
28	Thanh Hoá	071	THPT Thọ Xuân 4
28	Thanh Hoá	072	THPT Lê Văn Linh
28	Thanh Hoá	073	THPT Thọ Xuân 5
28	Thanh Hoá	074	TTGDNN-GDTX Thọ Xuân
28	Thanh Hoá	075	THPT Vĩnh Lộc
28	Thanh Hoá	076	THPT Tống Duy Tân
28	Thanh Hoá	077	THPT Trần Khát Chân
28	Thanh Hoá	078	TTGDNN-GDTX Vĩnh Lộc
28	Thanh Hoá	079	THPT Thiệu Hoá
28	Thanh Hoá	080	THPT Nguyễn Quán Nho
28	Thanh Hoá	081	THPT Lê Văn Hưu'
28	Thanh Hoá	082	THPT Dương Đình Nghệ
28	Thanh Hoá	083	TTGDNN-GDTX Thiệu ' Hoá
28	Thanh Hoá	084	THPT Triệu Sơn 1
28	Thanh Hoá	085	THPT Triệu Sơn 2
28	Thanh Hoá	086	THPT Triệu Sơn 3
28	Thanh Hoá	087	THPT Triệu Sơn 4
28	Thanh Hoá	088	THPT Triệu Sơn 5
28	Thanh Hoá	089	THPT Triệu Sơn 6
28	Thanh Hoá	090	THPT Triệu Sơn
28	Thanh Hoá	091	TTGDNN-GDTX Triệu Sơn
28	Thanh Hoá	092	Trường CĐ NL T.Hóa
28	Thanh Hoá	093	THPT Nông Cống 1
28	Thanh Hoá	094	THPT Nông Cống 2
28	Thanh Hoá	095	THPT Nông Cống 3
28	Thanh Hoá	096	THPT Nông Cống 4
28	Thanh Hoá	097	THPT Triệu Thị Trinh
28	Thanh Hoá	098	TTGDNN-GDTX Nông Cống
28	Thanh Hoá	099	THPT Nông Cống
28	Thanh Hoá	100	THPT Đông Sơn 1
28	Thanh Hoá	101	THPT Đông Sơn 2
28	Thanh Hoá	102	PT Nguyễn Mộng Tuân
28	Thanh Hoá	103	TTgDnN-GDtX Đông Sơn
28	Thanh Hoá	104	THPT Hà Trung
28	Thanh Hoá	105	THPT Hoàng Lê Kha
28	Thanh Hoá	106	THPT Nguyễn Hoàng
28	Thanh Hoá	107	TTGDNN-GdTX Hà Trung
28	Thanh Hoá	108	THPT Lương Đắc Bằng
28	Thanh Hoá	109	THPT Hoàng Hoá 2
28	Thanh Hoá	110	THPT Hoàng Hoá 3
28	Thanh Hoá	111	THPT Hoàng Hoá 4

28	Thanh Hoá	112	THPT Lưu Đình Chất
28	Thanh Hoá	113	THPT Lê Viết Tạo
28	Thanh Hoá	114	TTGDNN-GDTX Hoằng Hoá
28	Thanh Hoá	115	THPT Hoằng Hoá
28	Thanh Hoá	116	THPT Ba Đình
28	Thanh Hoá	117	THPT Mai Anh Tuấn
28	Thanh Hoá	118	THPT Trần Phú
28	Thanh Hoá	119	TTGDTX Nga Sơn
28	Thanh Hoá	120	THPT Nga Sơn
28	Thanh Hoá	121	TC nghề Nga Sơn
28	Thanh Hoá	122	THPT Hậu Lộc 1
28	Thanh Hoá	123	THPT Hậu Lộc 2
28	Thanh Hoá	124	THPT Đinh Chương Dương
28	Thanh Hoá	125	TTGDNN-GDTX Hậu Lộc
28	Thanh Hoá	126	THPT Hậu Lộc 3
28	Thanh Hoá	127	THPT Hậu Lộc 4
28	Thanh Hoá	128	THPT Quảng Xương 1
28	Thanh Hoá	129	THPT Quảng Xương 2
28	Thanh Hoá	130	THPT Quảng Xương 4
28	Thanh Hoá	131	THPT Nguyễn Xuân Nguyên
28	Thanh Hoá	132	THPT Đặng Thai Mai
28	Thanh Hoá	133	TTGDNN-GDTX Quảng Xương
28	Thanh Hoá	134	TC PTTH Thanh Hóa
28	Thanh Hoá	135	THPT Tĩnh Gia 1
28	Thanh Hoá	136	THPT Tĩnh Gia 2
28	Thanh Hoá	137	THPT Tĩnh Gia 3
28	Thanh Hoá	138	THPT Tĩnh Gia 5
28	Thanh Hoá	139	TTGDNN-GDTX Tĩnh Gia
28	Thanh Hoá	140	THPT Tĩnh Gia 4
28	Thanh Hoá	141	CĐ nghề Nghi Sơn
28	Thanh Hoá	142	THCS-THPT Nghi Sơn
28	Thanh Hoá	143	THPT Yên Định 1
28	Thanh Hoá	144	THPT Yên Định 2
28	Thanh Hoá	145	THPT Yên Định 3
28	Thanh Hoá	146	THCS-THPT Thống Nhất
28	Thanh Hoá	147	THPT Trần Ân Chiêm
28	Thanh Hoá	148	TTGDNN-GDTX Yên Định

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
29	Nghệ An	800	Học ở nước ngoài 29
29	Nghệ An	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 29
29	Nghệ An	002	THPT Huỳnh Thúc Kháng
29	Nghệ An	003	THPT Hà Huy Tập
29	Nghệ An	004	THPT Lê Viết Thuật

29	Nghệ An	005	THPT Nguyễn Trường Tộ - TP Vinh
29	Nghệ An	006	THPT Chuyên Phan Bội Châu
29	Nghệ An	007	Chuyên Toán ĐH Vinh
29	Nghệ An	008	THPT DTNT Tĩnh
29	Nghệ An	009	THPT VTC
29	Nghệ An	010	THPT Nguyễn Huệ
29	Nghệ An	011	PT Hermann Gmeiner
29	Nghệ An	012	PT năng khiếu TDTT Nghệ An
29	Nghệ An	013	THPT DTNT Số 2
29	Nghệ An	098	THPT Nguyễn Trãi
29	Nghệ An	104	TTGDTX Vinh
29	Nghệ An	131	CĐ Nghề Kỹ thuật - Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc
29	Nghệ An	132	CĐ Nghề Kỹ thuật Việt -Đức
29	Nghệ An	134	TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Số 1
29	Nghệ An	135	TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật - Công nghiệp Vinh
29	Nghệ An	140	TC Nghề số 4 - Bộ Quốc phòng
29	Nghệ An	141	TC Nghề Kinh tế - Công nghiệp - Tiểu Thủ CN Nghệ An
29	Nghệ An	145	TC KT-KT Hồng Lam
29	Nghệ An	153	Trần Đại Nghĩa
29	Nghệ An	014	THPT Cửa Lò
29	Nghệ An	099	THPT Cửa Lò 2
29	Nghệ An	105	TTGDTX Số 2
29	Nghệ An	133	CĐ Nghề Du lịch -Thương mại Nghệ An
29	Nghệ An	016	THPT Quỳnh " Chau
29	Nghệ An	106	TTGDTX Quỳnh Châu
29	Nghệ An	152	Trung tâm GDNN-GDTX Quỳnh Châu
29	Nghệ An	017	THPT Quỳnh Hợp 2
29	Nghệ An	018	THPT Quỳnh Hợp 1
29	Nghệ An	101	THPT Quỳnh Hợp 3
29	Nghệ An	107	TTGDTX Quỳnh Hợp
29	Nghệ An	155	TTGDNN-GdTX Quỳnh Hợp
29	Nghệ An	024	THPT 1/5
29	Nghệ An	026	THPT Cờ Đỏ
29	Nghệ An	108	TTGDTX Nghĩa Đàn
29	Nghệ An	156	TTGDNN-GDTX Nghĩa Đàn
29	Nghệ An	029	THPT Quỳnh Lưu 1
29	Nghệ An	030	THPT Quỳnh Lưu 2
29	Nghệ An	031	THPT Quỳnh Lưu 3
29	Nghệ An	032	THPT Quỳnh Lưu 4
29	Nghệ An	033	THPT Nguyễn Đức Mậu
29	Nghệ An	035	THPT Cù Chính Lan

29	Nghệ An	102	THPT Lý Tự Trọng
29	Nghệ An	109	TTGDTX Quỳnh Lưu
29	Nghệ An	138	TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Nghệ An
29	Nghệ An	037	THPT Kỳ Sơn
29	Nghệ An	110	TTGDTX Kỳ Sơn
29	Nghệ An	157	TTGDNN-GDTX Kỳ Sơn
29	Nghệ An	039	THPT Tương Dương 1
29	Nghệ An	040	THPT Tương Dương 2
29	Nghệ An	111	TTGDTX Tương Dương
29	Nghệ An	158	TTGDNN-GDTX Tương Dương
29	Nghệ An	042	THPT Con Cuông
29	Nghệ An	043	THPT Mường Quạ
29	Nghệ An	112	TTGDTX Con Cuông
29	Nghệ An	142	TC Nghề Dân tộc - Miền núi Nghệ An
29	Nghệ An	044	THPT Tân Kỳ
29	Nghệ An	045	THPT Lê Lợi
29	Nghệ An	047	THPT Tân Kỳ 3
29	Nghệ An	113	TTGDTX Tân Kỳ
29	Nghệ An	159	TTGDNN-GDTX Tân Kỳ
29	Nghệ An	048	THPT Yên Thành 2
29	Nghệ An	049	THPT Phan Thúc Trạc
29	Nghệ An	050	THPT Bắc Yên Thành
29	Nghệ An	051	THPT Lê Doãn Nhã
29	Nghệ An	052	THPT Yên Thành 3
29	Nghệ An	054	THPT Phan Đăng Lưu
29	Nghệ An	100	THPT Trần Đình Phong
29	Nghệ An	114	TTGDTX Yên Thành
29	Nghệ An	127	THPT Nam Yên Thành
29	Nghệ An	137	TC Nghề Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Yên Thành
29	Nghệ An	055	THPT Diễn Châu 2
29	Nghệ An	056	THPT Diễn Châu 3
29	Nghệ An	057	THPT Diễn Châu 4
29	Nghệ An	058	THPT Nguyễn Văn Tố
29	Nghệ An	059	THPT Ngô Trí Hoà
29	Nghệ An	061	THPT Nguyễn Xuân Ôn
29	Nghệ An	062	THPT Diễn Châu 5
29	Nghệ An	103	THPT Quang Trung
29	Nghệ An	115	TTGDTX Diễn Châu
29	Nghệ An	129	THPT Nguyễn Du
29	Nghệ An	154	Trung tâm GDNN-GDTX Diễn Châu
29	Nghệ An	063	THPT Anh Sơn 3
29	Nghệ An	064	THPT Anh Sơn 1
29	Nghệ An	065	THPT Anh Sơn 2
29	Nghệ An	116	TTGDTX Anh Sơn
29	Nghệ An	161	TTGDNN-GDTX Anh Sơn
29	Nghệ An	067	THPT Đô Lương 3
29	Nghệ An	068	THPT Đô Lương 1

29	Nghệ An	069	THPT Đô Lương 2
29	Nghệ An	071	THPT Văn Trảng
29	Nghệ An	072	THPT Duy Tân
29	Nghệ An	117	TTGDTX Đô Lương
29	Nghệ An	128	THPT Đô Lương 4
29	Nghệ An	139	TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Đô Lương
29	Nghệ An	073	THPT Thanh Chương 3
29	Nghệ An	074	THPT Nguyễn Sỹ Sách
29	Nghệ An	075	THPT Đặng Thúc Hứa
29	Nghệ An	076	THPT Nguyễn Cảnh Chân
29	Nghệ An	078	THPT Thanh Chương 1
29	Nghệ An	079	THPT Đặng Thai Mai
29	Nghệ An	118	TTGDTX Thanh Chương
29	Nghệ An	123	THPT Cát Ngán
29	Nghệ An	162	TTGDNN-GDTX Thanh Chương
29	Nghệ An	080	THPT Nghi Lộc 3
29	Nghệ An	081	THPT Nguyễn Duy Trinh
29	Nghệ An	082	THPT Nghi Lộc 2
29	Nghệ An	084	THPT Nguyễn Thúc Tụ
29	Nghệ An	085	THPT Nghi Lộc 4
29	Nghệ An	119	TTGDTX Nghi Lộc
29	Nghệ An	126	THPT Nghi Lộc 5
29	Nghệ An	143	TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Nghi Lộc
29	Nghệ An	087	THPT Nam Đàn 1
29	Nghệ An	088	THPT Nam Đàn 2
29	Nghệ An	089	THPT Kim Liên
29	Nghệ An	090	THPT Sào Nam
29	Nghệ An	120	TTGDTX Nam Đàn
29	Nghệ An	124	THPT Mai Hắc Đế
29	Nghệ An	130	Trường Quân sự Quân khu 4
29	Nghệ An	160	TTGDNN-GDTX Nam Đàn
29	Nghệ An	092	THPT Lê Hồng Phong
29	Nghệ An	093	THPT Phạm Hồng Thái
29	Nghệ An	094	THPT Thái Lão
29	Nghệ An	095	THPT Đinh Bát Tụy
29	Nghệ An	121	TTGDTX Hưng Nguyên
29	Nghệ An	125	THPT Nguyễn Trường Tộ
29	Nghệ An	163	TTGDNN-GDTX Hưng Nguyên
29	Nghệ An	097	THPT Quế Phong
29	Nghệ An	122	TTGDTX Quế Phong
29	Nghệ An	164	TTGDNN-GDTX Quế Phong
29	Nghệ An	020	THPT Sông Hiếu
29	Nghệ An	021	THPT Đông Hiếu
29	Nghệ An	023	THPT Thái Hòa
29	Nghệ An	025	THPT Tây Hiếu
29	Nghệ An	136	TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Miền Tây
29	Nghệ An	144	TTGDTX Thái Hòa

29	Nghệ An	027	THPT Bắc Quỳnh Lưu
29	Nghệ An	034	THPT Hoàng Mai
29	Nghệ An	036	THPT Hoàng Mai 2
29	Nghệ An	150	THPT Bắc Quỳnh Lưu (trước năm 2013)
29	Nghệ An	151	THPT Hoàng Mai (trước năm 2013)

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
30	Hà Tĩnh	800	Học ở nước ngoài 30
30	Hà Tĩnh	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 30
30	Hà Tĩnh	000	Sở GDĐT Hà Tĩnh
30	Hà Tĩnh	009	Trung tâm BDNVSP và GDTX tỉnh Hà Tĩnh
30	Hà Tĩnh	010	THPT Phan Đình Phùng
30	Hà Tĩnh	011	THPT ISCHOOL Hà Tĩnh
30	Hà Tĩnh	040	THPT Chuyên Hà Tĩnh
30	Hà Tĩnh	052	Trung tâm DN-HN và GDTX TP Hà Tĩnh
30	Hà Tĩnh	058	THPT Thành Sen
30	Hà Tĩnh	059	Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh
30	Hà Tĩnh	060	Trung cấp Nghề Hà Tĩnh
30	Hà Tĩnh	061	Cao đẳng Kỹ thuật Việt -Đức Hà Tĩnh
30	Hà Tĩnh	075	Cao đẳng nghề Việt Đức Hà Tĩnh
30	Hà Tĩnh	035	Trung tâm GDNN -GDTX Hồng Lĩnh
30	Hà Tĩnh	036	THPT Hồng Lĩnh
30	Hà Tĩnh	051	THPT Hồng Lam
30	Hà Tĩnh	057	Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh
30	Hà Tĩnh	082	Trung tâm DN-HN và GDTX Hồng Lĩnh
30	Hà Tĩnh	024	Trung tâm GDNN -GDtX Hương Sơn
30	Hà Tĩnh	025	THPT Dân lập Nguyễn Khắc Viện
30	Hà Tĩnh	026	THPT Hương Sơn
30	Hà Tĩnh	027	THPT Lê Hữu Trác
30	Hà Tĩnh	028	THPT Lý Chính Thắng
30	Hà Tĩnh	029	THPT Cao Thắng
30	Hà Tĩnh	085	Trung tâm DN-HN và GDtX Hương Sơn
30	Hà Tĩnh	030	Trung tâm GDNN -GDtX Đức Thọ
30	Hà Tĩnh	031	THPT Lê Hồng Phong

30	Hà Tĩnh	032	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
30	Hà Tĩnh	033	THPT Trần Phú
30	Hà Tĩnh	034	THPT Đức Thọ
30	Hà Tĩnh	084	Trung tâm DN-HN và GDTX Đức Thọ
30	Hà Tĩnh	037	Trung tâm GDNN -GDTX Nghi Xuân
30	Hà Tĩnh	038	THPT Nguyễn Du
30	Hà Tĩnh	039	THPT Nguyễn Công Trứ
30	Hà Tĩnh	050	THPT Nghi Xuân
30	Hà Tĩnh	064	THPT Bán công Nghi Xuân
30	Hà Tĩnh	083	Trung tâm DN-HN và GDTX Nghi Xuân
30	Hà Tĩnh	015	Trung tâm GDNN -GDTX Can Lộc
30	Hà Tĩnh	016	THPT Can Lộc
30	Hà Tĩnh	017	THPT Đồng Lộc
30	Hà Tĩnh	018	THPT Nghèn
30	Hà Tĩnh	042	THPT Dân lập Can Lộc
30	Hà Tĩnh	080	Trung tâm DN-HN và GDTX Can Lộc
30	Hà Tĩnh	020	Trung tâm GDNN -GDTX Hương Khê
30	Hà Tĩnh	021	THPT Hương Khê
30	Hà Tĩnh	022	THPT Hàm Nghi
30	Hà Tĩnh	023	THPT Phúc Trạch
30	Hà Tĩnh	055	THPT Gia Phố
30	Hà Tĩnh	063	THCS và THPT Dân tộc nội trú Hà Tĩnh
30	Hà Tĩnh	086	Trung tâm DN-HN và GDTX Hương Khê
30	Hà Tĩnh	012	Trung tâm GDNN -GDTX Thạch Hà
30	Hà Tĩnh	013	THPT Lý Tự Trọng
30	Hà Tĩnh	014	THPT Nguyễn Trung Thiên
30	Hà Tĩnh	041	THPT Lê Quý Đôn
30	Hà Tĩnh	049	THPT Mai Kinh
30	Hà Tĩnh	079	Trung tâm DN-HN và GDTX Thạch Hà
30	Hà Tĩnh	005	Trung tâm GDNN -GDTX Cẩm Xuyên
30	Hà Tĩnh	006	THPT Cẩm Xuyên
30	Hà Tĩnh	007	THPT Cẩm Bình
30	Hà Tĩnh	008	THPT Hà Huy Tập
30	Hà Tĩnh	043	THPT Phan Đình Giót
30	Hà Tĩnh	053	THPT Nguyễn Đình Liễn
30	Hà Tĩnh	071	THPT Nguyễn Đình Liễn (trước 2015)
30	Hà Tĩnh	078	Trung tâm DN-HN và GDTX Cẩm Xuyên
30	Hà Tĩnh	003	THPT Nguyễn Huệ

30	Hà Tĩnh	004	THPT Kỳ Lâm
30	Hà Tĩnh	044	THPT Nguyễn Thị Bích Châu
30	Hà Tĩnh	046	THPT Vũ Quang
30	Hà Tĩnh	047	Trung tâm GDNN -GDTX Vũ Quang
30	Hà Tĩnh	056	THPT Cù Huy Cận
30	Hà Tĩnh	087	Trung tâm DN-HN và GDTX Vũ Quang
30	Hà Tĩnh	019	THPT Nguyễn Văn Trỗi
30	Hà Tĩnh	045	THPT Mai Thúc Loan
30	Hà Tĩnh	048	THPT Nguyễn Đồng Chi
30	Hà Tĩnh	062	Trung tâm GDNN -GDTX Lộc Hà
30	Hà Tĩnh	081	Trung tâm DN-HN và GDTX Lộc Hà
30	Hà Tĩnh	001	Trung tâm GDNN -GDTX Kỳ Anh
30	Hà Tĩnh	002	THPT Kỳ Anh
30	Hà Tĩnh	054	THPT Lê Quảng Chí
30	Hà Tĩnh	065	Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh (cơ sở 2)
30	Hà Tĩnh	072	THPT Lê Quảng Chí (trước 2015)
30	Hà Tĩnh	073	THPT Kỳ Anh (trước 2015)
30	Hà Tĩnh	074	Trung tâm DN-HN và GDTX Kỳ Anh (trước 2015)
30	Hà Tĩnh	076	Cao đẳng Nghề công nghệ Hà Tĩnh (cơ sở 2-trước 2018)
30	Hà Tĩnh	077	Trung tâm DN-HN và GDTX Kỳ Anh

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
31	Quảng Bình	800	Học ở nước ngoài 31
31	Quảng Bình	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 31
31	Quảng Bình	002	THPT Đào Duy Từ
31	Quảng Bình	003	THPT Đồng Hới
31	Quảng Bình	004	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp
31	Quảng Bình	005	THPT Phan Đình Phùng
31	Quảng Bình	006	Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh
31	Quảng Bình	007	TT GD-DN Đồng Hới
31	Quảng Bình	049	Cao đẳng nghề Quảng Bình
31	Quảng Bình	050	TC nghề số 9
31	Quảng Bình	057	THCS và THPT Chu Văn An
31	Quảng Bình	601	TT GDTX Đồng Hới

31	Quảng Bình	602	TT KTTH HN-DN Đồng Hới
31	Quảng Bình	620	THPT Chuyên Quảng Bình
31	Quảng Bình	621	Cao đẳng Sư phạm Quảng Bình
31	Quảng Bình	009	THPT Tuyên Hoá
31	Quảng Bình	010	THPT Lê Trực
31	Quảng Bình	011	THPT Phan Bội Châu
31	Quảng Bình	012	THCS và THPT Bắc Sơn
31	Quảng Bình	013	TT GD-DN Tuyên Hoá
31	Quảng Bình	603	TT GDTX Tuyên Hóa
31	Quảng Bình	604	TT KTTH HN-DN Tuyên Hóa
31	Quảng Bình	015	THPT Minh Hoá
31	Quảng Bình	016	THCS và THPT Hoá Tiến
31	Quảng Bình	017	TT GD-DN Minh Hoá
31	Quảng Bình	046	THCS và THPT Trung Hoá
31	Quảng Bình	605	TT GDTX Minh Hóa
31	Quảng Bình	606	TT KTTH HN-DN Minh Hóa
31	Quảng Bình	021	THPT Quang Trung
31	Quảng Bình	059	THPT Quang Trung
31	Quảng Bình	607	THPT số 1 Quảng Trạch
31	Quảng Bình	608	THPT số 2 Quảng Trạch
31	Quảng Bình	609	THPT số 4 Quảng Trạch
31	Quảng Bình	610	TT GDTX Quảng Trạch
31	Quảng Bình	611	TT KTTH HN-DN Quảng Trạch
31	Quảng Bình	618	THPT Số 3 Quảng Trạch
31	Quảng Bình	619	THPT Số 5 Quảng Trạch
31	Quảng Bình	025	THPT số 1 Bố Trạch
31	Quảng Bình	026	THPT số 2 Bố Trạch
31	Quảng Bình	027	THPT số 3 Bố Trạch
31	Quảng Bình	028	THPT số 5 Bố Trạch
31	Quảng Bình	029	THCS và THPT Việt Trung
31	Quảng Bình	030	THPT số 4 Bố trạch
31	Quảng Bình	031	TT GD-DN Bố Trạch
31	Quảng Bình	052	THPT Lê Quý Đôn
31	Quảng Bình	053	THPT Hùng Vương
31	Quảng Bình	054	THPT Trần Phú
31	Quảng Bình	055	THPT Nguyễn Trãi
31	Quảng Bình	056	THPT Ngô Quyền
31	Quảng Bình	612	TT GDTX Bố Trạch
31	Quảng Bình	613	TT KTTH HN-DN Bố Trạch
31	Quảng Bình	033	THPT Quảng Ninh
31	Quảng Bình	034	THPT Ninh Châu
31	Quảng Bình	035	TT GD-DN Quảng Ninh
31	Quảng Bình	036	THPT Nguyễn Hữu Cánh
31	Quảng Bình	058	THPT Nguyễn Hữu Cánh
31	Quảng Bình	614	TT GDTX Quảng Ninh
31	Quảng Bình	615	TT KTTH HN-DN Quảng Ninh
31	Quảng Bình	038	THPT Lệ Thủy
31	Quảng Bình	039	THPT Hoàng Hoa Thám

31	Quảng Bình	040	THPT Trần Hưng Đạo
31	Quảng Bình	041	THPT Nguyễn Chí Thanh
31	Quảng Bình	042	TT GD-DN Lê Thủy
31	Quảng Bình	043	THPT KT Lê Thủy
31	Quảng Bình	045	THCS và THPT Dương Văn An
31	Quảng Bình	616	TT GDTX Lê Thủy
31	Quảng Bình	617	TT KTTH HN-DN Lê Thủy
31	Quảng Bình	019	THPT Lương Thế Vinh
31	Quảng Bình	020	THPT Lê Hồng Phong
31	Quảng Bình	022	THPT Nguyễn Bình Khiêm
31	Quảng Bình	023	TT GD-DN Quảng Trạch
31	Quảng Bình	044	THPT Lê Lợi
31	Quảng Bình	051	TT GD-DN Ba Đồn
31	Quảng Bình	060	THPT Lê Lợi

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
32	Quảng Trị	800	Học ở nước ngoài 32
32	Quảng Trị	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 32
32	Quảng Trị	000	Sở GD&ĐT Quảng Trị
32	Quảng Trị	024	THPT chuyên Lê Quý Đôn
32	Quảng Trị	025	THPT Đông Hà
32	Quảng Trị	026	THPT Lê Lợi
32	Quảng Trị	027	THPT Phan Châu Trinh
32	Quảng Trị	028	Trung tâm KTTH-HN tỉnh
32	Quảng Trị	051	Trung tâm GDTX Đông Hà
32	Quảng Trị	063	TC nghề Quảng Trị
32	Quảng Trị	066	TH, TheS và THPT Trung Vương
32	Quảng Trị	071	Trung tâm gDnN-GDTX TP. Đông Hà
32	Quảng Trị	016	THPT Thị xã Quảng Trị
32	Quảng Trị	017	Phổ thông DTNT tỉnh
32	Quảng Trị	018	THPT Nguyễn Huệ
32	Quảng Trị	053	Trung tâm GDTX TX Quảng trị
32	Quảng Trị	057	Trung tâm KTTH-HN TX Quảng trị
32	Quảng Trị	073	Trung tâm GDNN-GDTX TX. Quảng trị
32	Quảng Trị	902	Phòng GD&ĐT TX Quảng Trị
32	Quảng Trị	043	THPT Vĩnh Linh
32	Quảng Trị	044	THPT Cửa Tùng
32	Quảng Trị	045	THPT Nguyễn Công Trứ
32	Quảng Trị	046	THCS&THPT Bến Quan
32	Quảng Trị	056	Trung tâm GDTX Vĩnh Linh
32	Quảng Trị	058	Trung tâm KTTH-HN Vĩnh Linh

32	Quảng Trị	067	THPT Bến Hải
32	Quảng Trị	076	Trung tâm GDNN-GDTX Vĩnh Linh
32	Quảng Trị	903	Phòng GD&ĐT Vĩnh Linh
32	Quảng Trị	039	THPT Cồn Tiên
32	Quảng Trị	040	THPT Gio Linh
32	Quảng Trị	041	THPT Nguyễn Du
32	Quảng Trị	055	Trung tâm GDTX Gio Linh
32	Quảng Trị	075	Trung tâm GDNN-GDTX Gio Linh
32	Quảng Trị	904	Phòng GD&ĐT Gio Linh
32	Quảng Trị	030	THPT Tân Lâm
32	Quảng Trị	031	THPT Cam Lộ
32	Quảng Trị	032	THPT Lê Thế ' Hiếu
32	Quảng Trị	050	Trung tâm GDTX Cam Lộ
32	Quảng Trị	064	THPT Chế Lan Viên
32	Quảng Trị	070	Trung tâm GDNN-GDTX Cam Lộ
32	Quảng Trị	905	Phòng GD&ĐT Cam Lộ
32	Quảng Trị	020	THPT Triệu Phong
32	Quảng Trị	021	THPT Chu Văn An
32	Quảng Trị	022	THPT Vĩnh Định
32	Quảng Trị	054	Trung tâm GDTX Triệu Phong
32	Quảng Trị	062	THPT Nguyễn Hữu Thận
32	Quảng Trị	074	Trung tâm GdNN-GdTx Triệu Phong
32	Quảng Trị	906	Phòng GD&ĐT Triệu Phong
32	Quảng Trị	011	THPT Bùi Dục Tài
32	Quảng Trị	012	THPT Hải Lăng
32	Quảng Trị	013	THPT Trần Thị Tâm
32	Quảng Trị	014	THPT Nguyễn Bình Khiêm
32	Quảng Trị	052	Trung tâm GDTX Hải Lăng
32	Quảng Trị	072	Trung tâm GDNN-GDTX Hải Lăng
32	Quảng Trị	907	Phòng GD&ĐT Hải Lăng
32	Quảng Trị	034	THPT Hướng Hoá
32	Quảng Trị	035	THPT Lao Bảo
32	Quảng Trị	048	Trung tâm GDTX Hướng Hoá
32	Quảng Trị	059	THPT Hướng Phùng
32	Quảng Trị	061	THPT A Túc
32	Quảng Trị	068	Trung tâm GDNN-GDTX Hướng Hoá
32	Quảng Trị	908	Phòng GD&ĐT Hướng Hóa
32	Quảng Trị	037	THPT Đakrông
32	Quảng Trị	049	Trung tâm GDTX Đakrông
32	Quảng Trị	060	THPT Số 2 Đakrông
32	Quảng Trị	069	Trung tâm GDNN-GdTX Đakrông
32	Quảng Trị	909	Phòng GD&ĐT Đakrông
32	Quảng Trị	065	Huyện đảo Cồn Cỏ

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
33	Thừa Thiên -Huế	800	Học ở nước ngoài 33
33	Thừa Thiên -Huế	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 33
33	Thừa Thiên -Huế	000	Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế
33	Thừa Thiên -Huế	001	THPT Chuyên Quốc Học
33	Thừa Thiên -Huế	002	THPT Hai Bà Trưng
33	Thừa Thiên -Huế	003	THPT Nguyễn Huệ
33	Thừa Thiên -Huế	004	THPT Gia Hội
33	Thừa Thiên -Huế	005	THPT Bùi Thị Xuân
33	Thừa Thiên -Huế	007	THPT Nguyễn Trường Tộ
33	Thừa Thiên -Huế	009	TT GDTX TP Huế
33	Thừa Thiên -Huế	010	Khối chuyên ĐHKH Huế
33	Thừa Thiên -Huế	025	Phổ thông Dân tộc Nội trú Tỉnh
33	Thừa Thiên -Huế	028	Phòng GDCN Sở GD-ĐT TT-Huế
33	Thừa Thiên -Huế	029	THPT Đặng Trần Côn
33	Thừa Thiên -Huế	032	TC Phật Học Huế
33	Thừa Thiên -Huế	033	Học viện Âm nhạc Huế
33	Thừa Thiên -Huế	034	CĐ Công nghiệp Huế
33	Thừa Thiên -Huế	036	THPT Chi Lăng
33	Thừa Thiên -Huế	038	THPT DL Trần Hưng Đạo
33	Thừa Thiên -Huế	042	THPT Cao Thắng
33	Thừa Thiên -Huế	048	TH VHNT Thừa Thiên Huế
33	Thừa Thiên -Huế	052	CĐ Nghề Du lịch Huế
33	Thừa Thiên -Huế	054	TC Nghề số 10
33	Thừa Thiên -Huế	056	CĐ Nghề số 23 Bộ Quốc phòng
33	Thừa Thiên -Huế	058	TC Nghề Huế
33	Thừa Thiên -Huế	064	TTGDNN-GDTX TP Huế
33	Thừa Thiên -Huế	073	THPT Thuận Hóa
33	Thừa Thiên -Huế	011	THPT Phong Điền
33	Thừa Thiên -Huế	012	THPT Tam Giang
33	Thừa Thiên -Huế	013	THPT Nguyễn Đình Chiểu
33	Thừa Thiên -Huế	037	THPT Trần Văn Ký
33	Thừa Thiên -Huế	053	CĐ Nghề Nguyễn Tri Phương
33	Thừa Thiên -Huế	059	TTGDTX Phong Điền
33	Thừa Thiên -Huế	065	TTGDNN-GdTX Phong Điền
33	Thừa Thiên -Huế	008	THPT Hóa Châu
33	Thừa Thiên -Huế	014	THPT Nguyễn Chí Thanh
33	Thừa Thiên -Huế	044	THPT Tô Hữu
33	Thừa Thiên -Huế	049	TTGDTX Quảng Điền
33	Thừa Thiên -Huế	057	TC Nghề Quảng Điền

33	Thừa Thiên -Huế	066	TTGDNN-GDTX Quảng Điền
33	Thừa Thiên -Huế	015	THPT Đặng Huy Trứ
33	Thừa Thiên -Huế	027	THPT Hương Vinh
33	Thừa Thiên -Huế	030	THPT Bình Điền
33	Thừa Thiên -Huế	041	THPT Hương Trà
33	Thừa Thiên -Huế	060	TTGDTX Hương Trà
33	Thừa Thiên -Huế	067	TTGDNN-GDtX Hương Trà
33	Thừa Thiên -Huế	079	THPT Bình Điền
33	Thừa Thiên -Huế	006	Phổ thông Huế Star
33	Thừa Thiên -Huế	016	THPT Phan Đăng Lưu
33	Thừa Thiên -Huế	017	THPT Nguyễn Sinh Cung
33	Thừa Thiên -Huế	031	THPT Vinh Xuân
33	Thừa Thiên -Huế	035	THPT Thuận An
33	Thừa Thiên -Huế	047	THPT Hà Trung
33	Thừa Thiên -Huế	050	TTGDTX Phú Vang
33	Thừa Thiên -Huế	068	TTGDNN-GDTX Phú Vang
33	Thừa Thiên -Huế	018	THPT Hương Thủy
33	Thừa Thiên -Huế	019	THPT Phú Bai
33	Thừa Thiên -Huế	046	THPT Nguyễn Trãi
33	Thừa Thiên -Huế	051	TTGDtX Hương Thủy
33	Thừa Thiên -Huế	055	CĐ Nghề Thừa Thiên Huế
33	Thừa Thiên -Huế	069	TTGDNN-GDTX Hương Thủy
33	Thừa Thiên -Huế	020	THPT An Lương Đông
33	Thừa Thiên -Huế	021	THPT Vinh Lộc
33	Thừa Thiên -Huế	022	THPT Phú Lộc
33	Thừa Thiên -Huế	026	THPT Thừa Lưu
33	Thừa Thiên -Huế	045	THPT Tư thực Thế Hệ Mới
33	Thừa Thiên -Huế	061	TTGDTX Phú Lộc
33	Thừa Thiên -Huế	070	TTGDNN-GDTX Phú Lộc
33	Thừa Thiên -Huế	074	THPT Vinh Lộc
33	Thừa Thiên -Huế	023	THPT Nam Đông
33	Thừa Thiên -Huế	043	THPT Hương Giang
33	Thừa Thiên -Huế	062	TTGDTX Nam Đông
33	Thừa Thiên -Huế	071	TTGDNN-GDTX Nam Đông
33	Thừa Thiên -Huế	075	THPT Nam Đông
33	Thừa Thiên -Huế	076	THPT Hương Giang
33	Thừa Thiên -Huế	024	THPT A Lưới
33	Thừa Thiên -Huế	039	THPT Hương Lâm
33	Thừa Thiên -Huế	040	THCS-THPT Hồng Vân
33	Thừa Thiên -Huế	063	TTGDTX A Lưới
33	Thừa Thiên -Huế	072	TTGDNN-GDTX A Lưới
33	Thừa Thiên -Huế	077	THPT A Lưới
33	Thừa Thiên -Huế	078	THPT Hương Lâm

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
------------	-------------	-----------	------------

34	Quảng Nam	800	Học ở nước ngoài 34
34	Quảng Nam	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 34
34	Quảng Nam	001	THPT Duy Tân
34	Quảng Nam	002	THPT Phan Bội Châu
34	Quảng Nam	003	THPT Trần Cao Vân
34	Quảng Nam	004	THPT Lê Quý Đôn
34	Quảng Nam	005	THPT Tư thực Hà Huy Tập
34	Quảng Nam	006	TT. GDTX tỉnh Quảng Nam
34	Quảng Nam	007	THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm
34	Quảng Nam	070	CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Nam
34	Quảng Nam	075	Trường TC Bách khoa Q. Nam
34	Quảng Nam	076	Trường TC VHNT&DL Q. Nam
34	Quảng Nam	077	Đại học Quảng Nam
34	Quảng Nam	078	Trường CĐ Phương Đông Quảng Nam
34	Quảng Nam	079	Trường CĐ Nghề Quảng Nam
34	Quảng Nam	086	Trường CĐ Y tế Quảng Nam
34	Quảng Nam	008	TT. GDTX-HN&DN Hội An
34	Quảng Nam	009	THPT Trần Quý Cáp
34	Quảng Nam	010	THPT Chuyên Lê Thánh Tông
34	Quảng Nam	011	PTDT Nội trú tỉnh Quảng Nam
34	Quảng Nam	012	THPT Nguyễn Trãi
34	Quảng Nam	065	THPT Trần Hưng Đạo
34	Quảng Nam	074	TT. GDNN-GDTX Hội An
34	Quảng Nam	083	Trường CĐ Điện lực miền Trung
34	Quảng Nam	084	Trường CĐ CN-KT&TL miền Trung
34	Quảng Nam	013	THPT Sào Nam
34	Quảng Nam	014	THPT Lê Hồng Phong
34	Quảng Nam	015	TT. GDTX-hN Duy Xuyên
34	Quảng Nam	016	THPT Nguyễn Hiền
34	Quảng Nam	073	TT. GdNn-GDTX Duy Xuyên
34	Quảng Nam	017	THPT Nguyễn Duy Hiệu
34	Quảng Nam	018	THPT Hoàng Diệu
34	Quảng Nam	019	THPT Phạm Phú Thứ
34	Quảng Nam	020	THPT Lương Thế Vinh
34	Quảng Nam	021	THPT Nguyễn Khuyến
34	Quảng Nam	022	TT. GDTX-HN Điện Bàn
34	Quảng Nam	066	Trường PT nhiều cấp học Hoàng Sa
34	Quảng Nam	067	Trường PT nhiều cấp học Quảng Đông

34	Quảng Nam	071	Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Đông
34	Quảng Nam	081	Trường TC Nghề Bắc Quảng Nam
34	Quảng Nam	087	Trường CD Công kỹ nghệ Đông Á
34	Quảng Nam	088	Trung cấp Quảng Đông
34	Quảng Nam	089	Trường PT nhiều cấp học Hoàng Sa
34	Quảng Nam	090	Trường PT nhiều cấp học Quảng Đông
34	Quảng Nam	091	THPT Nguyễn Duy Hiệu
34	Quảng Nam	092	THPT Hoàng Diệu
34	Quảng Nam	093	THPT Phạm Phú Thứ
34	Quảng Nam	094	THPT Lương Thế Vinh
34	Quảng Nam	095	THPT Nguyễn Khuyến
34	Quảng Nam	096	TT. GDTX-HN Điện Bàn
34	Quảng Nam	023	THPT Huỳnh Ngọc Huệ
34	Quảng Nam	024	THPT Chu Văn An
34	Quảng Nam	025	THPT Đỗ Đăng Tuyển
34	Quảng Nam	026	THPT Lương Thúc Kỳ
34	Quảng Nam	027	TT. GDTX-HN&DN Đại Lộc
34	Quảng Nam	029	THPT Quế Sơn
34	Quảng Nam	030	THPT Nguyễn Văn Cừ
34	Quảng Nam	032	THPT Trần Đại Nghĩa
34	Quảng Nam	033	TT. GDTX-HN&DN Quế Sơn
34	Quảng Nam	034	THPT TT Phạm Văn Đồng
34	Quảng Nam	035	THPT Hiệp Đức
34	Quảng Nam	036	TT. GDTX-HN&DN Hiệp Đức
34	Quảng Nam	063	ThPt Trần Phú
34	Quảng Nam	028	THPT Hùng Vương
34	Quảng Nam	037	THPT Tiêu La
34	Quảng Nam	038	THPT Nguyễn Thái Bình
34	Quảng Nam	039	THPT Thái Phiên
34	Quảng Nam	040	THPT Lý Tự Trọng
34	Quảng Nam	041	TT. GdTx-HN&DN Thăng Bình
34	Quảng Nam	042	THPT Núi Thành
34	Quảng Nam	043	THPT Cao Bá Quát (trước 2018)
34	Quảng Nam	044	THPT Nguyễn Huệ
34	Quảng Nam	045	TT. GdTx-HN Núi Thành
34	Quảng Nam	080	Trường TC Nghề Nam Quảng Nam
34	Quảng Nam	085	Trường CD nghề Chu Lai- Trường Hải
34	Quảng Nam	097	THPT Cao Bá Quát (từ 2018)
34	Quảng Nam	046	THPT Huỳnh Thúc Kháng
34	Quảng Nam	047	THPT Phan Châu Trinh
34	Quảng Nam	048	TT. GDTX-HN&DN Tiên Phước

34	Quảng Nam	049	THPT Bắc Trà My
34	Quảng Nam	050	TT. GDTX-HN Bắc Trà My
34	Quảng Nam	062	PTDT Nội trú Nước Oa
34	Quảng Nam	051	THPT Quang Trung
34	Quảng Nam	064	THPT Âu Cơ
34	Quảng Nam	052	THPT Nam Giang
34	Quảng Nam	060	TT.GDTX Nam Giang
34	Quảng Nam	068	THPT Nguyễn Văn Trỗi
34	Quảng Nam	082	Trường TC Nghề TNDT&MN Quảng Nam
34	Quảng Nam	053	THPT Khâm Đức
34	Quảng Nam	059	TT GDTX-HN&DN Phước Sơn
34	Quảng Nam	069	Phổ thông Dân tộc Nội trú Phước Sơn
34	Quảng Nam	056	THPT Nam Trà My
34	Quảng Nam	058	TT.GDTX-HN Nam Trà My
34	Quảng Nam	072	Phổ thông Dân tộc nội trú Nam Trà My
34	Quảng Nam	057	THPT Tây Giang
34	Quảng Nam	054	THPT Trần Văn Dư
34	Quảng Nam	055	TT GDTX-HN&DN Phú Ninh
34	Quảng Nam	061	THPT Nguyễn Dục
34	Quảng Nam	031	THPT NÔNG Sơn

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
35	Quảng Ngãi	800	Học ở nước ngoài 35
35	Quảng Ngãi	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 35
35	Quảng Ngãi	001	Trường THPT Trần Kỳ Phong
35	Quảng Ngãi	002	Trường THPT Lê Quý Đôn
35	Quảng Ngãi	003	Trường THPT Bình Sơn
35	Quảng Ngãi	004	Trường THPT Vạn Tường
35	Quảng Ngãi	005	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Sơn
35	Quảng Ngãi	060	Trường CDN Kỹ thuật -Công nghệ Dung Quất (Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất)
35	Quảng Ngãi	006	Trường THPT Ba Gia
35	Quảng Ngãi	007	Trường THPT Tư thực Trương Định
35	Quảng Ngãi	054	Trường THPT Võ Nguyên Giáp (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)

35	Quảng Ngãi	055	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)
35	Quảng Ngãi	056	Trường THPT Sơn Mỹ (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)
35	Quảng Ngãi	057	Trung tâm DN-GDTX&HN huyện Sơn Tịnh (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)
35	Quảng Ngãi	065	Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Ngãi (TN từ năm 2015 trở về trước)
35	Quảng Ngãi	008	Trường THPT Võ Nguyên Giáp
35	Quảng Ngãi	009	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng
35	Quảng Ngãi	010	Trường THPT Sơn Mỹ
35	Quảng Ngãi	011	Trường THPT Trần Quốc Tuấn
35	Quảng Ngãi	012	Trường THPT Lê Trung Đình
35	Quảng Ngãi	013	Trường THPT chuyên Lê Khiết
35	Quảng Ngãi	014	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Quảng Ngãi
35	Quảng Ngãi	015	Trường THPT Tư thực Nguyễn Bình Khiêm
35	Quảng Ngãi	016	Trường THPT Tư thực Hoàng Văn Thụ
35	Quảng Ngãi	017	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Tịnh
35	Quảng Ngãi	018	Trung tâm DN-GDTX&HN tỉnh Quảng Ngãi
35	Quảng Ngãi	061	Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Ngãi (Trung cấp Kỹ thuật Quảng Ngãi)
35	Quảng Ngãi	062	Trường TCN Kinh tế - Công nghệ Dung Quất (Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Dung Quất)
35	Quảng Ngãi	066	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi
35	Quảng Ngãi	019	Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa
35	Quảng Ngãi	020	Trường THPT Chu Văn An
35	Quảng Ngãi	021	Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa
35	Quảng Ngãi	022	Trường THPT Thu Xà
35	Quảng Ngãi	023	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tư Nghĩa
35	Quảng Ngãi	063	Trường Cao đẳng nghề Cơ giới (Cao đẳng Cơ giới)

35	Quảng Ngãi	024	Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành
35	Quảng Ngãi	025	Trường THPT Nguyễn Công Phương
35	Quảng Ngãi	026	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành
35	Quảng Ngãi	027	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nghĩa Hành
35	Quảng Ngãi	028	Trường THPT Số 2 Mộ Đức
35	Quảng Ngãi	029	Trường THPT Phạm Văn Đồng
35	Quảng Ngãi	030	Trường THPT Nguyễn Công Trứ
35	Quảng Ngãi	031	Trường THPT Trần Quang Diệu
35	Quảng Ngãi	032	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mộ Đức
35	Quảng Ngãi	033	Trường THPT Số 1 Đức Phổ
35	Quảng Ngãi	034	Trường THPT Lương Thế Vinh
35	Quảng Ngãi	035	Trường THPT Số 2 Đức Phổ
35	Quảng Ngãi	036	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đức Phổ
35	Quảng Ngãi	058	Trường THPT số 2 Đức Phổ (Trước 25/01/2017)
35	Quảng Ngãi	064	Trường Trung cấp nghề Đức Phổ
35	Quảng Ngãi	037	Trường THPT Ba Tơ
35	Quảng Ngãi	038	Trường THPT Phạm Kiệt
35	Quảng Ngãi	039	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ba Tơ
35	Quảng Ngãi	040	Trường THPT Minh Long
35	Quảng Ngãi	041	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Minh Long
35	Quảng Ngãi	042	Trường THPT Quang Trung
35	Quảng Ngãi	043	Trường THPT Sơn Hà
35	Quảng Ngãi	044	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt
35	Quảng Ngãi	045	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Hà
35	Quảng Ngãi	046	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng
35	Quảng Ngãi	047	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Tây
35	Quảng Ngãi	048	Trường THPT Trà Bồng
35	Quảng Ngãi	049	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Trà Bồng
35	Quảng Ngãi	050	Trường THPT Tây Trà
35	Quảng Ngãi	051	Trung tâm GDnN-GDTX huyện Tây Trà
35	Quảng Ngãi	052	Trường THPT Lý Sơn

35	Quảng Ngãi	053	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lý Sơn
----	------------	-----	-------------------------------------

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
36	Kon Tum	800	Học ở nước ngoài 36
36	Kon Tum	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 36
36	Kon Tum	001	THPT Kon Tum
36	Kon Tum	002	PT DTNT tỉnh Kon Tum
36	Kon Tum	003	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
36	Kon Tum	013	Phòng GD&ĐT Tp Kon Tum
36	Kon Tum	015	CĐ Sư phạm Kon Tum
36	Kon Tum	016	CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum
36	Kon Tum	018	TT GDTX Tỉnh
36	Kon Tum	019	Trung học Y tế Kon Tum
36	Kon Tum	020	THPT Duy Tân
36	Kon Tum	025	THPT Lê Lợi
36	Kon Tum	036	THPT Ngô Mây
36	Kon Tum	038	Trường TC Nghề Kon Tum
36	Kon Tum	041	THPT Trường Chinh
36	Kon Tum	046	THPT Phan Bội Châu
36	Kon Tum	008	Phòng GD&ĐT huyện Đăk Glei
36	Kon Tum	022	PT DTNT Đăk Glei
36	Kon Tum	033	THPT Lương Thế Vinh
36	Kon Tum	037	TT GDTX Đăk Glei
36	Kon Tum	048	Phân hiệu THPT Lương Thế Vinh
36	Kon Tum	053	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Glei
36	Kon Tum	902	Phòng GD&ĐT huyện Đăk Glei
36	Kon Tum	009	Phòng GD&ĐT huyện Ngọc Hồi
36	Kon Tum	021	PT DTNT Ngọc Hồi
36	Kon Tum	027	THPT Nguyễn Trãi
36	Kon Tum	042	TT GDTX Ngọc Hồi
36	Kon Tum	047	THPT Phan Chu Trinh
36	Kon Tum	052	Trung tâm GDNN-GDTX Ngọc Hồi
36	Kon Tum	903	Phòng GD&ĐT huyện Ngọc Hồi
36	Kon Tum	007	PT DTNT Đăk Tô
36	Kon Tum	010	Phòng GD&ĐT huyện Đăk Tô

36	Kon Tum	026	THPT Nguyễn Văn Cừ
36	Kon Tum	045	TT GDTX Đắk Tô
36	Kon Tum	051	Trung tâm GDNN-GDTX Đắk Tô
36	Kon Tum	904	Phòng GD&ĐT huyện Đắk Tô
36	Kon Tum	005	PT DTNT Sa Thầy
36	Kon Tum	012	Phòng GD&ĐT huyện Sa Thầy
36	Kon Tum	034	THPT Quang Trung
36	Kon Tum	043	TT GDTX Sa Thầy
36	Kon Tum	054	Trung tâm GDNN-GDTX Sa Thầy
36	Kon Tum	905	Phòng GD&ĐT huyện Sa Thầy
36	Kon Tum	014	Phòng GD&ĐT huyện Kon Plong
36	Kon Tum	017	PT DTNT Kon Plong
36	Kon Tum	049	Phân hiệu PT DTNT Kon Plong
36	Kon Tum	056	Trung tâm GDNN-GDTX Kon Plong
36	Kon Tum	906	Phòng GD&ĐT huyện Kon Plong
36	Kon Tum	006	PT DTNT Đắk Hà
36	Kon Tum	011	Phòng GD&ĐT huyện Đắk Hà
36	Kon Tum	028	TT GDTX Đắk Hà
36	Kon Tum	030	THPT Trần Quốc Tuấn
36	Kon Tum	032	THPT Nguyễn Du
36	Kon Tum	050	Trung tâm GDNN-GDTX Đắk Hà
36	Kon Tum	907	Phòng GD&ĐT huyện Đắk Hà
36	Kon Tum	023	Phòng GD&ĐT huyện Kon Rẫy
36	Kon Tum	024	PT DTNT Kon Rẫy
36	Kon Tum	035	THPT Chu Văn An
36	Kon Tum	044	TT GDTX Kon Rẫy
36	Kon Tum	055	Trung tâm GDNN-GDTX Kon Rẫy
36	Kon Tum	908	Phòng GD&ĐT huyện Kon Rẫy
36	Kon Tum	029	Phòng GD&ĐT huyện Tu Mơ Rông
36	Kon Tum	031	PT DTNT Tu Mơ Rông
36	Kon Tum	057	Trung tâm GDNN-GDTX Tu Mơ Rông
36	Kon Tum	909	Phòng GD&ĐT huyện Tu Mơ Rông

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
37	Bình Định	800	Học ở nước ngoài 37
37	Bình Định	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 37
37	Bình Định	000	Sở GD & ĐT Bình Định
37	Bình Định	001	Quốc Học Quy Nhơn
37	Bình Định	002	THPT Trung Vương
37	Bình Định	003	THPT chuyên Lê Quý Đôn
37	Bình Định	004	THPT Hùng Vương
37	Bình Định	005	PT DTNT Tỉnh Bình Định
37	Bình Định	006	THPT Trần Cao Vân
37	Bình Định	007	THPT Nguyễn Thái Học
37	Bình Định	008	TH, THCS&THPT Ischool Quy Nhơn
37	Bình Định	009	THPT Quy Nhơn
37	Bình Định	052	Trung tâm GDTX Tỉnh Bình Định
37	Bình Định	056	CĐ nghề Quy Nhơn
37	Bình Định	057	CĐ nghề cơ điện xây dựng và Nông lâm Trung bộ
37	Bình Định	045	THPT An Lão
37	Bình Định	046	THPT Số 2 An Lão
37	Bình Định	063	TT GDTX-HN An Lão
37	Bình Định	064	PT DTNT An Lão
37	Bình Định	067	PT DTNT THCS&THPT An Lão
37	Bình Định	076	TT GDNN-GDTX An Lão
37	Bình Định	042	THPT Hoài Ân
37	Bình Định	043	THPT Vô Giử
37	Bình Định	044	THPT Nguyễn Bình Khiêm
37	Bình Định	047	THPT Trần Quang Diệu
37	Bình Định	059	TT GDTX-HN Hoài Ân
37	Bình Định	072	TT GDNN-GDTX Hoài Ân
37	Bình Định	036	THPT Tăng Bạt Hổ
37	Bình Định	037	THPT Nguyễn Trân
37	Bình Định	038	THPT Nguyễn Du
37	Bình Định	039	THPT Lý Tự Trọng
37	Bình Định	040	THPT Phan ' Bội Châu
37	Bình Định	041	THPT Tam Quan
37	Bình Định	058	TT GDTX-HN Hoài Nhơn
37	Bình Định	071	TT GDNN-GDTX Hoài Nhơn
37	Bình Định	079	THPT Nguyễn Du (từ 2018)
37	Bình Định	031	THPT Số 1 Phù Mỹ
37	Bình Định	032	THPT Số 2 Phù Mỹ
37	Bình Định	033	THPT An Lương
37	Bình Định	034	THPT Nguyễn Trung Trực
37	Bình Định	035	THPT Bình Dương
37	Bình Định	051	THPT Mỹ Tho
37	Bình Định	062	TT GDTX-HN Phù Mỹ

37	Bình Định	075	TT GDNN-GDTX Phù Mỹ
37	Bình Định	026	THPT Số 1 Phù Cát
37	Bình Định	027	THPT Số 2 Phù Cát
37	Bình Định	028	THPT Số 3 Phù Cát
37	Bình Định	029	THPT Ngô Mây
37	Bình Định	030	THPT Nguyễn Hữu Quang
37	Bình Định	050	THPT Nguyễn Hồng Đạo
37	Bình Định	055	TT GDTX-HN Phù Cát
37	Bình Định	070	TT GDNN-GDTX Phù Cát
37	Bình Định	078	THPT Ngô Lê Tân
37	Bình Định	025	THPT Vĩnh Thạnh
37	Bình Định	048	PT DTNT Vĩnh Thạnh
37	Bình Định	066	TT GDTX-HN Vĩnh Thạnh
37	Bình Định	077	TT GDNN-GDTX Vĩnh Thạnh
37	Bình Định	021	THPT Quang Trung
37	Bình Định	022	THPT Tây Sơn
37	Bình Định	023	THPT Võ" Lai
37	Bình Định	024	THPT Nguyễn Huệ
37	Bình Định	060	TT GDTX-HN Tây Sơn
37	Bình Định	073	TT GDNN-GDTX Tây Sơn
37	Bình Định	014	PT DTNT Vân Canh
37	Bình Định	049	THPT Vân Canh
37	Bình Định	061	TT GDTX-HN Vân Canh
37	Bình Định	074	TT GDNN-GDTX Vân Canh
37	Bình Định	015	THPT Số 1 An Nhơn
37	Bình Định	016	THPT Số 2 An Nhơn
37	Bình Định	017	THPT Số 3 An Nhơn
37	Bình Định	018	THPT Hòa Bình
37	Bình Định	019	THPT Nguyễn Đình Chiểu
37	Bình Định	020	THPT Nguyễn Trường Tộ
37	Bình Định	054	TT GDTX-HN An Nhơn
37	Bình Định	069	TT GDNN-GDTX An Nhơn
37	Bình Định	010	THPT Số 1 Tuy phước
37	Bình Định	011	THPT Số 2 Tuy phước
37	Bình Định	012	THPT Nguyễn Diêu
37	Bình Định	013	THPT Xuân Diêu
37	Bình Định	053	TT GDTX-HN Tuy Phước
37	Bình Định	065	THPT Số 3 Tuy Phước
37	Bình Định	068	TT GDNN-GDTX Tuy Phước

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
38	Gia Lai	800	Học ở nước ngoài 38
38	Gia Lai	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 38
38	Gia Lai	001	Trường THPT Pleiku
38	Gia Lai	002	Trường THPT Phan Bội Châu

38	Gia Lai	003	Trường PT Dân tộc Nội trú tỉnh
38	Gia Lai	004	Trường THPT Lê Lợi
38	Gia Lai	005	Trường THPT Chuyên Hùng Vương
38	Gia Lai	006	Trường THPT Hoàng Hoa Thám
38	Gia Lai	023	TT GDTX tỉnh
38	Gia Lai	025	Trường Cao đẳng nghề Gia Lai
38	Gia Lai	026	TT Kỹ thuật - Tổng hợp - Hướng nghiệp
38	Gia Lai	034	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh
38	Gia Lai	042	Trường Quốc tế Châu Á Thái Bình Dương - Gia Lai
38	Gia Lai	060	Trường TC nghề số 15
38	Gia Lai	061	Trường TC nghề số 21
38	Gia Lai	062	Trường CĐ nghề số 05 Chi nhánh Gia Lai
38	Gia Lai	069	Trường TC Y tế Gia Lai
38	Gia Lai	070	Trường TC VH-NT Gia Lai
38	Gia Lai	071	Trường Thiếu sinh quân-Quân khu V
38	Gia Lai	072	Trường TH, THCS, THPT Nguyễn văn Linh
38	Gia Lai	073	Trường Bồ túc văn hóa Gia Lai Kon Tum
38	Gia Lai	076	Trường Trung học lâm nghiệp Tây Nguyên
38	Gia Lai	094	Trường CDSP Gia Lai
38	Gia Lai	007	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi
38	Gia Lai	008	Trường THPT Ya Ly
38	Gia Lai	043	Trường THPT Phạm Hồng Thái
38	Gia Lai	047	TT GdTX Chư Păh
38	Gia Lai	080	TT GDNN-GDTX Chư Păh
38	Gia Lai	009	Trường THPT Trần Hưng Đạo
38	Gia Lai	041	Trường THCS&THPT Kpă Klong
38	Gia Lai	067	TT DN&GdTX Mang Yang
38	Gia Lai	092	TT GdNN-GDTX Mang Yang
38	Gia Lai	010	Trường THPT Lương Thế Vinh
38	Gia Lai	040	Trường THPT Anh hùng Núp
38	Gia Lai	048	TT DN&GDTX KBang
38	Gia Lai	079	TT GDNN-GDTX KBang
38	Gia Lai	011	Trường THPT Quang Trung

38	Gia Lai	012	Trường THPT Nguyễn Khuyến
38	Gia Lai	028	TT GdTX An Khê
38	Gia Lai	031	Trường THPT Nguyễn Trãi
38	Gia Lai	058	Trường TC nghề An Khê
38	Gia Lai	074	Trường THPT Dân Tộc Nội Trú Đông Gia Lai
38	Gia Lai	093	TT GDNN-GDtX An Khê
38	Gia Lai	013	Trường THPT Hà Huy Tập
38	Gia Lai	049	TT GDTX Kông Chro
38	Gia Lai	089	TT GDNN-GdTx Kông Chro
38	Gia Lai	014	Trường THPT Lê Hoàn
38	Gia Lai	038	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ
38	Gia Lai	050	TT GDTX Đức Cơ
38	Gia Lai	063	Trường THPT Tôn Đức Thắng
38	Gia Lai	078	TT GDNN-GDTX Đức Cơ
38	Gia Lai	015	Trường THPT Lê Quý Đôn
38	Gia Lai	030	Trường THPT Trần Phú
38	Gia Lai	051	TT DN&GDTX Chư Prông
38	Gia Lai	065	Trường THPT Pleime
38	Gia Lai	084	TT GDNN-GDTX Chư Prông
38	Gia Lai	016	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm
38	Gia Lai	024	TT GDTX Chư Sê
38	Gia Lai	039	Trường THPT Trường Chinh
38	Gia Lai	044	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ
38	Gia Lai	077	Trường THPT Trần Cao Vân
38	Gia Lai	085	TT GDNN-GDTX Chư Sê
38	Gia Lai	017	Trường THPT Lê Thánh Tông
38	Gia Lai	027	TT GDTX Ayun Pa
38	Gia Lai	037	Trường THPT Lý Thường Kiệt
38	Gia Lai	059	Trường TC nghề Ayun Pa
38	Gia Lai	081	TT GDNN-GDTX Ayun Pa
38	Gia Lai	019	Trường THPT Chu Văn An
38	Gia Lai	029	Trường THPT Nguyễn Du
38	Gia Lai	046	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng
38	Gia Lai	052	TT gDtX Krông Pa
38	Gia Lai	088	TT GDNN-GDTX Krông Pa
38	Gia Lai	020	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng
38	Gia Lai	021	Trường THPT Phạm Văn Đồng
38	Gia Lai	068	TT DN&GDTX Ia Grai
38	Gia Lai	075	Trường THPT A Sanh
38	Gia Lai	091	TT GDNN-GDTX Ia Grai
38	Gia Lai	022	Trường THPT Nguyễn Huệ

38	Gia Lai	035	Trường THPT Lê Hồng Phong
38	Gia Lai	053	TT GDTX Đak Đoa
38	Gia Lai	064	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai
38	Gia Lai	082	TT GDNN-GDTX Đak Đoa
38	Gia Lai	033	Trường THPT Nguyễn Tất Thành
38	Gia Lai	036	Trường THPT Phan Chu Trinh
38	Gia Lai	056	TT GDTX-HN Ia Pa
38	Gia Lai	083	TT GDNN-GDTX Ia Pa
38	Gia Lai	045	Trường THPT Y Đôn
38	Gia Lai	054	TT GDTX Đak Pơ
38	Gia Lai	090	TT GDNN-GDTX Đak Pơ
38	Gia Lai	018	Trường THPT Trần Quốc Tuấn
38	Gia Lai	055	TT GDTX Phú Thiện
38	Gia Lai	057	Trường THPT Võ Văn Kiệt
38	Gia Lai	087	TT GDNN-GDTX Phú Thiện
38	Gia Lai	032	Trường THPT Nguyễn Thái Học
38	Gia Lai	066	TT GDTX-HN Chư Pưh
38	Gia Lai	086	TT GDNN-GDTX Chư Pưh

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
39	Phú Yên	800	Học ở nước ngoài 39
39	Phú Yên	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 39
39	Phú Yên	001	THPT Nguyễn Huệ
39	Phú Yên	003	PT Dân tộc nội trú tỉnh
39	Phú Yên	004	Phổ thông Duy Tân
39	Phú Yên	005	THPT Chuyên Lương Văn Chánh
39	Phú Yên	007	THPT Ngô Gia Tự
39	Phú Yên	017	THPT Nguyễn Trãi
39	Phú Yên	018	THPT Nguyễn Trường Tộ
39	Phú Yên	019	THPT tư thực Nguyễn Bình Khiêm
39	Phú Yên	022	Trung tâm GDTX tỉnh
39	Phú Yên	031	Trung tâm KTTH-HN tỉnh
39	Phú Yên	032	Cao đẳng nghề Phú Yên
39	Phú Yên	036	Đại học Xây dựng Miền Trung
39	Phú Yên	043	Cao đẳng Công thương Miền Trung

39	Phú Yên	014	THPT Lê Lợi
39	Phú Yên	027	THPT Nguyễn Thái Bình
39	Phú Yên	028	Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H. Đồng Xuân
39	Phú Yên	042	THCS và THPT Chu Văn An
39	Phú Yên	048	THPT Lê Lợi
39	Phú Yên	012	THPT Phan Đình Phùng
39	Phú Yên	013	THPT Phan Chu Trinh
39	Phú Yên	035	THCS và THPT Nguyễn Khuyến
39	Phú Yên	039	Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX Tx.Sông Cầu
39	Phú Yên	046	THCS và THPT Võ Nguyên Giáp
39	Phú Yên	050	THCS và THPT Võ Nguyên Giáp
39	Phú Yên	054	THPT Phan Chu Trinh
39	Phú Yên	010	THPT Lê Thành Phương
39	Phú Yên	011	THPT Trần Phú
39	Phú Yên	025	THCS và THPT Võ Thị Sáu
39	Phú Yên	034	Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H. Tuy An
39	Phú Yên	041	THCS và THPT Nguyễn Viết Xuân
39	Phú Yên	051	THPT Lê Thành Phương
39	Phú Yên	015	THPT Phan Bội Châu
39	Phú Yên	026	Trường Trung cấp nghề thanh niên dân tộc Phú Yên
39	Phú Yên	040	THCS và THPT Nguyễn Bá Ngọc
39	Phú Yên	049	Trung tâm GDTX-HN H. Sơn Hòa
39	Phú Yên	016	THPT Nguyễn Du
39	Phú Yên	033	Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H.Sông Hinh
39	Phú Yên	038	THPT Tôn Đức Thắng
39	Phú Yên	045	THCS và THPT Võ Văn Kiệt
39	Phú Yên	006	THPT Lê Trung Kiên
39	Phú Yên	020	THPT Nguyễn Công Trứ
39	Phú Yên	023	Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H. Đông Hòa
39	Phú Yên	030	THPT DL Lê Thánh Tôn
39	Phú Yên	037	THPT Nguyễn Văn Linh
39	Phú Yên	052	THPT Nguyễn Văn Linh
39	Phú Yên	002	THPT Trần Quốc Tuấn
39	Phú Yên	024	THPT Trần Bình Trọng
39	Phú Yên	029	THPT Trần Suyên
39	Phú Yên	044	Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H. Phú Hòa
39	Phú Yên	008	THPT Lê Hồng Phong
39	Phú Yên	009	THPT Phạm Văn Đồng

39	Phú Yên	021	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
39	Phú Yên	047	Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H. Tây Hòa
39	Phú Yên	053	Cấp 2-3 Sơn Thành

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
40	Đắk Lắk	800	Học ở nước ngoài 40
40	Đắk Lắk	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 40
40	Đắk Lắk	000	Sở GDĐT Đắk Lắk
40	Đắk Lắk	002	THPT Buôn Ma Thuột
40	Đắk Lắk	003	THPT Chu Văn An
40	Đắk Lắk	005	THPT Trần Phú
40	Đắk Lắk	006	THPT DTNT Nơ Trang Long
40	Đắk Lắk	007	TT GDTX Tỉnh
40	Đắk Lắk	022	THPT Hồng Đức
40	Đắk Lắk	024	THPT Chuyên Nguyễn Du
40	Đắk Lắk	025	THPT Cao Bá Quát
40	Đắk Lắk	040	THPT Lê Quý Đôn
40	Đắk Lắk	045	TT GDNN - GDTX Buôn Ma Thuột
40	Đắk Lắk	047	CĐ Kỹ thuật Đắk Lắk
40	Đắk Lắk	048	CĐ Công nghệ Tây Nguyên
40	Đắk Lắk	049	THPT Phú Xuân
40	Đắk Lắk	055	TC Kinh tế Kỹ thuật Đắk Lắk
40	Đắk Lắk	056	Trường VHNT Đắk Lắk
40	Đắk Lắk	057	Trường Văn Hóa III
40	Đắk Lắk	058	THPT DTNT Tây Nguyên
40	Đắk Lắk	059	THPT Thực hành Cao Nguyên
40	Đắk Lắk	062	THPT Lê Duẩn
40	Đắk Lắk	064	Trường năng khiếu Thể dục Thể thao
40	Đắk Lắk	074	THCS và THPT Đông Du
40	Đắk Lắk	076	Trường TCSP Mầm non Đắk Lắk
40	Đắk Lắk	077	Trường Trung cấp Đam San
40	Đắk Lắk	078	Trường Trung cấp Đắk Lắk
40	Đắk Lắk	079	Trường Trung cấp Tây Nguyên
40	Đắk Lắk	080	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Đắk Lắk
40	Đắk Lắk	081	Trường Trung cấp Trường Sơn
40	Đắk Lắk	082	Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột
40	Đắk Lắk	019	THPT Ea H'leo

40	Đắk Lắk	033	TT GDNN - GDTX Ea H'Leo
40	Đắk Lắk	050	THPT Phan Chu Trinh
40	Đắk Lắk	066	THPT Trường Chinh
40	Đắk Lắk	061	THPT Nguyễn Văn Cừ
40	Đắk Lắk	065	THPT Phan Đăng Lưu
40	Đắk Lắk	014	THPT Phan Bội Châu
40	Đắk Lắk	034	TT GDNN - GDTX Krông Năng
40	Đắk Lắk	052	THPT Lý Tự Trọng
40	Đắk Lắk	060	THPT Nguyễn Huệ
40	Đắk Lắk	075	THPT Tôn Đức Thắng
40	Đắk Lắk	021	THPT Ea Sup
40	Đắk Lắk	054	TT GDNN - GDTX Ea Súp
40	Đắk Lắk	072	THPT Ea Rók
40	Đắk Lắk	011	THPT Cư M'Gar
40	Đắk Lắk	023	THPT Nguyễn Trãi
40	Đắk Lắk	032	TT GDNN - GDTX Cư M'Gar
40	Đắk Lắk	038	THPT Lê Hữu Trác
40	Đắk Lắk	067	THPT Trần Quang Khải
40	Đắk Lắk	004	THPT Quang Trung
40	Đắk Lắk	008	THPT Nguyễn Bình Khiêm
40	Đắk Lắk	009	THPT Lê Hồng Phong
40	Đắk Lắk	026	THPT Phan Đình Phùng
40	Đắk Lắk	029	TT GDNN - GDTX Krông Pắc
40	Đắk Lắk	036	THPT Nguyễn Công Trứ
40	Đắk Lắk	063	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
40	Đắk Lắk	015	THPT Ngô Gia Tự
40	Đắk Lắk	016	THPT Trần Quốc Toản
40	Đắk Lắk	039	THPT Trần Nhân Tông
40	Đắk Lắk	042	TT GDTX Ea Kar
40	Đắk Lắk	068	THPT Nguyễn Thái Bình
40	Đắk Lắk	018	THPT Nguyễn Tất Thành
40	Đắk Lắk	041	TT GDNN - GDTX M'Drăk
40	Đắk Lắk	051	THPT Nguyễn Trường Tộ
40	Đắk Lắk	012	THPT Krông Ana
40	Đắk Lắk	028	TT GDTX Krông Ana
40	Đắk Lắk	046	THPT Hùng Vương
40	Đắk Lắk	071	THPT Phạm Văn Đồng
40	Đắk Lắk	017	THPT Krông Bông
40	Đắk Lắk	044	TT GDNN - GDTX Krông Bông
40	Đắk Lắk	073	THPT Trần Hưng Đạo
40	Đắk Lắk	020	THPT Lắk
40	Đắk Lắk	031	TT GDTX Lắk
40	Đắk Lắk	027	THPT Buôn Đôn
40	Đắk Lắk	053	TT GDNN - GDTX Buôn Đôn
40	Đắk Lắk	069	THPT Trần Đại Nghĩa
40	Đắk Lắk	013	THPT Việt Đức
40	Đắk Lắk	037	THPT Y Jut

40	Đắk Lắk	070	TT GDNN - GDTX Cư Kuin
40	Đắk Lắk	010	THPT Buôn Hồ
40	Đắk Lắk	030	TT GDNN - GDTX Buôn Hồ
40	Đắk Lắk	035	THPT Hai Bà Trưng
40	Đắk Lắk	043	THPT Huỳnh Thúc Kháng

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
41	Khánh Hoà	800	Học ở nước ngoài 41
41	Khánh Hoà	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 41
41	Khánh Hoà	001	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang
41	Khánh Hoà	002	Trung cấp Kinh tế Khánh Hòa
41	Khánh Hoà	003	THPT Phạm Văn Đồng
41	Khánh Hoà	015	THPT Lý Tự Trọng
41	Khánh Hoà	016	THPT Nguyễn Văn Trỗi
41	Khánh Hoà	017	THPT chuyên Lê Quý Đôn
41	Khánh Hoà	018	THPT Hà Huy Tập
41	Khánh Hoà	019	THPT Hoàng Văn Thụ
41	Khánh Hoà	020	THPT BC Nguyễn Trường Tộ
41	Khánh Hoà	021	THCS&THPT iSchool Nha Trang
41	Khánh Hoà	022	THPT Nguyễn Thiện Thuật
41	Khánh Hoà	023	THPT Lê Thánh Tôn
41	Khánh Hoà	031	THPT Hermann Gmeiner
41	Khánh Hoà	032	KTTH-HN tỉnh Khánh Hòa
41	Khánh Hoà	034	GDTX&HN Nha Trang
41	Khánh Hoà	039	Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Khánh Hòa
41	Khánh Hoà	050	Cao đẳng nghề Quốc tế Nam Việt
41	Khánh Hoà	053	Trung cấp nghề Nha Trang
41	Khánh Hoà	054	Quốc tế Châu Á Thái Bình Dương (APC)
41	Khánh Hoà	055	Quốc Tế Hoàn Cầu Nha Trang
41	Khánh Hoà	057	THPT Đại Việt
41	Khánh Hoà	058	Trung cấp KTKT Trần Đại Nghĩa
41	Khánh Hoà	059	Trường dự bị ĐH Dân tộc TW Nha Trang
41	Khánh Hoà	061	THPT Hà Huy Tập (Hệ GDTX)
41	Khánh Hoà	009	THPT Huỳnh Thúc Kháng
41	Khánh Hoà	010	THPT Tô Văn Ôn

41	Khánh Hoà	011	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
41	Khánh Hoà	037	GDTX&HN Vạn Ninh
41	Khánh Hoà	048	THPT Lê Hồng Phong
41	Khánh Hoà	056	Trung cấp nghề Vạn Ninh
41	Khánh Hoà	012	THPT Nguyễn Trãi
41	Khánh Hoà	013	THPT Trần Quý Cáp
41	Khánh Hoà	014	THPT Trần Cao Vân
41	Khánh Hoà	033	GDTX&HN Ninh Hoà
41	Khánh Hoà	038	THPT Nguyễn Chí Thanh
41	Khánh Hoà	045	THPT Tôn Đức Thắng
41	Khánh Hoà	051	Trung cấp nghề Ninh Hòa
41	Khánh Hoà	024	THPT Hoàng Hoa Thám
41	Khánh Hoà	025	THPT Lê Lợi
41	Khánh Hoà	026	THPT Nguyễn Bình Khiêm
41	Khánh Hoà	035	GDTX&HN Diên Khánh
41	Khánh Hoà	043	THPT Nguyễn Thái Học
41	Khánh Hoà	040	THPT Lạc Long Quân
41	Khánh Hoà	044	GDTX&HN Khánh Vĩnh
41	Khánh Hoà	028	THPT Trần Hưng Đạo
41	Khánh Hoà	030	THPT Phan Bội Châu
41	Khánh Hoà	036	GDTX&HN Cam Ranh
41	Khánh Hoà	041	THPT Ngô Gia Tự
41	Khánh Hoà	047	THPT Ngô Gia Tự (Hệ GDTX)
41	Khánh Hoà	052	Trung cấp nghề Cam Ranh
41	Khánh Hoà	060	THPT Thăng Long
41	Khánh Hoà	007	GDTX&HN Khánh Sơn
41	Khánh Hoà	008	Trung cấp nghề DTNT Khánh Sơn
41	Khánh Hoà	042	THPT Khánh Sơn
41	Khánh Hoà	027	THPT Nguyễn Huệ
41	Khánh Hoà	029	THPT Trần Bình Trọng
41	Khánh Hoà	046	GDTX&HN Cam Lâm
41	Khánh Hoà	049	THPT Đoàn Thị Điểm

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
42	Lâm Đồng	800	Học ở nước ngoài 42
42	Lâm Đồng	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 42
42	Lâm Đồng	002	THPT Trần Phú
42	Lâm Đồng	003	THPT Bùi Thị Xuân
42	Lâm Đồng	004	THCS & THPT Chi Lăng - Đà Lạt
42	Lâm Đồng	005	THPT Xuân Trường
42	Lâm Đồng	006	THPT Đồng Đa
42	Lâm Đồng	007	PT DTNT Tỉnh

42	Lâm Đồng	008	THPT Chuyên Thăng Long - Đà Lạt
42	Lâm Đồng	009	THCS & THPT Nguyễn Du - Đà Lạt
42	Lâm Đồng	010	THPT Phù Đồng
42	Lâm Đồng	011	THCS & THPT Tây Sơn -Đà Lạt
42	Lâm Đồng	012	PT Hermann Gmeiner -Đà Lạt
42	Lâm Đồng	013	THPT DL Phù Đồng
42	Lâm Đồng	039	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Lâm Đồng tại thành phố Đà Lạt
42	Lâm Đồng	070	Trường CĐ KT-KT Lâm Đồng
42	Lâm Đồng	077	THCS & THPT Tà Nung -Đà Lạt
42	Lâm Đồng	078	THPT Yersin - Đà Lạt
42	Lâm Đồng	088	CĐ Y tế Lâm Đồng
42	Lâm Đồng	089	Cao đẳng nghề Du lịch Đà Lạt
42	Lâm Đồng	091	Phân hiệu TC Văn thư lưu trữ TW
42	Lâm Đồng	095	Cao đẳng nghề Đà Lạt
42	Lâm Đồng	097	Cao đẳng sư phạm Đà Lạt
42	Lâm Đồng	108	Trung tâm GDTX Đà Lạt
42	Lâm Đồng	112	Trường Trung cấp Du lịch Đà Lạt
42	Lâm Đồng	026	THPT Bảo Lộc
42	Lâm Đồng	027	THPT Lộc Thanh
42	Lâm Đồng	028	Dân lập Lê Lợi - Bảo Lộc
42	Lâm Đồng	040	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Lâm Đồng
42	Lâm Đồng	045	THPT Nguyễn Du - Bảo Lộc
42	Lâm Đồng	046	THPT Lê Thị Pha - Bảo Lộc
42	Lâm Đồng	047	THPT Nguyễn Tri Phương - Bảo Lộc
42	Lâm Đồng	063	THPT Bá Thiên
42	Lâm Đồng	071	THPT Lộc Phát - Bảo Lộc
42	Lâm Đồng	083	THPT TT Duy Tân - Bảo Lộc
42	Lâm Đồng	087	TC Nghề Bảo Lộc
42	Lâm Đồng	092	CĐ Công nghệ & Kinh tế Bảo Lộc
42	Lâm Đồng	093	THPT Chuyên Bảo Lộc
42	Lâm Đồng	123	Quốc tế Châu Á Thái Bình Dương
42	Lâm Đồng	018	THPT Đức Trọng
42	Lâm Đồng	019	THPT Lương Thế Vinh -Đức Trọng
42	Lâm Đồng	050	THPT Chu Văn An
42	Lâm Đồng	051	THPT Nguyễn Bình Khiêm - Đức Trọng

42	Lâm Đồng	052	THPT Nguyễn Thái Bình - Đức Trọng
42	Lâm Đồng	064	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Đức Trọng
42	Lâm Đồng	072	THPT Hoàng Hoa Thám -Đức Trọng
42	Lâm Đồng	090	TC KT-KT Quốc Việt
42	Lâm Đồng	101	Trung tâm KTTH-HN Đức Trọng
42	Lâm Đồng	115	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đức Trọng (+)
42	Lâm Đồng	126	THPT Nguyễn Bình Khiêm
42	Lâm Đồng	127	THPT Hoàng Hoa Thám
42	Lâm Đồng	020	THPT Hòa Ninh
42	Lâm Đồng	021	THPT Di Linh
42	Lâm Đồng	022	THPT Phan Bội Châu
42	Lâm Đồng	041	THPT Lê Hồng Phong -Di Linh
42	Lâm Đồng	056	THPT Nguyễn Viết Xuân - Di Linh
42	Lâm Đồng	065	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Di Linh
42	Lâm Đồng	073	THPT Nguyễn Huệ - Di Linh
42	Lâm Đồng	081	THPT Trường Chinh
42	Lâm Đồng	104	Trung tâm KTTH-HN Di Linh
42	Lâm Đồng	116	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Di Linh (+)
42	Lâm Đồng	128	THPT Nguyễn Huệ
42	Lâm Đồng	014	THPT Hùng Vương -Đơn Dương
42	Lâm Đồng	015	THPT Đơn Dương
42	Lâm Đồng	016	THPT Ngô Gia Tự - Đơn Dương
42	Lâm Đồng	055	THPT Pro - Đơn Dương
42	Lâm Đồng	060	THPT Lê Lợi - Đơn Dương
42	Lâm Đồng	066	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Đơn Dương
42	Lâm Đồng	102	Trung tâm KTTH-HN Đơn Dương
42	Lâm Đồng	119	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đơn Dương (+)
42	Lâm Đồng	017	THPT Bán trú Lang Biang - Lạc Dương
42	Lâm Đồng	053	THPT Lang Biang - Lạc Dương
42	Lâm Đồng	074	THPT Đa Sar
42	Lâm Đồng	085	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Lạc Dương
42	Lâm Đồng	109	Trung tâm GDTX-KTTH-HN Lạc Dương

42	Lâm Đồng	121	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lạc Dương (+)
42	Lâm Đồng	030	THPT Đa Huoai
42	Lâm Đồng	042	THPT thị trấn Đạm Rì
42	Lâm Đồng	067	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Đa Huoai
42	Lâm Đồng	105	Trung tâm KTTH-HN Đa Huoai
42	Lâm Đồng	120	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đa Huoai (+)
42	Lâm Đồng	124	THPT Đa Huoai
42	Lâm Đồng	032	THPT Đa Têh
42	Lâm Đồng	062	THPT Lê Quý Đôn - Đa Têh
42	Lâm Đồng	068	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Đa Têh
42	Lâm Đồng	082	THPT TT Nguyễn Khuyến - Đa Têh
42	Lâm Đồng	084	THCS & THPT DTNT Liên huyện phía Nam
42	Lâm Đồng	106	Trung tâm KTTH-HN Đa Têh
42	Lâm Đồng	117	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đa Têh (+)
42	Lâm Đồng	034	THPT Cát Tiên
42	Lâm Đồng	044	THPT Gia Viễn
42	Lâm Đồng	057	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Cát Tiên
42	Lâm Đồng	059	THPT Quang Trung - Cát Tiên
42	Lâm Đồng	107	Trung tâm GDTX Cát Tiên
42	Lâm Đồng	113	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cát Tiên (+)
42	Lâm Đồng	036	THPT Lâm Hà
42	Lâm Đồng	037	THPT Thăng Long - Lâm Hà
42	Lâm Đồng	043	THPT Tân Hà - Lâm Hà
42	Lâm Đồng	061	THPT Lê Quý Đôn - Lâm Hà
42	Lâm Đồng	069	Trung Tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Lâm Hà
42	Lâm Đồng	079	THPT Huỳnh Thúc Kháng - Lâm Hà
42	Lâm Đồng	103	Trung tâm KTTH-HN Lâm Hà
42	Lâm Đồng	118	Trung Tâm GDNN-GDTX huyện Lâm Hà (+)
42	Lâm Đồng	024	THPT Bảo Lâm
42	Lâm Đồng	048	THPT Lộc Thành
42	Lâm Đồng	049	THPT Lộc An - Bảo Lâm
42	Lâm Đồng	058	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Bảo Lâm
42	Lâm Đồng	080	THCS & THPT Lộc Bắc -Bảo Lâm
42	Lâm Đồng	111	Trung tâm GDTX Bảo Lâm

42	Lâm Đồng	114	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bảo Lâm (+)
42	Lâm Đồng	054	THPT Đa Tông
42	Lâm Đồng	076	THPT Nguyễn Chí Thanh
42	Lâm Đồng	086	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Đam Rông
42	Lâm Đồng	094	THPT Phan Đình Phùng -Đam Rông
42	Lâm Đồng	110	Trung tâm GDTX-KTTH-HN Đam Rông
42	Lâm Đồng	122	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đam Rông (+)

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
43	Bình Phước	800	Học ở nước ngoài 43
43	Bình Phước	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 43
43	Bình Phước	001	THPT Đồng Xoài
43	Bình Phước	002	THPT Nguyễn Du
43	Bình Phước	003	THPT Chuyên Quang Trung
43	Bình Phước	004	PTdTnT THPT tỉnh Bình Phước
43	Bình Phước	005	THPT Hùng Vương
43	Bình Phước	006	Trung tâm GDTX tỉnh Bình Phước
43	Bình Phước	007	THPT Đồng Phú
43	Bình Phước	008	THCS & THPT Đồng Tiến
43	Bình Phước	009	Trung tâm GDNN-GDTX Đồng Phú
43	Bình Phước	010	THPT Chơn Thành
43	Bình Phước	011	THPT Chu Văn An
43	Bình Phước	012	THCS & THPT Nguyễn Bình Khiêm
43	Bình Phước	013	Trung tâm GdNN&GDTX Chơn Thành
43	Bình Phước	014	Cao đẳng nghề Bình Phước
43	Bình Phước	015	THPT Thị xã Bình Long
43	Bình Phước	016	THPT Nguyễn Huệ
43	Bình Phước	017	Trung tâm GDNN&GDTX Bình Long
43	Bình Phước	042	THPT chuyên Bình Long
43	Bình Phước	018	THPT Lộc Ninh
43	Bình Phước	019	THPT Lộc Thái
43	Bình Phước	020	THPT Lộc Hiệp
43	Bình Phước	021	Trung tâm GDNN -GDTX huyện Lộc Ninh

43	Bình Phước	022	THPT Thanh Hòa
43	Bình Phước	023	THCS & THPT Tân Tiến
43	Bình Phước	024	Trung tâm GDNN -GDTX huyện Bù Đốp
43	Bình Phước	025	THPT Thị xã Phước Long
43	Bình Phước	026	THPT Phước Bình
43	Bình Phước	027	Trung tâm GDNN-GDTX Phước Long
43	Bình Phước	028	THPT Bù Đăng
43	Bình Phước	029	THPT Lê Quý Đôn
43	Bình Phước	030	THPT Thống Nhất
43	Bình Phước	031	THCS & THPT Lương Thế Vinh
43	Bình Phước	032	THCS & THPT Đăng Hà
43	Bình Phước	033	Trung tâm GDNN-GDTX Bù Đăng
43	Bình Phước	034	THPT Nguyễn Hữu Cánh
43	Bình Phước	035	THPT Trần Phú
43	Bình Phước	036	THPT Đắc Ô
43	Bình Phước	037	THPT Đa Kì
43	Bình Phước	038	THCS & THPT Võ Thị Sáu
43	Bình Phước	043	PTDTNT THCS & THPT Bù Gia Mập
43	Bình Phước	039	THPT Phú Riềng
43	Bình Phước	040	THPT Nguyễn Khuyến
43	Bình Phước	041	THPT Ngô Quyền
44	Bình Dương	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 44
44	Bình Dương	901	Học ở nước ngoài 44
44	Bình Dương	000	Sở Giáo dục và Đào tạo
44	Bình Dương	001	Trung tâm GDTX tỉnh Bình Dương
44	Bình Dương	002	THPT chuyên Hùng Vương
44	Bình Dương	003	THPT Võ Minh Đức
44	Bình Dương	004	THPT An Mỹ
44	Bình Dương	005	THPT Nguyễn Đình Chiểu
44	Bình Dương	006	Trung-Tiểu học PéTrus- Ký
44	Bình Dương	008	THPT Bình Phú
44	Bình Dương	035	TH-THCS-THPT Ngô Thời Nhiệm
44	Bình Dương	040	TCN tỉnh Bình Dương
44	Bình Dương	043	TCN Việt Hàn Bình Dương
44	Bình Dương	045	THCS-THPT Nguyễn Khuyến
44	Bình Dương	047	TCN Nghiệp vụ Bình Dương
44	Bình Dương	048	th-tHcs-thpt Việt Anh
44	Bình Dương	055	Trung cấp Mỹ thuật-Văn hóa Bình Dương
44	Bình Dương	056	Trung cấp Nông lâm nghiệp Bình Dương
44	Bình Dương	058	Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Đông Nam

44	Bình Dương	062	Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương
44	Bình Dương	064	Đại học Thủ Dầu Một
44	Bình Dương	067	Đại học Bình Dương
44	Bình Dương	007	TT GDNN-GDTX TX.Bến Cát
44	Bình Dương	009	THPT Bến Cát
44	Bình Dương	010	THPT Tây Nam
44	Bình Dương	054	Trung cấp Kinh tế Bình Dương
44	Bình Dương	065	THPT Bán công Lê Quý Đôn
44	Bình Dương	012	TT GDNN-GDTX TX.Tân Uyên
44	Bình Dương	013	THPT Huỳnh Văn Nghệ
44	Bình Dương	014	THPT Tân Phước Khánh
44	Bình Dương	015	THPT Thái Hoà
44	Bình Dương	044	TCN Tân Uyên
44	Bình Dương	019	TT GDNN-GdTX TX.Thuận An
44	Bình Dương	020	THPT Trịnh Hoài Đức
44	Bình Dương	021	THPT Nguyễn Trãi
44	Bình Dương	022	THPT Trần Văn Ôn
44	Bình Dương	036	CĐN Việt Nam -Singapore
44	Bình Dương	041	TcN Kt và NV Công đoàn
44	Bình Dương	049	TH-THCS-THPT Đức Trí
44	Bình Dương	059	Trung cấp Công nghiệp Bình Dương
44	Bình Dương	060	Trung cấp Tài chính Kế Toán Bình Dương
44	Bình Dương	068	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương
44	Bình Dương	023	TT GDNN-GDTX TX.Dĩ An
44	Bình Dương	024	THPT Dĩ An
44	Bình Dương	025	THPT Nguyễn An Ninh
44	Bình Dương	026	THPT Bình An
44	Bình Dương	037	CĐN Đồng An
44	Bình Dương	038	CĐN Công nghệ và NL Nam Bộ
44	Bình Dương	039	Phân hiệu CĐN Đường sắt phía Nam
44	Bình Dương	042	TcN Dĩ An
44	Bình Dương	046	TCN Khu Công nghiệp
44	Bình Dương	050	TH-THCS-THPT Phan Chu Trinh
44	Bình Dương	053	THPT Hoàng Diệu
44	Bình Dương	061	Trung cấp Bách Khoa Bình Dương
44	Bình Dương	069	Tiểu học - THCS - THPT Việt Anh 2
44	Bình Dương	027	TT GDNN-GDTX H.Phú Giáo
44	Bình Dương	028	THPT Phước Vĩnh
44	Bình Dương	029	THPT Nguyễn Huệ

44	Bình Dương	030	THPT Tay Sơn
44	Bình Dương	051	THPT Phước Hòa
44	Bình Dương	057	Trung cấp Kỹ thuật Phú Giáo
44	Bình Dương	031	TT GDNN-GDTX H.Đầu Tiếng
44	Bình Dương	032	THPT Dầu Tiếng
44	Bình Dương	033	THPT Thanh Tuyền
44	Bình Dương	034	THPT Phan Bội Châu
44	Bình Dương	052	THPT Long Hòa
44	Bình Dương	063	THPT Bán công Định Thành
44	Bình Dương	016	THPT Tân Bình
44	Bình Dương	017	THPT Thường Tân
44	Bình Dương	018	THPT Lê Lợi
44	Bình Dương	011	THPT Bàu Bàng
44	Bình Dương	066	THPT Lai Uyên

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
45	Ninh Thuận	800	Học ở nước ngoài 45
45	Ninh Thuận	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 45
45	Ninh Thuận	001	THPT Nguyễn Trãi
45	Ninh Thuận	005	TTGDTX Ninh Thuận
45	Ninh Thuận	006	THPT Dân tộc nội trú Ninh Thuận
45	Ninh Thuận	007	THPT Tháp Chàm
45	Ninh Thuận	008	THPT Ischool
45	Ninh Thuận	009	THPT Chu Văn An
45	Ninh Thuận	014	TT KTTH-HN Phan Rang
45	Ninh Thuận	017	THPT chuyên Lê Quý Đôn
45	Ninh Thuận	021	Tr. CD nghề Ninh Thuận
45	Ninh Thuận	002	THPT Nguyễn Du
45	Ninh Thuận	012	TT GDtX-DN-HN Ninh Sơn
45	Ninh Thuận	013	THPT Trường Chinh
45	Ninh Thuận	019	THPT Lê Duẩn
45	Ninh Thuận	026	TT GDNN-GDTX Ninh Sơn
45	Ninh Thuận	003	THPT Ninh Hải
45	Ninh Thuận	016	THPT Tôn Đức Thắng
45	Ninh Thuận	023	THPT Phan Chu Trinh
45	Ninh Thuận	004	THPT An Phước
45	Ninh Thuận	010	THPT Nguyễn Huệ
45	Ninh Thuận	011	TT GDTX-DN-hN Ninh Phước
45	Ninh Thuận	015	THPT Phạm Văn Đồng
45	Ninh Thuận	025	TT GDNN-GDTX Ninh Phước
45	Ninh Thuận	018	THPT Bác ái
45	Ninh Thuận	024	Phổ thông Dân tộc nội trú Pinăng Tắc

45	Ninh Thuận	022	THPT Phan Bội Châu
45	Ninh Thuận	020	THPT Nguyễn Văn Linh

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
46	Tây Ninh	800	Học ở nước ngoài 46
46	Tây Ninh	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 46
46	Tây Ninh	001	THPT Trần Đại Nghĩa
46	Tây Ninh	002	THPT Lê Quý Đôn
46	Tây Ninh	003	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
46	Tây Ninh	004	THPT Nguyễn Bình Khiêm
46	Tây Ninh	005	THPT Tây Ninh
46	Tây Ninh	006	Phổ thông dân tộc nội trú Tây Ninh
46	Tây Ninh	007	TTGDTX Thành phố Tây Ninh
46	Tây Ninh	008	TC Tân Bách Khoa
46	Tây Ninh	009	TC Y tế Tây Ninh
46	Tây Ninh	010	Cao đẳng Nghề Tây Ninh
46	Tây Ninh	033	TTGDTX Tỉnh Tây Ninh
46	Tây Ninh	048	TT GDNN-GDTX Thành phố Tây Ninh
46	Tây Ninh	011	THPT Trần Phú
46	Tây Ninh	012	THPT Nguyễn An Ninh
46	Tây Ninh	013	THPT Lương Thế Vinh
46	Tây Ninh	014	TTGDTX Tân Biên
46	Tây Ninh	049	TT GDNN-GDTX Tân Biên
46	Tây Ninh	015	THPT Tân Châu
46	Tây Ninh	016	THPT Lê Duẩn
46	Tây Ninh	017	THPT Tân Hưng
46	Tây Ninh	018	THPT Tân Đông
46	Tây Ninh	019	TTGDTX Tân Châu
46	Tây Ninh	050	TT GDNN-GDTX Tân Châu
46	Tây Ninh	020	THPT Dương Minh Châu
46	Tây Ninh	021	THPT Nguyễn Đình Chiểu
46	Tây Ninh	022	THPT Nguyễn Thái Bình
46	Tây Ninh	023	TTGDTX Dương Minh Châu
46	Tây Ninh	051	TT GDNN-GDTX Dương Minh Châu
46	Tây Ninh	024	THPT Hoàng Văn Thụ
46	Tây Ninh	025	THPT Châu Thành
46	Tây Ninh	026	THPT Lê Hồng Phong
46	Tây Ninh	027	TTGDTX Châu Thành
46	Tây Ninh	028	TC Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh

46	Tây Ninh	052	TT GDNN-GDTX Châu Thành
46	Tây Ninh	029	THPT Lý Thường Kiệt
46	Tây Ninh	030	THPT Nguyễn Chí Thanh
46	Tây Ninh	031	THPT Nguyễn Trung Trực
46	Tây Ninh	032	TTGDTX Hoà Thành
46	Tây Ninh	053	TT GDNN-GDTX Hòa Thành
46	Tây Ninh	034	THPT Nguyễn Huệ
46	Tây Ninh	035	THPT Huỳnh Thúc Kháng
46	Tây Ninh	036	TTGDTX Bến Cầu
46	Tây Ninh	054	TT GDNN-GDTX Bến Cầu
46	Tây Ninh	037	THPT Quang Trung
46	Tây Ninh	038	THPT Nguyễn Văn Trỗi
46	Tây Ninh	039	THPT Trần Quốc Đại
46	Tây Ninh	040	THPT Ngô Gia Tự
46	Tây Ninh	041	TTGDtX Gò Dầu
46	Tây Ninh	055	TT GDNN-GDTX Gò Dầu
46	Tây Ninh	042	THPT Nguyễn Trãi
46	Tây Ninh	043	THPT Trảng Bàng
46	Tây Ninh	044	THPT Lộc Hưng
46	Tây Ninh	045	THPT Bình Thạnh
46	Tây Ninh	046	TTGDTX Trảng Bàng
46	Tây Ninh	047	TC nghề khu vực Nam Tây Ninh
46	Tây Ninh	056	TT GDNN-GDTX Trảng Bàng

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
47	Bình Thuận	800	Học ở nước ngoài 47
47	Bình Thuận	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 47
47	Bình Thuận	001	THPT Phan Bội Châu
47	Bình Thuận	012	THPT Phan Chu Trinh
47	Bình Thuận	013	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo
47	Bình Thuận	017	THCS và THPT Lê Lợi
47	Bình Thuận	022	TH Bô túc Phan Bội Châu
47	Bình Thuận	032	THPT Bùi Thị Xuân
47	Bình Thuận	034	Trường TC Nghề Kinh tế -Kỹ thuật CĐ Bình Thuận
47	Bình Thuận	035	CĐ Nghề Bình Thuận
47	Bình Thuận	036	THPT Phan Thiết
47	Bình Thuận	037	TH, THCS và THPT Lê Quý Đôn
47	Bình Thuận	038	TH, THCS, THPT Châu A' Thái Bình Dương
47	Bình Thuận	040	Trường TC Du lịch Mũi Né
47	Bình Thuận	041	CĐ Cộng đồng Bình Thuận

47	Bình Thuận	042	CĐ Y tế Bình Thuận
47	Bình Thuận	043	Trường Đại học Phan Thiết
47	Bình Thuận	044	TT GDTX Tỉnh Bình Thuận
47	Bình Thuận	002	THPT Tuy Phong
47	Bình Thuận	009	THPT Hòa Đa
47	Bình Thuận	020	THPT Lê Quý Đôn
47	Bình Thuận	021	THPT Nguyễn Khuyến
47	Bình Thuận	003	THPT Bắc Bình
47	Bình Thuận	015	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
47	Bình Thuận	027	TT GDTX-HN Bắc Bình
47	Bình Thuận	045	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bắc Bình
47	Bình Thuận	004	THPT Hàm Thuận Bắc
47	Bình Thuận	010	THPT Dân tộc nội trú Tỉnh
47	Bình Thuận	031	THPT Nguyễn Văn Linh
47	Bình Thuận	005	THPT Hàm Thuận Nam
47	Bình Thuận	030	THPT Lương Thế Vinh
47	Bình Thuận	014	THPT Đức Tân
47	Bình Thuận	033	THPT Hàm Tân
47	Bình Thuận	039	THPT Huỳnh Thúc Kháng
47	Bình Thuận	007	THPT Đức Linh
47	Bình Thuận	016	THPT Chu Văn An
47	Bình Thuận	019	THPT Hùng Vương
47	Bình Thuận	023	TT GDTX-HN Đức Linh
47	Bình Thuận	025	THPT Quang Trung
47	Bình Thuận	046	Trung tâm GdNN-GDTX huyện Đức Linh
47	Bình Thuận	008	THPT Tánh Linh
47	Bình Thuận	026	THPT Nguyễn Văn Trỗi
47	Bình Thuận	028	TT GDTX-HN Tánh Linh
47	Bình Thuận	047	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tánh Linh
47	Bình Thuận	018	THPT Ngô Quyền
47	Bình Thuận	006	THPT Lý Thường Kiệt
47	Bình Thuận	011	THPT Nguyễn Huệ
47	Bình Thuận	024	TT GDTX-HN La Gi
47	Bình Thuận	029	THPT Nguyễn Trường Tộ
47	Bình Thuận	048	Trung tâm GDNN-GDTX thị xã La Gi

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
48	Đồng Nai	800	Học ở nước ngoài 48
48	Đồng Nai	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 48
48	Đồng Nai	000	SơGD&ĐT
48	Đồng Nai	001	THPT Chuyên Lương Thế Vinh
48	Đồng Nai	002	Bổ Túc Văn Hóa Tỉnh

48	Đồng Nai	003	THPT Ngô Quyền
48	Đồng Nai	004	THPT Nam Hà
48	Đồng Nai	005	THPT Tam Hiệp
48	Đồng Nai	006	THPT Nguyễn Trãi
48	Đồng Nai	007	THPT Lê Hồng Phong
48	Đồng Nai	008	THPT Chu Văn An
48	Đồng Nai	040	THPT Tam Phước
48	Đồng Nai	041	THPT Nguyễn Khuyến
48	Đồng Nai	042	THPT Đức Trí
48	Đồng Nai	043	THPT Nguyễn Hữu Cánh
48	Đồng Nai	044	THPT Lê Quý Đôn
48	Đồng Nai	047	THPT Bùi Thị Xuân
48	Đồng Nai	049	TT GDNN-GDTX Biên Hòa
48	Đồng Nai	053	THPT Trần Biên
48	Đồng Nai	067	THPT Đinh Tiên Hoàng
48	Đồng Nai	069	PT Năng Khiếu Thê Thao
48	Đồng Nai	070	CĐ nghề Đồng Nai
48	Đồng Nai	071	CĐ nghề Miền Đông Nam Bộ
48	Đồng Nai	074	TC nghề GTVT Đồng Nai
48	Đồng Nai	075	TC nghề 26/3
48	Đồng Nai	076	TC nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 2
48	Đồng Nai	077	TC nghề Đinh Tiên Hoàng
48	Đồng Nai	083	TH-THCS-THPT Tân Hòa
48	Đồng Nai	088	TH-THCS-THPT Song Ngữ Lạc Hồng
48	Đồng Nai	089	TH-THCS-THPT Nguyễn Văn Trỗi
48	Đồng Nai	090	TH-THCS-THPT Thái Bình Dương
48	Đồng Nai	093	ĐH Đồng Nai
48	Đồng Nai	095	TC Miền Đông
48	Đồng Nai	098	TT KTTH Hướng nghiệp Đồng Nai
48	Đồng Nai	099	TT GdNN-GDTX tỉnh Đồng Nai
48	Đồng Nai	101	Cao Đẳng Nghề Số 8
48	Đồng Nai	102	Phổ thông Thực hành Sư phạm
48	Đồng Nai	035	ThPT Vĩnh Cửu
48	Đồng Nai	036	THPT Trị An
48	Đồng Nai	039	TT GDNN-GDTX Vĩnh Cửu
48	Đồng Nai	061	THCS-THPT Huỳnh Văn nghệ
48	Đồng Nai	082	TC nghề Cơ Điện Đông Nam Bộ
48	Đồng Nai	085	TH-THCS-THPT Hùng Vương
48	Đồng Nai	032	TT gDnN-GDTX Tân Phú
48	Đồng Nai	033	THPT Đoàn Kết
48	Đồng Nai	034	THPT Thanh Bình

48	Đồng Nai	038	THCS-THPT Ngọc Lâm
48	Đồng Nai	060	THPT Đắc Lúa
48	Đồng Nai	063	THPT Tôn Đức Thắng
48	Đồng Nai	086	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn-Tân Phú
48	Đồng Nai	028	TT GDNN-GDTX Định Quán
48	Đồng Nai	029	THPT Tân Phú
48	Đồng Nai	030	THPT Điều Cai
48	Đồng Nai	031	THPT Định Quán
48	Đồng Nai	055	THPT Phú Ngọc
48	Đồng Nai	084	THCS-THPT Lạc Long Quân
48	Đồng Nai	091	THCS-THPT Tây Sơn
48	Đồng Nai	010	TT GDNN-GDTX Thống Nhất
48	Đồng Nai	012	THPT Thống Nhất
48	Đồng Nai	014	THPT Kiềm Tân
48	Đồng Nai	018	THPT Dầu Giây
48	Đồng Nai	015	TT GDNN-GDTX L. Khánh
48	Đồng Nai	016	THPT Long Khánh
48	Đồng Nai	017	THPT Trần Phú
48	Đồng Nai	019	THPT Văn Hiến
48	Đồng Nai	045	THPT Nguyễn Huệ
48	Đồng Nai	058	THPT Trương Vĩnh Ký
48	Đồng Nai	092	THCS-THPT Việt Hoa Quang Chánh
48	Đồng Nai	020	TT GDNN-GDTX Xuân Lộc
48	Đồng Nai	021	THPT Xuân Lộc
48	Đồng Nai	051	THPT Hồng Bàng
48	Đồng Nai	059	THPT Xuân Hưng
48	Đồng Nai	068	THPT Xuân Thọ
48	Đồng Nai	022	TT GDNN-GDTX Long Thành
48	Đồng Nai	023	THPT Long Thành
48	Đồng Nai	024	THPT Long Phước
48	Đồng Nai	025	THPT Nguyễn Đình Chiểu
48	Đồng Nai	054	THPT Bình Sơn
48	Đồng Nai	072	CĐ Công Nghệ Quốc Tế LiLaMa2
48	Đồng Nai	078	CĐ nghề KV Long Thành-Nhon Trạch
48	Đồng Nai	079	TC nghề Tri Thức
48	Đồng Nai	026	TT GDNN-GDTX Nhơn Trạch
48	Đồng Nai	027	THPT Nhơn Trạch
48	Đồng Nai	048	THPT Phước Thiện
48	Đồng Nai	087	THPT Nguyễn Bình Khiêm
48	Đồng Nai	097	TC Kinh tế- Kỹ thuật Đồng Nai
48	Đồng Nai	009	THPT Dân tộc Nội trú tỉnh Đồng Nai
48	Đồng Nai	011	THPT Thống Nhất A
48	Đồng Nai	013	THPT Ngô Sĩ Liên

48	Đồng Nai	050	THPT Van Lang
48	Đồng Nai	052	THPT Trần Quốc Tuấn
48	Đồng Nai	056	TT GDNN-GDTX Trảng Bom
48	Đồng Nai	064	THPT Trịnh Hoài Đức
48	Đồng Nai	065	THCS THPT Bàu Hàm
48	Đồng Nai	066	THPT Trần Đại Nghĩa
48	Đồng Nai	073	CĐ nghề Cơ giới - Thủy lợi
48	Đồng Nai	080	TC nghề Tân Mai
48	Đồng Nai	081	TC nghề Hòa Bình
48	Đồng Nai	094	ĐH Lâm Nghiệp (cơ sở 2)
48	Đồng Nai	096	TC Bách khoa Đồng Nai
48	Đồng Nai	037	THPT Xuân Mỹ
48	Đồng Nai	046	THPT Sông Ray
48	Đồng Nai	057	TT GDNN-GDTX Cẩm Mỹ
48	Đồng Nai	062	THPT Võ Trường Toản
48	Đồng Nai	100	THPT Cẩm Mỹ

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
49	Long An	800	Học ở nước ngoài 49
49	Long An	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 49
49	Long An	001	THPT Lê Quý Đôn
49	Long An	002	THPT Tân An
49	Long An	018	THPT Hùng Vương
49	Long An	028	THPT Huỳnh Ngọc
49	Long An	035	TT.GDNN-GDTX Tp. Tân An
49	Long An	049	TT.KTTH-HN Long An
49	Long An	051	Trường Thể dục Thể thao tỉnh Long An
49	Long An	052	TT.GDTX tỉnh Long An
49	Long An	053	THCS&THPT Hà Long
49	Long An	060	THPT chuyên Long An
49	Long An	062	CĐ nghề Kỹ thuật Công nghệ LADEC
49	Long An	063	CĐ Nghề Long An
49	Long An	071	TC Việt - Nhật
49	Long An	073	THCS&THPT Nguyễn Văn Rành
49	Long An	077	TT.GDTX Tp. Tân An
49	Long An	017	THPT Vĩnh Hưng
49	Long An	036	TT.GDNN-GDtX huyện Vĩnh Hưng
49	Long An	061	THCS&tHpt Khánh Hưng
49	Long An	078	TT.GDTX&KTTH-HN Vĩnh Hưng
49	Long An	091	THCS&tHpt Khánh Hưng (2016)

49	Long An	058	THCS&THPT Bình Phong Thạnh
49	Long An	076	THPT Mộc Hóa (cũ)
49	Long An	092	TT.GDTX&KTTH-HN Mộc Hóa (cũ - từ năm 2013 về trước)
49	Long An	015	THPT Tân Thạnh
49	Long An	030	THCS&THPT Hậu Thạnh Đông
49	Long An	038	TT.GDNN-GDTX huyện Tân Thạnh
49	Long An	080	TT.GDTX&KTTH-HN Tân Thạnh
49	Long An	014	THPT Thanh Hóa
49	Long An	039	TT.GDNN-GDTX huyện Thanh Hoá
49	Long An	081	TT.GDTX&KTTH-HN Thanh Hoá
49	Long An	013	THPT Đức Huệ
49	Long An	040	TT.GDNN-GDTX huyện Đức Huệ
49	Long An	057	THCS&THPT Mỹ Quý
49	Long An	068	THCS&THPT Mỹ Bình
49	Long An	082	tt.gdtx&ktth-hn Đức Huệ
49	Long An	011	THPT Đức Hòa
49	Long An	012	THPT Hậu Nghĩa
49	Long An	025	THPT Võ Văn Tần
49	Long An	026	THPT Nguyễn Công Trứ
49	Long An	031	THPT An Ninh
49	Long An	041	TT.GDNN-GDTX huyện Đức Hòa
49	Long An	050	TT.GDTX&KTTH-HN Võ Văn Tần
49	Long An	065	TC nghề Đức Hòa
49	Long An	072	THPT Năng khiếu Đại học Tân Tạo
49	Long An	083	TT.GDTX&KTTH-HN Đức Hòa
49	Long An	006	THPT Nguyễn Hữu Thọ
49	Long An	022	TH,THCS&THPT iSCHOOL Long An
49	Long An	033	THPT Gò Đen
49	Long An	042	TT.GDNN-GDTX huyện Bến Lức
49	Long An	059	THCS&THPT Lương Hòa
49	Long An	064	CĐ nghề Tây Sài Gòn
49	Long An	070	TC KT-KT Long An
49	Long An	084	TT.GDTX&KTTH-HN Bến Lức
49	Long An	005	THPT Thủ Thừa
49	Long An	021	THPT Thủ Khoa Thửa
49	Long An	034	THPT Mỹ Lạc

49	Long An	043	TT.GDNN-GDTX huyện Thủ Thừa
49	Long An	069	TH-THCS&THPT Bồ Đề Phương Duy
49	Long An	085	TT.GDTX&KTTH-HN Thủ Thừa
49	Long An	003	THPT Nguyễn Thông
49	Long An	019	THPT Châu Thành
49	Long An	044	TT.GDNN-GDTX huyện Châu Thành
49	Long An	054	THPT Phan Văn Đạt
49	Long An	086	TT.GDTX&KTTH-HN Châu Thành
49	Long An	093	THCS&THPT Thuận Mỹ
49	Long An	004	THPT Tân Trụ
49	Long An	020	THPT Nguyễn Trung Trực
49	Long An	045	TT.GDNN-GDTX huyện Tân Trụ
49	Long An	087	TT.GDTX&KTTH-HN Tân Trụ
49	Long An	007	THPT Cần Đước
49	Long An	008	THPT Rạch Kiến
49	Long An	023	THPT Chu Văn An
49	Long An	024	THPT Long Hòa
49	Long An	046	TT.GDNN-GDTX huyện Cần Đước
49	Long An	055	THCS&THPT Long Cang
49	Long An	056	THPT Long Hựu Đông
49	Long An	088	tt.gdtx&ktth-hn Cần Đước
49	Long An	094	THCS&THPT Long Hựu Đông
49	Long An	009	THPT Đông Thạnh
49	Long An	010	THPT Cần Giuộc
49	Long An	027	THPT Nguyễn Đình Chiểu
49	Long An	029	THCS&THPT Long Thượng
49	Long An	047	TT.GDNN-GDTX huyện Cần Giuộc
49	Long An	067	TC nghề Cần Giuộc
49	Long An	075	THCS&THPT Nguyễn Thị Một
49	Long An	089	TT.GDTX&KTTH-HN Cần Giuộc
49	Long An	032	THPT Tân Hưng
49	Long An	048	TT.GDNN-GDTX huyện Tân Hưng
49	Long An	074	THCS&THPT Hưng Điền B
49	Long An	090	TT.GDTX&KTTH-HN Tân Hưng
49	Long An	016	THPT Kiến Tường
49	Long An	037	TT.GDNN-GDTX Thị xã Kiến Tường
49	Long An	066	TC nghề Đồng Tháp Mười

49	Long An	079	TT.GDTX&KTTH-HN TX Kiến Tường
----	---------	-----	----------------------------------

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
50	Đồng Tháp	800	Học ở nước ngoài 50
50	Đồng Tháp	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 50
50	Đồng Tháp	001	tHPT Châu Thành 1
50	Đồng Tháp	002	THPT Châu Thành 2
50	Đồng Tháp	003	THPT Tân Phú Trung
50	Đồng Tháp	004	THPT Nha Mân
50	Đồng Tháp	053	TT Dạy nghề - GDTX Châu Thành
50	Đồng Tháp	067	TT GDTX Châu Thành
50	Đồng Tháp	078	THPT bán công Châu Thành
50	Đồng Tháp	091	TT Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Châu Thành
50	Đồng Tháp	005	THPT Lai Vung 1
50	Đồng Tháp	006	THPT Lai Vung 2
50	Đồng Tháp	007	THPT Lai Vung 3
50	Đồng Tháp	008	THPT Phan Văn Bảy
50	Đồng Tháp	054	TT Dạy nghề - GDTX Lai Vung
50	Đồng Tháp	068	TT GdTX Lai Vung
50	Đồng Tháp	079	THPT bán công Lai Vung
50	Đồng Tháp	092	TT Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Lai Vung
50	Đồng Tháp	009	THPT Lấp Vò 1
50	Đồng Tháp	010	THPT Lấp Vò 2
50	Đồng Tháp	011	THPT Lấp Vò 3
50	Đồng Tháp	012	THPT Nguyễn Trãi
50	Đồng Tháp	013	THCS & THPT Bình Thạnh Trung
50	Đồng Tháp	055	TT Dạy nghề - GDTX Lấp Vò
50	Đồng Tháp	069	TT GDTX Lấp Vò
50	Đồng Tháp	080	THPT bán công Lấp Vò
50	Đồng Tháp	093	TT Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Lấp Vò
50	Đồng Tháp	014	THPT Thành phố Sa Đéc
50	Đồng Tháp	015	THPT Nguyễn Du
50	Đồng Tháp	016	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
50	Đồng Tháp	048	TT GDTX thành phố Sa Đéc
50	Đồng Tháp	060	CĐ nghề Đồng Tháp
50	Đồng Tháp	077	THPT thị xã Sa Đéc
50	Đồng Tháp	081	THPT bán công Đồ Chiểu
50	Đồng Tháp	088	THPT Tư thực Đồ Chiểu

50	Đồng Tháp	090	THPT Đồ Chiểu
50	Đồng Tháp	017	THPT thành phố Cao Lãnh
50	Đồng Tháp	018	THPT Trần Quốc Toàn
50	Đồng Tháp	019	THPT Kỹ Thuật
50	Đồng Tháp	020	THPT Đỗ Công Tường
50	Đồng Tháp	021	THPT Thiên Hộ Dương
50	Đồng Tháp	022	Năng khiếu TDTT
50	Đồng Tháp	023	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
50	Đồng Tháp	049	TT gDtX - KTHN tỉnh Đồng Tháp
50	Đồng Tháp	061	Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải Đồng Tháp
50	Đồng Tháp	065	CĐ Nghề Cơ điện Xây dựng Việt Xô
50	Đồng Tháp	066	Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp
50	Đồng Tháp	082	THPT bán công TX Cao Lãnh
50	Đồng Tháp	024	THPT Cao Lãnh 1
50	Đồng Tháp	025	THPT Cao Lãnh 2
50	Đồng Tháp	026	THPT Thống Linh
50	Đồng Tháp	027	THPT Kiến Văn
50	Đồng Tháp	028	THCS và THPT Nguyễn Văn Khái
50	Đồng Tháp	056	TT Dạy nghề - GDTX H.Cao Lãnh
50	Đồng Tháp	070	TT GDTX huyện Cao Lãnh
50	Đồng Tháp	083	THPT bán công H. Cao Lãnh
50	Đồng Tháp	029	THPT Tháp Mười
50	Đồng Tháp	030	THPT Trường Xuân
50	Đồng Tháp	031	THPT Mỹ Quý
50	Đồng Tháp	032	THPT Đốc Binh Kiều
50	Đồng Tháp	033	THPT Phú Điền
50	Đồng Tháp	050	Trung cấp nghề - GDTX Tháp Mười
50	Đồng Tháp	062	Trường TC Nghề Tháp Mười
50	Đồng Tháp	071	TT GDTX Tháp Mười
50	Đồng Tháp	084	THPT bán công Tháp Mười
50	Đồng Tháp	034	THPT Tam Nông
50	Đồng Tháp	035	THPT Tràm Chim
50	Đồng Tháp	036	THCS và THPT Hòa Bình
50	Đồng Tháp	057	TT Dạy nghề - GDTX Tam Nông
50	Đồng Tháp	072	TT GDTX Tam Nông
50	Đồng Tháp	085	THPT bán công Tam Nông
50	Đồng Tháp	089	THPT Lê Quí Đôn
50	Đồng Tháp	037	THPT Thanh Bình 1
50	Đồng Tháp	038	THPT Thanh Bình 2
50	Đồng Tháp	039	THPT Trần Văn Năng

50	Đồng Tháp	051	Trung cấp nghề - GDTX Thanh Bình
50	Đồng Tháp	063	Trung cấp nghề Thanh Bình
50	Đồng Tháp	073	TT GDTX Thanh Bình
50	Đồng Tháp	086	THPT bán công Thanh Bình
50	Đồng Tháp	040	THPT Hồng Ngự 1
50	Đồng Tháp	041	THPT Chu Văn An
50	Đồng Tháp	052	Trung cấp nghề - GDTX Hồng Ngự
50	Đồng Tháp	064	Trường TC Nghề Hồng Ngự
50	Đồng Tháp	074	TT GDTX TX Hồng Ngự
50	Đồng Tháp	042	THPT Hồng Ngự 2
50	Đồng Tháp	043	THPT Hồng Ngự 3
50	Đồng Tháp	044	THPT Long Khánh A
50	Đồng Tháp	058	TT Dạy nghề - GDTX huyện Hồng Ngự
50	Đồng Tháp	075	TT GDTX huyện Hồng Ngự
50	Đồng Tháp	087	THPT bán công Hồng Ngự
50	Đồng Tháp	094	TT Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Hồng Ngự
50	Đồng Tháp	096	THPT Hồng Ngự 1
50	Đồng Tháp	097	THPT Chu Văn An
50	Đồng Tháp	045	THPT Tân Hồng
50	Đồng Tháp	046	THPT Giồng Thị Đam
50	Đồng Tháp	047	THPT Tân Thành
50	Đồng Tháp	059	TT Dạy nghề - GDTX Tân Hồng
50	Đồng Tháp	076	TT GDTX Tân Hồng
50	Đồng Tháp	095	TT Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Tân Hồng

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
51	An Giang	800	Học ở nước ngoài 51
51	An Giang	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 51
51	An Giang	001	THPT Long Xuyên
51	An Giang	002	THPT Chuyên Thoại Ngọc Hầu
51	An Giang	003	pT ISCHOOL Long Xuyên
51	An Giang	004	THPT Mỹ Thới
51	An Giang	005	CĐ Nghề An Giang
51	An Giang	006	TT GDTX An Giang
51	An Giang	007	PT Chương Bình Lễ
51	An Giang	045	TH Y Tế
51	An Giang	051	THPT Bình Khánh
51	An Giang	068	Năng khiếu thể thao
51	An Giang	069	THPT Mỹ Hòa Hưng

51	An Giang	070	TC Nghề KTKT Công Đoàn AG
51	An Giang	074	PT Thực hành Sư phạm
51	An Giang	075	PT Quốc tế GIS
51	An Giang	078	THPT Nguyễn Công Trứ
51	An Giang	086	THPT Nguyễn Hiền
51	An Giang	096	THCS-THPT Mỹ Hòa Hưng
51	An Giang	008	THPT Chuyên Thủ Khoa Nghĩa
51	An Giang	009	THPT Võ Thị Sáu
51	An Giang	055	TT. GDTX Châu Đốc
51	An Giang	071	TC Nghề Châu Đốc
51	An Giang	081	PT DTNT THPT An Giang
51	An Giang	010	THPT An Phú
51	An Giang	011	THPT An Phú 2
51	An Giang	012	THPT Quốc Thái
51	An Giang	062	TTDN-GDTX An Phú
51	An Giang	066	THPT Vĩnh Lộc
51	An Giang	092	TT GDNN-GDTX An Phú
51	An Giang	098	THCS-THPT Vĩnh Lộc
51	An Giang	099	THPT Lương Thế Vinh
51	An Giang	013	THPT Tân Châu
51	An Giang	014	THPT Đức Trí
51	An Giang	015	THPT Vĩnh Xương
51	An Giang	050	THPT Châu Phong
51	An Giang	056	TT. GDTX Tân Châu
51	An Giang	067	THPT Nguyễn Quang Diêu
51	An Giang	072	TC Nghề Tân Châu
51	An Giang	016	THPT Chu Văn An
51	An Giang	017	PT Phú Tân
51	An Giang	018	THPT Nguyễn Chí Thanh
51	An Giang	046	THPT Hoà Lạc
51	An Giang	052	THPT Bình Thạnh Đông
51	An Giang	057	TTDN-GDTX Phú Tân
51	An Giang	079	THCS-THPT Phú Tân
51	An Giang	087	TT GDNN-GDTX Phú Tân
51	An Giang	024	THPT Tịnh Biên
51	An Giang	025	THPT Chi Lăng
51	An Giang	026	THPT Xuân tô
51	An Giang	064	TTDN-GDTX Tịnh Biên
51	An Giang	094	TT GDNN-GDTX Tịnh Biên
51	An Giang	027	THPT Nguyễn Trung Trực
51	An Giang	028	THPT Dân Tộc Nội Trú
51	An Giang	029	THPT Ba Chúc
51	An Giang	065	TT. GDTX Tri Tôn
51	An Giang	073	TC Nghề Dân tộc Nội Trú AG
51	An Giang	077	PT Cô Tô
51	An Giang	095	TT GDNN-GDTX Tri Tôn
51	An Giang	097	THCS-THPT Cô Tô
51	An Giang	019	THPT Trần Văn Thành
51	An Giang	020	THPT Châu Phú

51	An Giang	021	THPT Thanh Mỹ Tây
51	An Giang	022	THPT Bình Mỹ
51	An Giang	023	PT Bình Long
51	An Giang	061	TTDN-GDTX Châu Phú
51	An Giang	076	TC Kinh tế - Kỹ thuật AG
51	An Giang	080	THCS-THPT Bình Long
51	An Giang	091	TT GDNN-GDTX Châu Phú
51	An Giang	030	THPT Nguyễn Hữu Cảnh
51	An Giang	031	THPT Châu Văn Liêm
51	An Giang	032	THPT Huỳnh Thị Hường
51	An Giang	033	THPT Long Kiên
51	An Giang	034	THPT Mỹ Hiệp
51	An Giang	047	THPT Mỹ Hội Đông
51	An Giang	049	THPT Hòa Bình
51	An Giang	058	TT. GDTX Chợ Mới
51	An Giang	059	TT. GDTX Mỹ Luông
51	An Giang	082	THPT Ung Văn Khiêm
51	An Giang	083	THPT Nguyễn Văn Hưởng
51	An Giang	084	THPT Lương Văn Cù
51	An Giang	085	THPT Vô Thành Trinh
51	An Giang	088	TT GDNN-GDTX Chợ Mới
51	An Giang	089	TC Nghề Chợ Mới
51	An Giang	100	TC Kỹ thuật - Công nghệ An Giang
51	An Giang	037	THPT Nguyễn Bình Khiêm
51	An Giang	039	THPT Vĩnh Bình
51	An Giang	053	THPT Cần Đăng
51	An Giang	063	TTDN-GDTX Châu Thành
51	An Giang	093	TT GDNN-GDTX Châu Thành
51	An Giang	040	THPT Nguyễn Văn Thoại
51	An Giang	041	THPT Nguyễn Khuyến
51	An Giang	044	THPT Vọng Thê
51	An Giang	048	THPT Vĩnh Trạch
51	An Giang	060	TTDN-GDTX Thoại Sơn
51	An Giang	090	TT GDNN-GDTX Thoại Sơn

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	800	Học ở nước ngoài 52
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 52
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	001	THPT Vũng Tàu
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	002	THPT Trần Nguyên Hân
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	003	THPT Đinh Tiên Hoàng
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	004	THPT Chuyên Lê Quý Đôn
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	005	THPT Nguyễn Huệ
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	006	THPT Lê Hồng Phong

52	Bà Rịa-Vũng Tàu	007	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	008	THCS - THPT Song ngữ
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	034	TTGDTX-HN Vũng Tàu
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	061	BTVH Cấp 2,3 Nguyễn Thái Học
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	062	CĐ nghề Dầu khí
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	063	TC nghề Giao thông vận tải
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	064	TC Công nghệ thông tin TM. COMPUTER
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	067	CĐ nghề Du lịch Vũng Tàu
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	068	TC nghề KTKT Công đoàn Bà Rịa - VT
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	009	THPT Châu Thành
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	010	THPT Bà Rịa
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	011	THPT Nguyễn Bình Khiêm
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	012	THPT DL Chu Văn An
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	035	TTGDTX-DN-GTVL Bà Rịa
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	013	THPT Xuyên Mộc
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	014	THPT Phước Bửu
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	015	THPT Hòa Bình
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	016	THPT Hoà Hội
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	017	THPT Bung Riềng
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	036	TTGDTX-Dn-GTVL Xuyên Mộc
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	021	THPT Trần Văn Quan
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	022	THPT Long Hải - Phước Tỉnh
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	023	THPT Trần Quang Khải
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	024	THPT Minh Đạm
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	038	TTGDTX Long Điền
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	066	CĐ nghề tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	027	THCS-THPT Võ Thị Sáu
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	040	TTGDTX Côn Đảo
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	018	THPT Phú Mỹ
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	019	THPT Hắc Dịch
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	020	THPT Trần Hưng Đạo
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	037	TTGDTX Tân Thành
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	065	CĐ nghề quốc tế Hồng Lam
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	028	THPT Nguyễn Du
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	029	THPT Nguyễn Trãi
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	030	THPT Ngô Quyền
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	031	THPT Trần Phú
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	032	THPT Nguyễn Văn Cừ
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	033	Phổ thông DTNT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	041	tTgdtx-dn-gtvl Châu Đức
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	025	THPT Võ Thị Sáu
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	026	THPT Dương Bạch Mai
52	Bà Rịa-Vũng Tàu	039	TTGDTX-HN Đất Đỏ

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
53	Tiền Giang	800	Học ở nước ngoài 53
53	Tiền Giang	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 53
53	Tiền Giang	015	THPT Nguyễn Đình Chiểu
53	Tiền Giang	016	THPT Chuyên TG
53	Tiền Giang	017	THPT Trần Hưng Đạo
53	Tiền Giang	018	THPT Ấp Bắc
53	Tiền Giang	035	THPT Phước Thạnh
53	Tiền Giang	037	Năng Khiếu Thể dục Thể Thao
53	Tiền Giang	038	Trung tâm GDTX Mỹ Tho
53	Tiền Giang	044	Trường Văn hóa II- Bộ Công An
53	Tiền Giang	045	Trường CĐ Nghề Tiền Giang
53	Tiền Giang	046	Trường TC Kinh tế-Kỹ Thuật Tiền Giang
53	Tiền Giang	052	Trường CĐ Nông nghiệp Nam Bộ
53	Tiền Giang	025	THPT Trương Định
53	Tiền Giang	026	THPT Gò Công
53	Tiền Giang	032	THPT Bình Đông
53	Tiền Giang	049	Trường TC Nghề Khu vực Gò Công
53	Tiền Giang	051	Trường TC Bách Khoa Gò Công
53	Tiền Giang	001	THPT Cái Bè
53	Tiền Giang	002	THPT Phạm Thành Trung
53	Tiền Giang	003	THPT Thiên Hộ Dương
53	Tiền Giang	004	THPT Huỳnh Văn Sâm
53	Tiền Giang	005	THPT Lê Thanh Hiền
53	Tiền Giang	036	THCS&THPT Ngô Văn Nhạc
53	Tiền Giang	047	Trường TC Kỹ thuật -Nghiep vụ Cái Bè
53	Tiền Giang	007	THPT Lưu Tấn Phát
53	Tiền Giang	031	THPT Phan Việt Thống
53	Tiền Giang	010	THPT Tân Hiệp
53	Tiền Giang	011	THPT Vĩnh Kim
53	Tiền Giang	012	THPT Dương Diễm
53	Tiền Giang	013	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa
53	Tiền Giang	014	THPT Rạch Gầm-Xoài Mút
53	Tiền Giang	039	Trung tâm GDTX HN Châu Thành
53	Tiền Giang	055	Trung tâm GDNN -GDTX Châu Thành (+)
53	Tiền Giang	019	THPT Chợ Gạo
53	Tiền Giang	020	THPT Thủ Khoa Huân

53	Tiền Giang	021	THPT Trần Văn Hoài
53	Tiền Giang	033	THPT Bình Phục Nhứt
53	Tiền Giang	040	Trung tâm GDTX HN Chợ Gạo
53	Tiền Giang	056	Trung tâm GDNN -GDTX Chợ Gạo (+)
53	Tiền Giang	022	THPT Vĩnh Bình
53	Tiền Giang	023	THPT Long Bình
53	Tiền Giang	024	THPT Nguyễn Văn Thìn
53	Tiền Giang	041	Trung tâm GDTX HN Gò Công Tây
53	Tiền Giang	057	Trung tâm GDNN -GDTX Gò Công Tây (+)
53	Tiền Giang	027	THPT Nguyễn Văn Côn
53	Tiền Giang	028	THPT Gò Công Đông
53	Tiền Giang	042	Trung tâm GDTX HN Gò Công Đông
53	Tiền Giang	058	Trung tâm GDNN -GDTX Gò Công Đông (+)
53	Tiền Giang	029	THPT Tân Phước
53	Tiền Giang	030	THPT Nguyễn Văn Tiếp
53	Tiền Giang	043	Trung tâm GDTX HN Tân Phước
53	Tiền Giang	059	Trung tâm GDNN -GDTX Tân Phước (+)
53	Tiền Giang	034	THCS&THPT Phú Thạnh
53	Tiền Giang	054	THCS&THPT Tân Thới
53	Tiền Giang	006	THPT Đốc Bình Kiều
53	Tiền Giang	008	THPT Mỹ Phước Tây
53	Tiền Giang	009	THPT Tư Kiệt
53	Tiền Giang	048	Trường TC Kinh tế -Công nghệ Cai Lậy
53	Tiền Giang	050	Trường TC Nghề Khu vực Cai Lậy
53	Tiền Giang	053	THPT Lê Văn Phẩm

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
54	Kiên Giang	800	Học ở nước ngoài 54
54	Kiên Giang	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 54
54	Kiên Giang	001	THPT Nguyễn Trung Trực
54	Kiên Giang	002	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
54	Kiên Giang	003	THPT Nguyễn Hùng Sơn
54	Kiên Giang	004	THPT iSCHOOL Rạch Giá
54	Kiên Giang	005	Trung cấp Kỹ thuật-Nghiệp vụ Kiên Giang

54	Kiên Giang	013	PT Dân tộc Nội trú tỉnh Kiên Giang
54	Kiên Giang	022	Trung tâm GDTX tỉnh Kiên Giang
54	Kiên Giang	041	THPT Phó Cơ Điều
54	Kiên Giang	061	THPT Ngô Sĩ Liên
54	Kiên Giang	079	Cao đẳng Nghề tỉnh Kiên Giang
54	Kiên Giang	085	PT Đức Trí
54	Kiên Giang	087	CĐ Cộng đồng Kiên Giang
54	Kiên Giang	088	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kiên Giang
54	Kiên Giang	089	CĐ Sư phạm Kiên Giang
54	Kiên Giang	090	CĐ Y tế Kiên Giang
54	Kiên Giang	091	Chính trị tỉnh Kiên Giang
54	Kiên Giang	092	THPT Võ Văn Kiệt
54	Kiên Giang	093	PTNC iSchool Rạch Giá
54	Kiên Giang	006	THPT Nguyễn Thần Hiến
54	Kiên Giang	043	Trung tâm GDTX TX Hà Tiên
54	Kiên Giang	095	Trung tâm GDNN-GDTX TX Hà Tiên
54	Kiên Giang	007	THPT Kiên Lương
54	Kiên Giang	044	Trung tâm GDTX Kiên Lương
54	Kiên Giang	076	THPT Ba Hòn
54	Kiên Giang	096	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kiên Lương
54	Kiên Giang	008	THPT Hòn Đất
54	Kiên Giang	038	THPT Sóc Sơn
54	Kiên Giang	045	Trung tâm GDTX Hòn Đất
54	Kiên Giang	055	THPT Bình Sơn
54	Kiên Giang	062	THPT Phan Thị Ràng
54	Kiên Giang	071	THPT Nguyễn Hùng Hiệp
54	Kiên Giang	077	THPT Nam Thái Sơn
54	Kiên Giang	097	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hòn Đất
54	Kiên Giang	009	THPT Tân Hiệp
54	Kiên Giang	011	THPT Thanh Đông
54	Kiên Giang	046	Trung tâm GDTX Tân Hiệp
54	Kiên Giang	056	THPT Cây Dương
54	Kiên Giang	075	THPT Thanh Tây
54	Kiên Giang	098	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tân Hiệp
54	Kiên Giang	012	THPT Châu Thành
54	Kiên Giang	047	Trung tâm GDTX Châu Thành
54	Kiên Giang	067	THPT Mong Thọ
54	Kiên Giang	099	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Châu Thành
54	Kiên Giang	014	THPT Giồng Riềng
54	Kiên Giang	039	THPT Hòa Thuận

54	Kiên Giang	040	THPT Long Thành
54	Kiên Giang	048	Trung tâm GDTX Giồng Riềng
54	Kiên Giang	057	THPT Thanh Lộc
54	Kiên Giang	063	THPT Hòa Hưng
54	Kiên Giang	069	THPT Bàn Tân Định
54	Kiên Giang	082	Trung cấp Nghề DTNT tỉnh Kiên Giang
54	Kiên Giang	084	THCS Thạnh Phước
54	Kiên Giang	100	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Giồng Riềng
54	Kiên Giang	015	THPT Gò Quao
54	Kiên Giang	049	Trung tâm GDTX Gò Quao
54	Kiên Giang	064	THPT Định An
54	Kiên Giang	065	THPT Vĩnh Thắng
54	Kiên Giang	070	THPT Vĩnh Hoà Hưng Bắc
54	Kiên Giang	072	THPT Thới Quản
54	Kiên Giang	101	Trung tâm gDnN-GDTX huyện Gò Quao
54	Kiên Giang	016	THPT An Biên
54	Kiên Giang	042	THPT Đông Thái
54	Kiên Giang	050	Trung tâm GDTX An Biên
54	Kiên Giang	068	THPT Nam Yên
54	Kiên Giang	102	Trung tâm GDNN-GDTX huyện An Biên
54	Kiên Giang	017	THPT An Minh
54	Kiên Giang	051	Trung tâm GDTX An Minh
54	Kiên Giang	059	THPT Nguyễn Văn Xiển (trước 2017)
54	Kiên Giang	066	THPT Vân Khánh
54	Kiên Giang	094	THPT Nguyễn Văn Xiển (từ 2017)
54	Kiên Giang	103	Trung tâm GDNN-GDTX huyện An Minh
54	Kiên Giang	010	THPT Vĩnh Phong
54	Kiên Giang	018	THPT Vĩnh Thuận
54	Kiên Giang	052	Trung tâm GDTX Vĩnh Thuận
54	Kiên Giang	060	THPT Vĩnh Bình Bắc
54	Kiên Giang	104	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Vĩnh Thuận
54	Kiên Giang	019	THPT Phú Quốc
54	Kiên Giang	020	THPT An Thới
54	Kiên Giang	053	Trung tâm GDTX Phú Quốc
54	Kiên Giang	080	THPT Dương Đông
54	Kiên Giang	105	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Quốc
54	Kiên Giang	021	THPT Kiên Hải
54	Kiên Giang	074	THPT Lại Sơn
54	Kiên Giang	081	THCS An Sơn
54	Kiên Giang	058	THPT U Minh Thượng
54	Kiên Giang	073	THPT Minh Thuận

54	Kiên Giang	078	THPT Vĩnh Hoà
54	Kiên Giang	086	Trung cấp Nghề vùng U Minh Thượng
54	Kiên Giang	054	THPT Thoại Ngọc Hầu
54	Kiên Giang	083	Trung tâm GDTX Giang Thành
54	Kiên Giang	106	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Giang Thành

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
55	Cần Thơ	800	Học ở nước ngoài 55
55	Cần Thơ	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 55
55	Cần Thơ	000	Sở GD - ĐT Cần Thơ
55	Cần Thơ	002	THPT Châu Văn Liêm
55	Cần Thơ	003	THPT Nguyễn Việt Hồng
55	Cần Thơ	004	THPT Phan Ngọc Hiển
55	Cần Thơ	005	THPT Bán công An Bình
55	Cần Thơ	006	THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm
55	Cần Thơ	007	Phổ Thông Thái Bình Dương
55	Cần Thơ	008	TT GDTX Ninh Kiều
55	Cần Thơ	009	TT Ngoại ngữ - Tin học TP.Cần Thơ
55	Cần Thơ	010	TTGDTX-KTTH-HN Cần Thơ
55	Cần Thơ	011	Phòng GD&ĐT Q.Ninh Kiều
55	Cần Thơ	046	Trường trung cấp Bách Nghệ Ct
55	Cần Thơ	047	Trường TC Kinh tế - Kỹ thuật CT
55	Cần Thơ	049	Trường TC Miền Tây
55	Cần Thơ	051	CĐ Nghề Việt Mỹ, Phân hiệu CT
55	Cần Thơ	052	CĐ Nghề ISPACE, Phân hiệu CT
55	Cần Thơ	053	TC Nghề Cần Thơ
55	Cần Thơ	060	TH, THCS và THPT Quốc Văn
55	Cần Thơ	061	Phổ thông Việt Mỹ
55	Cần Thơ	062	Phổ thông năng khiếu Thể dục Thể thao
55	Cần Thơ	063	THPT Thực hành sư phạm - ĐHCT
55	Cần Thơ	065	TC Phạm Ngọc Thạch Cần Thơ
55	Cần Thơ	066	TC Đại Việt TP. Cần Thơ

55	Cần Thơ	068	CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ
55	Cần Thơ	069	Cao đẳng Cần Thơ
55	Cần Thơ	070	CĐ Y tế Cần Thơ
55	Cần Thơ	072	CĐ Nghề Du lịch Cần Thơ
55	Cần Thơ	074	TC Văn hóa - Nghệ thuật Cần Thơ
55	Cần Thơ	075	TC Thể dục - Thể Thao Cần Thơ
55	Cần Thơ	076	TC Giao Thông Vận tải Miền Nam
55	Cần Thơ	080	THPT An Khánh
55	Cần Thơ	012	THPT Bùi Hữu Nghĩa
55	Cần Thơ	014	THPT Bình Thủy
55	Cần Thơ	016	TTGDTX Bình Thủy
55	Cần Thơ	017	Phòng GD&ĐT Q.Bình Thủy
55	Cần Thơ	050	CĐ Nghề Cần Thơ
55	Cần Thơ	054	TC Nghề số 9, cơ sở 2 CT
55	Cần Thơ	064	TC Y dược MeKong
55	Cần Thơ	071	CĐ Kinh tế Đối ngoại TPHCM (Cơ sở 2 Cần Thơ)
55	Cần Thơ	073	TC Hồng Hà
55	Cần Thơ	013	THPT Chuyên Lý Tự Trọng
55	Cần Thơ	015	THPT Trần Đại Nghĩa
55	Cần Thơ	018	THPT Nguyễn Việt Dũng
55	Cần Thơ	019	TTGDtX Cái Răng
55	Cần Thơ	020	Phòng GD&ĐT Q.Cái Răng
55	Cần Thơ	055	TC Nghề Đông Dương
55	Cần Thơ	021	THPT Lưu Hữu Phước
55	Cần Thơ	022	THPT Thới Long
55	Cần Thơ	024	Phổ thông Dân Tộc Nội trú
55	Cần Thơ	025	THPT Lương Định Của
55	Cần Thơ	026	TTGDTX-KTTH-HN Ô Môn
55	Cần Thơ	027	Phòng GD&ĐT Q.Ô Môn
55	Cần Thơ	067	CĐ Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ
55	Cần Thơ	028	Thpt Phan Văn Trị
55	Cần Thơ	029	TTGDTX Phong Điền
55	Cần Thơ	030	Phòng GD&ĐT H.Phong Điền
55	Cần Thơ	058	THPT Giai Xuân
55	Cần Thơ	023	THCS và THPT Trần Ngọc Hoàng
55	Cần Thơ	032	tHpt Hà Huy Giáp
55	Cần Thơ	034	Phòng GD&ĐT H.Cờ Đỏ
55	Cần Thơ	040	THPT Trung An
55	Cần Thơ	057	TTGDTX Cờ Đỏ
55	Cần Thơ	035	THPT Thạnh An
55	Cần Thơ	037	TTGDTX Vĩnh Thạnh
55	Cần Thơ	038	Phòng GD&ĐT H.Vĩnh Thạnh
55	Cần Thơ	045	THPT Vĩnh Thạnh

55	Cần Thơ	077	THCS và THPT Thanh Thắng
55	Cần Thơ	039	THPT Thốt Nốt
55	Cần Thơ	041	THPT Thuận Hưng
55	Cần Thơ	042	TTGDTX Thốt Nốt
55	Cần Thơ	043	Phòng GD&ĐT Q.Thốt Nốt
55	Cần Thơ	078	THCS và THPT Thới Thuận
55	Cần Thơ	079	THCS và THPT Tân Lộc
55	Cần Thơ	031	THPT Thới Lai
55	Cần Thơ	033	TTGDTX Thới Lai
55	Cần Thơ	044	Phòng GD&ĐT H.Thới Lai
55	Cần Thơ	056	TC Nghề Thới Lai
55	Cần Thơ	059	THCS và THPT Trường Xuân

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
56	Bến Tre	800	Học ở nước ngoài 56
56	Bến Tre	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 56
56	Bến Tre	002	THPT Nguyễn Đình Chiểu
56	Bến Tre	023	THPT Bán Công Thị Xã
56	Bến Tre	030	THPT Chuyên Bến Tre
56	Bến Tre	040	THPT Võ Trường Toản
56	Bến Tre	045	Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Tre
56	Bến Tre	050	Phổ thông Hermann Gmeiner
56	Bến Tre	051	Trung cấp Y Tế Bến Tre
56	Bến Tre	062	CĐ Bến Tre
56	Bến Tre	066	THPT Lạc Long Quân
56	Bến Tre	068	CĐ nghề Đồng Khởi
56	Bến Tre	069	TC nghề Bến Tre
56	Bến Tre	072	Năng khiếu TDTT Bến Tre
56	Bến Tre	004	THPT Trần Văn Ôn
56	Bến Tre	005	THPT Diệp Minh Châu
56	Bến Tre	026	THPT BC Châu Thành A
56	Bến Tre	027	THPT BC Châu Thành B
56	Bến Tre	049	THPT Mạc Đĩnh Chi
56	Bến Tre	054	Trung tâm GDNN-GDTX Châu Thành
56	Bến Tre	067	THPT Nguyễn Huệ
56	Bến Tre	073	Nuôi Dạy Trẻ em khuyết tật
56	Bến Tre	007	THPT Trần Văn Kiết
56	Bến Tre	008	THPT Trương Vĩnh Ký
56	Bến Tre	029	THPT Bán công Chợ Lách
56	Bến Tre	034	THPT Bán công Vĩnh Thành
56	Bến Tre	055	Trung tâm GDNN-GDTX Chợ Lách
56	Bến Tre	024	THPT Ngô Văn Cẩn

56	Bến Tre	035	THPT Bán công Phước Mỹ Trung
56	Bến Tre	048	THPT Lê Anh Xuân
56	Bến Tre	070	Trung tâm GDNN-GDTX Mô Cày Bắc
56	Bến Tre	014	THPT Phan Văn Trị
56	Bến Tre	015	THPT Nguyễn Ngọc Thăng
56	Bến Tre	028	THPT Dân lập Giồng Trôm
56	Bến Tre	039	THPT Bán công Giồng Trôm
56	Bến Tre	057	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Giồng Trôm
56	Bến Tre	061	THPT Nguyễn Thị Định
56	Bến Tre	063	THPT Nguyễn Trãi
56	Bến Tre	017	THPT Lê Hoàng Chiêu
56	Bến Tre	018	THPT Huỳnh Tấn Phát
56	Bến Tre	025	THPT Lê Quý Đôn
56	Bến Tre	032	THPT Bán công Bình Đại
56	Bến Tre	037	THPT Bán công Lộc Thuận
56	Bến Tre	058	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Đại
56	Bến Tre	020	THPT Phan Thanh Giản
56	Bến Tre	036	THPT Bán công Ba Tri
56	Bến Tre	038	THPT Tấn Kế
56	Bến Tre	047	THPT Sương Nguyệt Anh
56	Bến Tre	059	Trung tâm GDNN-GDTX Ba Tri
56	Bến Tre	064	THPT Phan Ngọc Tông
56	Bến Tre	071	THPT Phan Liêm
56	Bến Tre	076	THPT Phan Liêm
56	Bến Tre	022	THPT Lê Hoài Đôn
56	Bến Tre	033	THPT Bán công Thạnh Phú
56	Bến Tre	043	THPT Trần Trường Sinh
56	Bến Tre	044	THPT Đoàn Thị Điểm
56	Bến Tre	060	Trung tâm GDNN-GDTX Thạnh Phú
56	Bến Tre	075	THPT Lê Hoài Đôn
56	Bến Tre	077	THPT Trần Trường Sinh
56	Bến Tre	010	THPT Chê-Ghêvara
56	Bến Tre	011	THPT Ca Văn Thỉnh
56	Bến Tre	012	THPT Bán công Mô Cày
56	Bến Tre	041	THPT Bán công An Thới
56	Bến Tre	042	THPT Quân Trọng Hoàng
56	Bến Tre	046	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
56	Bến Tre	056	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mô Cày Nam
56	Bến Tre	074	THPT An Thới

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
57	Vĩnh Long	000	Sở Giáo dục- Đào tạo
57	Vĩnh Long	800	Học ở nước ngoài 57
57	Vĩnh Long	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 57
57	Vĩnh Long	001	THPT Lưu Văn Liệt
57	Vĩnh Long	002	THPT Nguyễn Thông
57	Vĩnh Long	003	THPT Vĩnh Long
57	Vĩnh Long	015	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
57	Vĩnh Long	024	THCS và THPT Trưng Vương
57	Vĩnh Long	032	TTGDTX TP Vĩnh Long
57	Vĩnh Long	042	Năng khiếu Thể dục thể thao
57	Vĩnh Long	043	Cao đẳng Kinh tế Tài chính Vĩnh Long
57	Vĩnh Long	044	TT GDNN-GDTX TP Vĩnh Long
57	Vĩnh Long	052	Trung học Sư phạm Cửu Long
57	Vĩnh Long	004	THPT Phạm Hùng
57	Vĩnh Long	029	THCS và THPT Phú Quới
57	Vĩnh Long	033	TTGDTX huyện Long Hồ
57	Vĩnh Long	041	THPT Hòa Ninh
57	Vĩnh Long	045	TT GDNN-GDTX huyện Long Hồ
57	Vĩnh Long	005	THPT Mang Thít
57	Vĩnh Long	006	THPT Nguyễn Văn Thiệt
57	Vĩnh Long	023	THCSvàTHPT Mỹ Phước
57	Vĩnh Long	034	TTGDTX huyện Mang Thít
57	Vĩnh Long	046	TT GDNN-GDTX huyện Mang Thít
57	Vĩnh Long	009	THPT Bình Minh
57	Vĩnh Long	021	THPT Hoàng Thái Hiếu
57	Vĩnh Long	035	TTGDTX Thị xã Bình Minh
57	Vĩnh Long	047	TT GDNN-GDTX Thị xã Bình Minh
57	Vĩnh Long	011	THPT Trần Đại Nghĩa
57	Vĩnh Long	012	THCS và THPT Long Phú
57	Vĩnh Long	018	THPT Tam Bình
57	Vĩnh Long	026	Phổ thông Dân tộc Nội trú
57	Vĩnh Long	027	THCS và THPT Phú Thịnh
57	Vĩnh Long	028	THPT Phan Văn Hòa
57	Vĩnh Long	036	TTGDTX huyện Tam Bình
57	Vĩnh Long	048	TT GDNN-GDTX huyện Tam Bình
57	Vĩnh Long	053	THPT Song Phú
57	Vĩnh Long	013	THPT Trà Ôn
57	Vĩnh Long	014	THPT Hựu Thành
57	Vĩnh Long	019	THPT Lê Thanh Mừng
57	Vĩnh Long	020	THPT Vĩnh Xuân

57	Vĩnh Long	030	THCS và THPT Hoà Bình
57	Vĩnh Long	037	TTGDTX huyện Trà Ôn
57	Vĩnh Long	049	TT GDNN-GdTX huyện Trà Ôn
57	Vĩnh Long	054	THPT Lê Thanh Mừng (Từ ngày 28/4/2017)
57	Vĩnh Long	055	TT gDnN-GDTX huyện Trà Ôn (Từ ngày ngày 28/4/2017)
57	Vĩnh Long	007	THPT Võ Văn Kiệt
57	Vĩnh Long	008	THPT Hiếu Phụng
57	Vĩnh Long	022	THPT Nguyễn Hiếu Tự
57	Vĩnh Long	031	THCS và THPT Hiếu Nhơn
57	Vĩnh Long	038	TTGDTX huyện Vũng Liêm
57	Vĩnh Long	050	TT GDNN-GDTX huyện Vũng Liêm
57	Vĩnh Long	010	THPT Tân Quới
57	Vĩnh Long	025	THPT Tân Lược
57	Vĩnh Long	039	THCS và THPT Mỹ Thuận
57	Vĩnh Long	040	TTGDTX huyện Bình Tân
57	Vĩnh Long	051	TT GDNN-GDTX huyện Bình Tân

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
58	Trà Vinh	800	Học ở nước ngoài 58
58	Trà Vinh	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 58
58	Trà Vinh	001	THPT Phạm Thái Bường
58	Trà Vinh	011	Trường phổ thông Dân Tộc Nội Trú THPT tỉnh Trà Vinh
58	Trà Vinh	012	THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành
58	Trà Vinh	016	Trung tâm GDTX-HNDN thành phố Trà Vinh
58	Trà Vinh	017	THPT Thành Phố Trà Vinh
58	Trà Vinh	039	Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh
58	Trà Vinh	043	Trường Thực Hành Sư Phạm
58	Trà Vinh	047	Trường Trung cấp Pali Khmer
58	Trà Vinh	054	THPT Chuyên Trà Vinh (2011)
58	Trà Vinh	055	Cao đẳng Sư phạm Trà Vinh
58	Trà Vinh	002	THPT Nguyễn Đăng
58	Trà Vinh	003	THPT Nguyễn Văn Hai
58	Trà Vinh	013	Trung tâm GDTX - DN huyện Càng Long
58	Trà Vinh	014	THPT Hồ Thị Nhâm

58	Trà Vinh	015	THPT Dương Háo Học
58	Trà Vinh	020	THPT Bùi Hữu Nghĩa
58	Trà Vinh	048	Trung tâm GDNN -GDTX huyện Càng Long
58	Trà Vinh	056	THPT Bùi Hữu Nghĩa
58	Trà Vinh	004	THPT Cầu Kè
58	Trà Vinh	025	THPT Phong Phú
58	Trà Vinh	035	THPT Tam Ngãi
58	Trà Vinh	036	Trung tâm GDTX- DN huyện Cầu Kè
58	Trà Vinh	051	Trung tâm GDNN -GDTX huyện Cầu Kè
58	Trà Vinh	005	THPT Tiểu Cần
58	Trà Vinh	019	THPT Cầu Quan
58	Trà Vinh	028	Trung tâm GDTX- DN huyện Tiểu Cần
58	Trà Vinh	031	THPT Hiếu Tử
58	Trà Vinh	050	Trung tâm GDNN -GDTX huyện Tiểu Cần
58	Trà Vinh	006	THPT Vũ Đình Liệu
58	Trà Vinh	021	THPT Hòa Minh
58	Trà Vinh	027	Trung tâm GDTX- DN huyện Châu Thành
58	Trà Vinh	030	THPT Hòa Lợi
58	Trà Vinh	040	Trường THPT Lương Hòa A
58	Trà Vinh	049	Trung tâm GDNN -GDTX huyện Châu Thành
58	Trà Vinh	007	THPT Trà Cú
58	Trà Vinh	008	THPT Đại An
58	Trà Vinh	018	THPT Long Hiệp
58	Trà Vinh	024	THPT Hàm Giang
58	Trà Vinh	026	THPT Tập Sơn
58	Trà Vinh	038	Trung tâm GDTX-HNDN huyện Trà Cú
58	Trà Vinh	041	THCS-THPT Dân Tộc Nội Trú huyện Trà Cú
58	Trà Vinh	009	THPT Dương Quang Đông
58	Trà Vinh	022	THPT Cầu Ngang A
58	Trà Vinh	023	THPT Cầu Ngang B
58	Trà Vinh	032	THPT Nhị Trường
58	Trà Vinh	037	Trung tâm GDTX- DN huyện Cầu Ngang
58	Trà Vinh	052	Trung tâm GDNN -GDTX huyện Cầu Ngang
58	Trà Vinh	029	THPT Long Khánh
58	Trà Vinh	033	THPT Đôn Châu
58	Trà Vinh	044	THPT Duyên Hải
58	Trà Vinh	045	THPT Long Hữu
58	Trà Vinh	046	Trung Tâm GDTX-DN huyện Duyên Hải
58	Trà Vinh	010	THPT Duyên Hải
58	Trà Vinh	034	THPT Long Hữu

58	Trà Vinh	042	Trung tâm GDTX - DN thị xã Duyên Hải
58	Trà Vinh	053	Trung tâm GDNN -GDTX thị xã Duyên Hải

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
59	Sóc Trăng	900	Công an, Quân nhân tại ngũ 59
59	Sóc Trăng	002	THPT Hoàng Diệu
59	Sóc Trăng	003	THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
59	Sóc Trăng	004	TH, THCS&THPT iSchool Sóc Trăng
59	Sóc Trăng	005	Trung tâm GDTX tỉnh Sóc Trăng
59	Sóc Trăng	006	THPT dTnT Huỳnh Cương
59	Sóc Trăng	007	BTVH Pali Trung cấp Nam Bộ
59	Sóc Trăng	036	THPT Thành phố Sóc Trăng
59	Sóc Trăng	059	Trung tâm dạy nghề và GDTX TP. Sóc Trăng
59	Sóc Trăng	090	THPT Lê Lợi
59	Sóc Trăng	091	Phổ thông DTNT Sóc Trăng
59	Sóc Trăng	092	THCS&THPT Lê Hồng Phong
59	Sóc Trăng	094	Hệ thiếu sinh quân Trường Quân sự Quân khu 9
59	Sóc Trăng	104	Trung tâm GDNN-GDTX TP. Sóc Trăng
59	Sóc Trăng	800	Học ở nước ngoài 59
59	Sóc Trăng	008	THPT Kế Sách
59	Sóc Trăng	009	THPT An Lạc Thôn (trước 2017)
59	Sóc Trăng	010	THPT Phan Văn Hùng
59	Sóc Trăng	025	THPT Thiều Văn Chỏi
59	Sóc Trăng	032	Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Kế Sách
59	Sóc Trăng	097	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kế Sách
59	Sóc Trăng	106	THPT An Lạc Thôn (từ 2017)
59	Sóc Trăng	011	THPT Mỹ Hương
59	Sóc Trăng	021	THPT Huỳnh Hữu Nghĩa
59	Sóc Trăng	027	THPT An Ninh
59	Sóc Trăng	031	Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Mỹ Tú
59	Sóc Trăng	037	THCS&THPT Mỹ Thuận

59	Sóc Trăng	096	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mỹ Tú
59	Sóc Trăng	013	THPT Mỹ Xuyên
59	Sóc Trăng	014	THPT Văn Ngọc Chính
59	Sóc Trăng	023	THPT Ngọc Tổ
59	Sóc Trăng	033	THPT Hoa Tú
59	Sóc Trăng	060	Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Mỹ Xuyên
59	Sóc Trăng	105	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mỹ Xuyên
59	Sóc Trăng	018	THPT Trần Văn Bảy
59	Sóc Trăng	030	Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Thạnh Trị
59	Sóc Trăng	038	THPT Thạnh Tân
59	Sóc Trăng	051	THCS&THPT Hưng Lợi
59	Sóc Trăng	095	Trung tâm GDNN-GdTX huyện Thạnh Trị
59	Sóc Trăng	015	THPT Lương Định Của
59	Sóc Trăng	017	THPT Đại Ngãi
59	Sóc Trăng	052	THCS&THPT Tân Thạnh
59	Sóc Trăng	057	Trung tâm dạy nghề và GDtX H. Long Phú
59	Sóc Trăng	102	Trung tâm GdNn-GDTX huyện Long Phú
59	Sóc Trăng	020	THPT Nguyễn Khuyến
59	Sóc Trăng	028	THPT Vĩnh Hải
59	Sóc Trăng	034	Trung tâm dạy nghề và GDTX Thị xã Vĩnh Châu
59	Sóc Trăng	053	THCS&THPT Lai Hòa
59	Sóc Trăng	054	THCS&THPT DTNT Vĩnh Châu
59	Sóc Trăng	061	THCS&THPT Khánh Hoà
59	Sóc Trăng	098	Trung tâm GDNN-GDTX Thị xã Vĩnh Châu
59	Sóc Trăng	022	THPT Đoàn Văn Tố
59	Sóc Trăng	029	THPT An Thạnh 3
59	Sóc Trăng	056	Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Cù Lao Dung
59	Sóc Trăng	101	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cù Lao Dung
59	Sóc Trăng	019	THPT Mai Thanh Thế
59	Sóc Trăng	026	THPT Lê Văn Tám
59	Sóc Trăng	055	Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Ngã Năm
59	Sóc Trăng	063	THPT Ngã Năm
59	Sóc Trăng	093	THPT Mỹ Quới
59	Sóc Trăng	100	Trung tâm GdNN-GDTX huyện Ngã Năm
59	Sóc Trăng	012	THPT Phú Tâm
59	Sóc Trăng	024	THPT Thuận Hòa
59	Sóc Trăng	035	Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Châu Thành

59	Sóc Trăng	099	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Châu Thành
59	Sóc Trăng	016	THPT Lịch Hội Thượng
59	Sóc Trăng	058	Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Trần Đề
59	Sóc Trăng	062	THCS&THPT Trần Đề
59	Sóc Trăng	103	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Trần Đề

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
60	Bạc Liêu	800	Học ở nước ngoài 60
60	Bạc Liêu	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 60
60	Bạc Liêu	002	THPT Bạc Liêu
60	Bạc Liêu	008	THPT Phan Ngọc Hiến
60	Bạc Liêu	009	THPT Chuyên Bạc Liêu
60	Bạc Liêu	010	TT GDTX tỉnh Bạc Liêu
60	Bạc Liêu	021	THPT Hiệp Thành
60	Bạc Liêu	034	Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu
60	Bạc Liêu	035	Trung cấp Văn hóa -Nghệ thuật Bạc Liêu
60	Bạc Liêu	036	Cao đẳng Nghề Bạc Liêu
60	Bạc Liêu	041	Trung học Sư phạm Bạc Liêu
60	Bạc Liêu	042	Trung học Sư phạm Minh Hải
60	Bạc Liêu	043	Cao đẳng Sư phạm Bạc Liêu
60	Bạc Liêu	004	THPT Lê Văn Dầu
60	Bạc Liêu	017	Trung tâm GD&DN Vĩnh Lợi
60	Bạc Liêu	020	THPT Vĩnh Hưng
60	Bạc Liêu	038	Trung cấp Nghề Bạc Liêu
60	Bạc Liêu	048	TTGDNN-GDTX huyện Vĩnh Lợi
60	Bạc Liêu	007	THPT Ngan Dừa
60	Bạc Liêu	019	Trung tâm GD&DN Hồng Dân
60	Bạc Liêu	024	THPT Ninh Quới
60	Bạc Liêu	025	THPT Ninh Thạnh Lợi
60	Bạc Liêu	052	TTGDNN-GDTX huyện Hồng Dân
60	Bạc Liêu	005	THPT Giá Rai
60	Bạc Liêu	054	THPT Giá Rai (trước 2018)
60	Bạc Liêu	013	THPT Nguyễn Trung Trực
60	Bạc Liêu	055	THPT Nguyễn Trung Trực (trước 2018)
60	Bạc Liêu	016	Trung tâm GD&DN Giá Rai
60	Bạc Liêu	040	THPT Tân Phong
60	Bạc Liêu	049	TTGDNN-GDTX thị xã Giá Rai

60	Bạc Liêu	053	THPT Tân Phong
60	Bạc Liêu	006	THPT Võ Văn Kiệt
60	Bạc Liêu	012	THPT Trần Văn Bảy
60	Bạc Liêu	015	Trung tâm GD&DN Phước Long
60	Bạc Liêu	046	TTGDTX Phước Long
60	Bạc Liêu	051	TTGDNN-GDTX huyện Phước Long
60	Bạc Liêu	014	THPT Điền Hải
60	Bạc Liêu	018	Trung tâm GD&DN Đông Hải
60	Bạc Liêu	022	THPT Gành Hào
60	Bạc Liêu	023	THPT Định Thành
60	Bạc Liêu	050	TTGDNN-GDTX huyện Đông Hải
60	Bạc Liêu	003	THPT Lê Thị Riêng
60	Bạc Liêu	011	Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Bạc Liêu
60	Bạc Liêu	026	Trung tâm GD&DN Hòa Bình
60	Bạc Liêu	039	Trường THCS&THPT Trần Văn Lắm
60	Bạc Liêu	045	TTGDTX Hòa Bình
60	Bạc Liêu	047	TTGDNN-GDTX huyện Hòa Bình

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
61	Cà Mau	800	Học ở nước ngoài 61
61	Cà Mau	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 61
61	Cà Mau	002	THPT Hồ Thị Kỷ
61	Cà Mau	003	THPT Tắc Vân
61	Cà Mau	015	THPT Cà Mau
61	Cà Mau	016	THPT Chuyên Phan Ngọc Hiển
61	Cà Mau	017	TTGDTX TP. Cà Mau
61	Cà Mau	019	Phổ thông Dân tộc nội trú
61	Cà Mau	020	THPT Nguyễn Việt Khái
61	Cà Mau	030	Phổ thông Hermann Gmeiner
61	Cà Mau	037	THPT Thanh Bình Cà Mau
61	Cà Mau	041	Trường TC Nghề Cà Mau
61	Cà Mau	042	THCS-THPT Lý Văn Lâm
61	Cà Mau	043	TTGDNN TP. Cà Mau
61	Cà Mau	052	Cao đẳng Nghề Việt Nam-Hàn Quốc Cà Mau
61	Cà Mau	004	THPT Thới Bình
61	Cà Mau	005	THPT Lê Công Nhân

61	Cà Mau	022	TTGDTX Thới Bình
61	Cà Mau	028	THPT Nguyễn Văn Nguyễn
61	Cà Mau	044	TTGDNN Thới Bình
61	Cà Mau	053	THPT Tân Bằng
61	Cà Mau	006	THPT U Minh
61	Cà Mau	023	TTGDTX U Minh
61	Cà Mau	031	THPT Khánh Lâm
61	Cà Mau	040	THPT Khánh An
61	Cà Mau	045	TTGDNN U Minh
61	Cà Mau	007	THPT Trần Văn Thời
61	Cà Mau	008	THPT Huỳnh Phi Hùng
61	Cà Mau	018	THPT Khánh Hưng
61	Cà Mau	021	THPT Sông Đốc
61	Cà Mau	024	TTGDTX Trần Văn Thời
61	Cà Mau	039	THPT Võ Thị Hồng
61	Cà Mau	046	TTGDNN Trần Văn Thời
61	Cà Mau	011	THPT Cái Nước
61	Cà Mau	012	THPT Nguyễn Mai
61	Cà Mau	025	TTGDTX Cái Nước
61	Cà Mau	029	THPT Phú Hưng
61	Cà Mau	047	TTGDNN Cái Nước
61	Cà Mau	009	THPT Đầm Dơi
61	Cà Mau	010	THPT Thái Thanh Hoà
61	Cà Mau	026	TTGDTX Đầm Dơi
61	Cà Mau	034	THPT Tân Đức
61	Cà Mau	048	TTGDNN Đầm Dơi
61	Cà Mau	059	THPT Quách Văn Phẩm
61	Cà Mau	032	TTGDTX Ngọc Hiển
61	Cà Mau	035	THPT Viên An
61	Cà Mau	038	THPT Ngọc Hiển
61	Cà Mau	049	TTGDNN Ngọc Hiển
61	Cà Mau	014	THPT Phan Ngọc Hiển
61	Cà Mau	027	TTGDTX Năm Căn
61	Cà Mau	050	TTGDNN Năm Căn
61	Cà Mau	013	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
61	Cà Mau	033	TTGDTX Phú Tân
61	Cà Mau	036	THPT Phú Tân
61	Cà Mau	051	TTGDNN Phú Tân

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
62	Điện Biên	800	Học ở nước ngoài 62
62	Điện Biên	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 62
62	Điện Biên	000	Sở Giáo dục và Đào tạo
62	Điện Biên	001	Trường THPT thành phố Điện Biên Phủ

62	Điện Biên	002	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn
62	Điện Biên	003	Trường THPT Phan Đình Giót
62	Điện Biên	004	Trường Phổ thông Dân tộc Nội Trú Tỉnh
62	Điện Biên	005	Trung tâm GDTX Tỉnh
62	Điện Biên	038	Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên
62	Điện Biên	048	Trường CĐ Kinh tế Kỹ thuật Điện Biên
62	Điện Biên	049	Trường CĐ Y tế Điện Biên
62	Điện Biên	050	Trường CĐ Sư phạm Điện Biên
62	Điện Biên	007	Trường THPT thị xã Mường Lay
62	Điện Biên	009	Trường THPT huyện Điện Biên
62	Điện Biên	010	Trường THPT Thanh Chấn
62	Điện Biên	022	Trường THPT Mường Nhà
62	Điện Biên	024	Trường THPT Nà Tàu
62	Điện Biên	027	Trung tâm GDTX huyện Điện Biên
62	Điện Biên	039	Trường PT DTNT THPT huyện Điện Biên
62	Điện Biên	046	Trường THPT Thanh Nua
62	Điện Biên	012	Trường THPT Tuần Giáo
62	Điện Biên	030	Trung tâm GDTX huyện Tuần Giáo
62	Điện Biên	033	Trường THPT Mùn Chung
62	Điện Biên	040	Trường PT DTNT THPT huyện Tuần Giáo
62	Điện Biên	015	Trường THPT Mường Chà
62	Điện Biên	028	Trung tâm GDTX huyện Mường Chà
62	Điện Biên	045	Trường PT DTNT THPT huyện Mường Chà
62	Điện Biên	017	Trường THPT Tủa Chùa
62	Điện Biên	029	Trung tâm GDTX huyện Tủa Chùa
62	Điện Biên	036	Trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng
62	Điện Biên	041	Trường PT DTNT THPT huyện Tủa Chùa
62	Điện Biên	019	Trường THPT Trần Can
62	Điện Biên	023	Trường THPT Mường Luân
62	Điện Biên	026	Trung tâm GDTX huyện Điện Biên Đông
62	Điện Biên	044	Trường PT DTNT THPT huyện Điện Biên Đông
62	Điện Biên	031	Trường THPT Mường Nhé

62	Điện Biên	037	Trung tâm GDTX huyện Mường Nhé
62	Điện Biên	043	Trường PT DTNT THPT huyện Mường Nhé
62	Điện Biên	013	Trường THPT Mường Ảng
62	Điện Biên	025	Trường THPT Búng Lao
62	Điện Biên	034	Trung tâm GDTX huyện Mường Ảng
62	Điện Biên	042	Trường PT DTNT THPT huyện Mường Ảng
62	Điện Biên	035	Trường THPT Chà Cang

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
63	Đắk Nông	800	Học ở nước ngoài 63
63	Đắk Nông	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 63
63	Đắk Nông	000	Sơ GD&ĐT Đắk Nông
63	Đắk Nông	001	THPT Chu Văn An
63	Đắk Nông	002	Trung học phổ thông Dân tộc nội trú N' Trang Long tỉnh Đắk Nông
63	Đắk Nông	022	THPT Gia Nghĩa
63	Đắk Nông	024	TT GDTX tỉnh
63	Đắk Nông	033	Trung cấp nghề Đắk Nông
63	Đắk Nông	037	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh
63	Đắk Nông	003	THPT Phạm Văn Đồng
63	Đắk Nông	004	THPT Nguyễn Tất Thành
63	Đắk Nông	010	TT GDnN - GDTX Đắk RLấp
63	Đắk Nông	017	THPT Trường Chinh
63	Đắk Nông	030	Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk RLấp
63	Đắk Nông	035	THPT Nguyễn Đình Chiểu
63	Đắk Nông	006	THPT Đắk Mil
63	Đắk Nông	007	THPT Trần Hưng Đạo
63	Đắk Nông	011	TT GDNN - GdTx Đắk Mil
63	Đắk Nông	015	THPT Quang Trung
63	Đắk Nông	027	THPT Nguyễn Du
63	Đắk Nông	028	Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk Mil
63	Đắk Nông	008	THPT Phan Chu Trinh
63	Đắk Nông	013	TT GDNN - GDTX Cư Jút
63	Đắk Nông	014	THPT Phan Bội Châu
63	Đắk Nông	019	THPT Nguyễn Bình Khiêm
63	Đắk Nông	026	THPT Đào Duy Từ
63	Đắk Nông	032	Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Cư Jút

63	Đắk Nông	005	THPT Đắk Song
63	Đắk Nông	020	TT GDNN - GDTX Đắk Song
63	Đắk Nông	025	THPT Phan Đình Phùng
63	Đắk Nông	029	Phổ thông DTNT THCS- THPT huyện Đắk Song
63	Đắk Nông	039	THPT Lương Thế Vinh
63	Đắk Nông	009	THPT Krông Nô
63	Đắk Nông	012	TT GDNN - GDTX Krông Nô
63	Đắk Nông	016	THPT Hùng Vương
63	Đắk Nông	021	THPT Trần Phú
63	Đắk Nông	023	THPT Đắk Glong
63	Đắk Nông	031	Phổ thông DTNT THCS- THPT huyện Đắk Glong
63	Đắk Nông	036	THPT Lê Duẩn
63	Đắk Nông	018	THPT Lê Quý Đôn
63	Đắk Nông	038	TT GDNN - GdTX Tuy Đức

Mã Tỉnh/TP	Tên Tỉnh/TP	Mã Trường	Tên Trường
64	Hậu Giang	800	Học ở nước ngoài 64
64	Hậu Giang	900	Quân nhân, Công an tại ngũ 64
64	Hậu Giang	001	Sở GD và ĐT Hậu Giang
64	Hậu Giang	002	THPT Vị Thanh
64	Hậu Giang	018	Phòng Giáo dục thành phố Vị Thanh
64	Hậu Giang	028	THPT Chiêm Thành Tấn
64	Hậu Giang	029	TT GDTX thành phố Vị Thanh
64	Hậu Giang	039	THPT chuyên Vị Thanh
64	Hậu Giang	042	TC nghề tỉnh Hậu Giang
64	Hậu Giang	229	TT GDTX tỉnh Hậu Giang
64	Hậu Giang	349	Trường Trung cấp Kỹ thuật- Công nghệ tỉnh Hậu Giang
64	Hậu Giang	350	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang
64	Hậu Giang	004	THPT Vị Thủy
64	Hậu Giang	019	Phòng Giáo dục H. Vị Thủy
64	Hậu Giang	027	THPT Lê Hồng Phong
64	Hậu Giang	030	TT GDTX H. Vị Thủy
64	Hậu Giang	046	THPT Vĩnh Tường
64	Hậu Giang	230	TT GDNN-GDTX H. Vị Thủy
64	Hậu Giang	248	Trường Trung cấp Luật Vị Thanh
64	Hậu Giang	351	Trường Trung cấp Kinh tế-Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang
64	Hậu Giang	005	THPT Long Mỹ (huyện LM)
64	Hậu Giang	006	THPT Tây Đô

64	Hậu Giang	020	Phòng Giáo dục H. Long Mỹ
64	Hậu Giang	025	Phổ thông Dân tộc nội trú (huyện LM)
64	Hậu Giang	026	THPT Tân Phú (huyện LM)
64	Hậu Giang	031	TT GDTX Long Mỹ
64	Hậu Giang	037	THPT Lương Tâm
64	Hậu Giang	247	TT GDNN-GdTX H. Long Mỹ
64	Hậu Giang	009	THPT Lương Thế Vinh
64	Hậu Giang	010	THPT Cây Dương
64	Hậu Giang	017	THPT Tân Long
64	Hậu Giang	021	Phòng Giáo dục H. Phụng Hiệp
64	Hậu Giang	032	TT GDTX H. Phụng Hiệp
64	Hậu Giang	036	THPT Hòa An
64	Hậu Giang	232	TT GDNN-GDTX H. Phụng Hiệp
64	Hậu Giang	012	THPT Ngã' Sáu
64	Hậu Giang	022	Phòng Giáo dục H. Châu Thành
64	Hậu Giang	033	TT GDTX H. Châu Thành
64	Hậu Giang	038	THPT Phú Hữu
64	Hậu Giang	045	CĐ Nghề Trần Đại Nghĩa
64	Hậu Giang	233	TT gDnN-GDTX H. Châu Thành
64	Hậu Giang	013	THPT Tâm Vu
64	Hậu Giang	014	THPT Cái Tắc
64	Hậu Giang	015	THPT Châu Thành A
64	Hậu Giang	023	Phòng Giáo dục H. Châu Thành A
64	Hậu Giang	034	TT GDTX H. Châu Thành A
64	Hậu Giang	041	THPT Trường Long Tây
64	Hậu Giang	234	TT GDNN-GDTX H. Châu Thành A
64	Hậu Giang	011	THPT Nguyễn Minh Quang
64	Hậu Giang	024	Phòng Giáo dục Thị xã Ngã Bảy
64	Hậu Giang	035	TT GDTX thị xã Ngã Bảy
64	Hậu Giang	040	THPT Lê Quý Đôn
64	Hậu Giang	043	TC nghề Ngã Bảy
64	Hậu Giang	311	THPT Nguyễn Minh Quang
64	Hậu Giang	335	TT gDnN-GDTX thị xã Ngã Bảy
64	Hậu Giang	340	THPT Lê Quý Đôn
64	Hậu Giang	047	Phòng Giáo dục thị xã Long Mỹ (huyện LM)
64	Hậu Giang	105	THPT Long Mỹ
64	Hậu Giang	125	Phổ thông Dân tộc nội trú
64	Hậu Giang	126	THPT Tân Phú
64	Hậu Giang	131	TT GDTX Long Mỹ
64	Hậu Giang	147	Phòng Giáo dục thị xã Long Mỹ

64	Hậu Giang	231	TT GdNN-GDTH tx Long Mỹ
65	Cục nhà trường	001	Trường Đại học văn hóa nghệ thuật Quân đội
65	Cục nhà trường	002	Trường Cao đẳng nghề Số 8